

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Bình Định, tháng 9 - 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

Bình Định, tháng 9 - 2020



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

(Kèm theo Quyết định số 948/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Trần Thị Giang	TS. GVC, Trưởng Khoa GDTH & MN	Phó Chủ tịch	
4	Bà Bùi Thị Thúy Hằng	ThS, GV. Phó Trưởng Khoa GDTH & MN	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS. TP. KT&BDCL	Thành viên	
6	Ông Trương Minh Tấn	TS, PTP. Đào tạo đại học	Thành viên	
7	Ông Châu Minh Hùng	TS, GVC. TBM khoa GDTH & MN	Thành viên	
8	Ông Tô Văn Dung	ThS, GVC. TBM Khoa GDTH & MN	Thành viên	
9	Ông Phạm Xuân Trường	ThS, GV. Phó TBM Khoa GDTH & MN	Thành viên	
10	Ông Lê Nhật Ký	TS, GVC Khoa GDTH & MN	Thành viên	
11	Bà Nguyễn Thị Tường Loan	TS, GVC Khoa GDTH & MN	Thành viên	
12	Ông Lê Công Hạnh	ThS, GVC Khoa GDTH & MN	Thành viên	
13	Bà Phạm Thị Thu Hà	ThS, GVC Khoa GDTH & MN	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Khắc Khanh	ThS, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ sinh viên & QHDN	Thành viên	
15	Bà Võ Thị Bích Hòa	SV GDMNK40, Khoa GDTH & MN	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người)

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	1
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá ..	2
2. Tổng quan chung.....	5
2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn	5
2.2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non.....	9
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	13
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	13
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	22
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	30
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	39
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	47
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	60
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	75
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	85
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	96
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	106
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	120
PHẦN III: KẾT LUẬN	137
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	155
Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	155
Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC.....	172

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CĐR	:	Chuẩn đầu ra
CLĐT	:	Chất lượng đào tạo
CTDH	:	Chương trình dạy học
CTĐT	:	Chương trình đào tạo
CTGDĐH	:	Chương trình giáo dục đại học
CTGDMN	:	Chương trình giáo dục mầm non
CSVC	:	Cơ sở vật chất
CVHT	:	Cổ vấn học tập
ĐCCTHP	:	Đề cương chi tiết học phần
ĐHQN	:	Đại học Quy Nhơn
ĐHSP	:	Đại học sư phạm
GDDH	:	Giáo dục đại học
GD&ĐT	:	Giáo dục và Đào tạo
GDMN	:	Giáo dục Mầm non
GDTH	:	Giáo dục Tiểu học
GS	:	Giáo sư
GV	:	Giảng viên
KH&CN	:	Khoa học và công nghệ
KT&BDCL	:	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng
KTX	:	Ký túc xá
MC	:	Minh chứng
MTĐT	:	Mục tiêu đào tạo
NCKH	:	Nghiên cứu khoa học
NCS	:	Nghiên cứu sinh

PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
PGS	:	Phó giáo sư
SV	:	Sinh viên
TC	:	Tín chỉ
TN-TH	:	Thí nghiệm thực hành
ThS	:	Thạc sĩ
TS	:	Tiến sĩ
YKPH	:	Ý kiến phản hồi

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Để đáp ứng nhu cầu và sự phát triển của xã hội về đào tạo đội ngũ giáo viên nói chung và đội ngũ giáo viên giáo viên tiểu học và mầm non nói riêng, năm học 2003-2004, Khoa Giáo dục Tiểu học vinh dự nhận thêm nhiệm vụ của xã hội và Nhà trường là đào tạo giáo viên mầm non. Sau năm học 2003-2004, Khoa chính thức đào tạo hai ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non. Trải qua gần 30 năm, Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non luôn không ngừng phấn đấu và khẳng định vị thế của mình.

Sự phát triển của Khoa luôn gắn liền với sự phát triển của Trường Đại học Quy Nhơn. Hiện nay, Trường ĐHQN là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Mục tiêu, chiến lược của Nhà trường là luôn quan tâm đến nâng cao CLĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ cao cho sự phát triển của khu vực và cả nước, phù hợp với sứ mạng của Nhà trường là “đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”.

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non là một đơn vị đào tạo thuộc Trường ĐHQN; bởi vậy, sứ mạng của Khoa là sự cụ thể hóa sứ mạng của Nhà trường về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trình độ đại học, thạc sĩ; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực Giáo dục Tiểu học và Mầm non.

Để nâng cao CLĐT nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội, việc thẩm định, đánh giá CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Vì thế, Trường ĐHQN tự nguyện đăng ký tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, theo các công văn hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT. Đây chính là một cơ hội tốt để kiểm định, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT đại học ngành GDMN để từ đó xác định những việc cần làm, nhằm đảm bảo, duy trì và nâng cao chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực và quốc tế.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Giáo dục Mầm non* bao gồm 4 phần:

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (mô tả cấu trúc, nội dung, cách mã hóa minh chứng,...)

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT...)

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn ...

Mở đầu

Tiêu chí ...

1. Mô tả (Mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)

2. Điểm mạnh (Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)

3. Điểm tồn tại (Nêu những điểm tồn tại của CTĐT)

4. Kế hoạch hành động (Kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại...)

5. Tự đánh giá (Tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của tiêu chí)

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT; những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

- Phần IV. Phụ lục (Gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các tài liệu liên quan khác; danh mục MC).

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá

a. Mục đích tự đánh giá

- Xác định mức độ đáp ứng của CTĐT ngành GDMN so với bộ tiêu chuẩn đánh

giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT.

- Là cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng của CTĐT ngành GDMN.
- Là cơ sở để giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình; cơ sở cho người học lựa chọn chương trình và nhà sử dụng lao động tuyển chọn nhân lực.
- Là cơ sở để đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT.

b. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non và các đơn vị phối hợp của Trường ĐHQN trong việc thực hiện CTĐT ngành GDMN theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Thời gian đánh giá: giai đoạn 2015 - 2020.

c. Phương pháp và công cụ đánh giá

Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH số 1074/KTKĐGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn tự đánh giá CTĐT số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành GDMN được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các mô tả, phân tích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các MC cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá CTĐT, bên cạnh các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, Khoa đã huy động phần lớn các GV, viên chức của Khoa và một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

d. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDMN được thành lập theo Quyết định số

947/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, Hội đồng gồm có 15 thành viên (danh sách kèm theo).

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban thư ký gồm 07 thành viên và 05 nhóm công tác gồm 21 thành viên được thành lập theo Quyết định số 947/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN.

e. Quy trình tự đánh giá CTĐT

Quy trình tự đánh giá CTĐT gồm các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến; hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

f. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp MC” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn

Năm 1977 **Cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn** được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục, và đây chính là tiền thân của Trường ĐHQN. Năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 thành lập **Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn** trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học”.

Trên đà phát triển chung của đất nước, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn cũng không ngừng phát triển lớn mạnh, năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 đổi tên thành **Trường Đại học Quy Nhơn**, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội; 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHQN luôn quan tâm đến việc nâng cao CLĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ cao cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước phù hợp với sứ mạng của nhà trường.

Trường đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên THPT; đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật và công nghệ, góp phần to lớn vào sự nghiệp GD&ĐT, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao dân trí của khu vực và cả nước.

**** Sứ mệnh và tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn***

Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

Sứ mệnh: “Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng

nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

Giá trị cốt lõi: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.”

**** Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn***

Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, với nội dung

“Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”

và với ý nghĩa như sau:

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

**** Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Quy Nhơn bao gồm:***

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác;

- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;

- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện nghiên cứu khoa học và công nghệ; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.

Nhà trường hiện có 12 khoa, 15 đơn vị chức năng (trong đó có 10 phòng, 01 văn phòng Đảng - Đoàn thể, 02 trung tâm, 01 thư viện, 01 viện khoa học giáo dục), 05 đơn vị trực thuộc (04 trung tâm, 01 viện nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ) và các tổ chức, đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức.

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Nhà trường bảo đảm về số lượng và phát triển về chất lượng. Tính đến tháng 9/2020, Trường có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 giảng viên, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 NCS (81 NCS trong nước và 36 NCS nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ thạc sĩ; tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chiếm 37,27%, vượt 12,27% chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Nhà trường đến năm 2020.

Về ngành nghề và quy mô đào tạo, Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực gồm: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, nhất là giáo viên THPT; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao; trong đó đào tạo giáo viên (sư phạm) là thế mạnh của Trường. Trường hiện đào tạo 46 ngành đại học với quy mô hơn 19.000 SV (hệ chính quy và không chính quy); đào tạo 22 chuyên ngành thạc sĩ và 3 chuyên ngành tiến sĩ với quy mô hơn 1.200 học viên, NCS.

Hoạt động NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ là một nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả đáng kể. Trong 5 năm trở lại đây, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh; có hàng trăm bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế danh tiếng như SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế, thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài.

Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và phát triển **hợp tác quốc tế** theo chiều sâu trong liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới, tạo cơ hội để giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới như: Bỉ, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan...

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, Nhà trường có diện tích đất là 24 ha; trong đó gần 13,2 ha là cơ sở chính ở tại trung tâm thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, và gần 11 ha là Khu Nghiên cứu và Thực nghiệm Nông nghiệp theo hướng công nghệ cao Nhơn Tân ở tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, cách Trường khoảng 40 km. Trường có hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng lab học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có đủ hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn. Thư viện của Trường có đủ đầu sách, giáo trình, tài liệu, được kết nối với hệ thống Thư viện quốc và các trường đại học. Nhà luyện tập thể dục thể thao với diện tích sàn gần 1.800m² phục vụ tốt cho việc dạy học, các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của sinh viên.

Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được chú trọng đầu tư ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo. Các phần mềm được triển khai ứng dụng: Cổng thông tin điện tử - Portal; Quản lý nhân sự - HRM; Quản lý khảo sát ý kiến sinh viên - eSurvey; Quản lý tạp chí khoa học - JMS; Quản lý văn bản, công việc - eOffice; Quản lý tuyển sinh đại học chính quy online;... Mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại các khu KTX; triển khai E-Learning. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

Về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, năm 2016-2017, Trường đã thực hiện kiểm định và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Năm 2019-2020, thực hiện kiểm định và được Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho ba ngành đào tạo Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học và Kỹ thuật điện (các Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 92/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020, Quyết định số 93/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Hiện nay

Trường đang tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài 09 chương trình đào tạo. Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời công khai, giải trình với các bên liên quan và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

2.2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non

2.2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non tiền thân **Ban Giáo dục Tiểu học** được thành lập năm 1990. Ban Giáo dục Tiểu học đã phát triển một cách nhanh chóng theo đà phát triển chung của Nhà trường và theo yêu cầu đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học trình độ cử nhân cho đất nước. Năm 1994, **Khoa Giáo dục Tiểu học** được thành lập.

Năm 2003-2004, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phát triển ngành giáo dục và của Trường ĐHQN, Khoa được giao thêm nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non có trình độ cử nhân. Cũng vì thế, đến tháng 9/2011 Khoa Giáo dục Tiểu học được đổi tên thành **Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non**. So với một số đơn vị khác trong trường, Khoa GDTH&MN là một đơn vị tương đối trẻ nhưng tập thể cán bộ GV trong Khoa từ ngày thành lập đến nay đã không ngừng cố gắng, nỗ lực, phấn đấu vươn lên phát triển và trưởng thành để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể cán bộ, GV trong Khoa đã có những thành tích đáng khích lệ góp phần vào việc phát triển chung của Nhà trường.

Khoa GDTH&MN là đơn vị đầu tiên trong cả nước đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ cử nhân, tuyển sinh trực tiếp từ nguồn học sinh tốt nghiệp THPT; và tiếp theo là đào tạo cử nhân GDMN. Khoa là cơ sở đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học và mầm non trình độ đại học hệ chính quy chủ yếu cho các tỉnh trong khu vực Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước. Ngoài ra, Khoa còn thực hiện liên kết với các trung tâm GDTX, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trong khu vực đào tạo đại học hệ không chính quy Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non theo hình thức liên thông 2 năm, 3 năm, tại chức 4 năm và bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu chuẩn hóa, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tiểu học và mầm non.

2.2.2. Sứ mệnh và tầm nhìn

Để phát triển theo định hướng nêu trên, Khoa GDTH&MN đã lập kế hoạch chiến

lược phát triển với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ ưu tiên... thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của Khoa như sau:

- *Sứ mệnh:*

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học, giáo viên mầm non chất lượng cao và NCKH, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của đất nước (đặc biệt là khu vực miền Trung – Tây Nguyên) và hội nhập quốc tế.

- *Tầm nhìn:*

Đến năm 2030, Giáo dục Tiểu học và Mầm non Trường ĐHQN sẽ là đơn vị đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học, giáo viên mầm non có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật về Giáo dục Tiểu học và Mầm non trong nước và quốc tế.

2.2.3. Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên

- Cơ cấu tổ chức của Khoa được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường đại học. Cụ thể:

- + Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa
- + Hội đồng khoa
- + Bộ môn

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non hiện có 01 Trưởng khoa, 01 Phó Trưởng khoa; Hội đồng khoa gồm: Chủ tịch Hội đồng và 6 thành viên; 03 Bộ môn gồm: Giáo dục nghệ thuật, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội. Hệ thống tổ chức chính trị - xã hội có Chi bộ Đảng, Công đoàn bộ phận, Liên chi đoàn Thanh niên và Liên chi hội SV.

- Đội ngũ GV của Khoa ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao trình độ, chất lượng, được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao, có phương pháp sư phạm tốt và tâm huyết với nghề. Hiện nay, Khoa có đội ngũ viên chức cơ hữu gồm 24 người; trong đó có 22 GV với 5 TS, 17 ThS (01 NCS). Số GV có trình độ TS chiếm tỷ lệ 22,7% trên tổng số GV cơ hữu.

2.2.4. Quy mô và chương trình đào tạo

- Về quy mô

Trong gần 30 năm xây dựng và phát triển, Khoa đã đào tạo hơn 2.340 cử nhân

chính quy ngành GDTH và 798 cử nhân chính quy ngành GDMN.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo trên 1300 SV gồm 2 ngành: Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non.

Các chuyên ngành và trình độ đào tạo hiện nay Khoa đang đảm nhiệm gồm:

- Trình độ Đại học chính quy và liên thông, gồm các ngành: Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non.

Hiện nay Khoa đang tích cực chuẩn bị các điều kiện cho việc đào tạo ThS hai chuyên ngành GDTH và GDMN.

- Về chương trình đào tạo ngành GDMN

+ CTĐT ngành GDMN có MTĐT cử nhân GDMN theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ sức khỏe, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; có năng lực chuyên môn, năng lực GDMN; có năng lực NCKH, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của đất nước và hội nhập quốc tế; có thể tiếp tục học tập ở bậc sau đại học.

+ CTĐT ngành GDMN được thiết kế đảm bảo người học được cung cấp kiến thức cơ bản, hiện đại về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục phù hợp với MTĐT; được rèn luyện phương pháp tư duy và các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm thông qua các học phần về kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở và chuyên sâu của ngành GDMN; và các hoạt động sư phạm.

CTĐT ngành GDMN của Khoa GDTH&MN có tham khảo CTĐT của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Hồng Đức,...đồng thời định kỳ 2 năm một lần được rà soát, điều chỉnh, cập nhật, đổi mới thông qua thực tiễn đào tạo và các thay đổi về chương trình giáo dục, các văn bản quản lý liên quan đến GDMN (chẳng hạn cập nhật những đổi mới trong GDMN: Chương trình 2009, điều chỉnh chương trình 2010; chương trình 2015; chương trình 2020; Chuẩn nghề nghiệp GVMN 2018); các mô hình giáo dục hiện đại theo hướng phát triển năng lực ở bậc mầm non;

2.2.5. Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

- Về nghiên cứu khoa học

Khoa nhận thức được tầm quan trọng của NCKH đối với phát triển CTĐT và góp phần phát triển văn hóa, giáo dục của địa phương và đất nước.

GV của Khoa đã thực hiện và hợp tác thực hiện các dự án, đề tài NCKH cấp Bộ, cấp cơ sở; biên soạn giáo trình, chuyên đề, chuyên khảo được công bố bởi các nhà

xuất bản có uy tín như Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội; công bố các báo cáo, bài báo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài Trường, các tạp chí chuyên ngành. Đã có công trình nghiên cứu của GV trong Khoa đạt giải cao của ngành trung ương và Giải thưởng Khoa học Công nghệ cấp tỉnh. Cụ thể, trong đoạn 5 năm (2015-2020), GV trong Khoa đã thực hiện 08 đề tài NCKH cấp Trường; biên soạn 3 giáo trình và sách tham khảo; có 37 bài báo khoa học và 14 bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành; tham dự 10 hội thảo khoa học (từ năm 2016 - 2020) và có các báo cáo tại hội thảo; có 2 tranh vẽ tham dự triển lãm trong khu vực; 1 công trình chuyên khảo khoa học đạt Hạng A *Giải thưởng Văn học nghệ thuật Đào Tấn – Xuân Diệu* do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trao tặng.

Việc NCKH trong SV cũng được Khoa quan tâm và đạt được những thành tích nhất định. SV thực hiện NCKH phù hợp với điều kiện thực tế, gắn với nghề nghiệp, đa dạng về hình thức như khóa luận, đề tài NCKH SV cấp Trường, tham gia các chương trình SV NCKH cấp quốc gia và đã đạt được những giải thưởng đáng khích lệ. Cụ thể, trong giai đoạn 5 năm (2015-2020), SV hai ngành Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non đã tham gia 20 đề tài NCKH và đạt được nhiều giải thưởng cao: 1 giải ba cấp Bộ; 2 giải nhất, 1 giải nhì và 3 giải ba cấp Trường.

- Về hợp tác quốc tế

Bên cạnh đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học và mầm non cho đất nước, Khoa GDTH&MN còn đào tạo cử nhân GDTH và GDMN cho 04 tỉnh nước bạn CHDCND Lào theo chương trình hợp tác giữa Trường ĐHQN với nước CHDCND Lào. GV của Khoa cũng tham gia dạy ngôn ngữ và văn hóa Việt cho lưu học sinh Lào, Nhật Bản, ...

Với bề dày 30 năm xây dựng và phát triển, đặc biệt với truyền thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cho bậc học mầm non và tiểu học, Khoa GDTH&MN đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen, giấy khen từ các cấp chính quyền, tổ chức, ban ngành trung ương và địa phương.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Mở đầu

CTĐT ngành GDMN được xây dựng trên cơ sở các thông tư, quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHQN. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN, định hướng phát triển của Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non, đồng thời phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật giáo dục đại học. CDR của CTĐT ngành GDMN đã được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu năng lực sư phạm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng và được xây dựng dựa trên các văn bản của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03] bao gồm: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng trong CTĐT được ban hành năm 2015 [H1.01.01.02]. Trong quá trình đào tạo, Khoa đã lấy ý kiến của các bên liên quan và giữ nguyên mục tiêu này cho đến năm 2018. Năm 2018 – 2019, trên cơ sở đối sánh mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ĐH Hồng Đức, ĐHSP TP.HCM, [H1.01.01.04] đồng thời lấy ý kiến của các bên liên quan, Khoa tiến hành chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT.

Chương trình được xây dựng với 10 mục tiêu, từ PO1 đến PO10.

Về kiến thức, có 3 mục tiêu: 1) Tri thức toàn diện (gồm khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở), 2) Tri thức chuyên sâu về nghiệp vụ sư phạm, về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn (khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp), ngoài ra 3) Tri thức về giáo dục khai phóng để lao động sáng tạo và học tập suốt đời.

Về kỹ năng, có 5 mục tiêu: 1) Kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp, 2) Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác, 3) Kỹ năng phản biện, phê phán và sáng tạo, 4) Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc trong quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ chuyên môn, 5) Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ theo nhu cầu dạy học ở mầm non. Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm, có 2 mục tiêu: 1) Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; khả năng hướng dẫn, giám sát và tương tác với những người cùng thực thi nhiệm vụ; khả năng tự định hướng và đưa ra kết luận chuyên môn, khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân, 2) Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực về CSVC, con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động giáo dục ở trường mầm non. **[H1.01.01.03]**. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng và thể hiện rõ trong ma trận kỹ năng của CTĐT **[H1.01.01.05]** .

Các mục tiêu của CTĐT ngành GDMN hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN. Về sứ mệnh, các mục tiêu trên đảm bảo thực hiện đúng tinh thần “Trường ĐHQN là cơ sở GDDH đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyên giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”, trong đó, đào tạo giáo viên mầm non như là nền tảng của cả hệ thống giáo dục. Về tầm nhìn, các mục tiêu định hướng khá rõ đến năm 2030, “Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế”, cụ thể là đào tạo một thế hệ giáo viên mầm non mới đạt chuẩn khu vực và quốc tế **[H1.01.01.06]** .

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN hoàn toàn phù hợp với MTĐT trình độ đại học được quy định tại Điều 5 của Luật GDDH năm 2012: “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KH&CN tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích

nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ nhân dân”. Cụ thể, trong các mục tiêu, Chương trình đặc biệt nhấn mạnh vào kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp thích ứng với nhu cầu đổi mới và hội nhập của xã hội và giáo dục. Những mục tiêu này, được định hướng rõ trong các văn bản của Bộ GD&ĐT và các quy định của trường ĐHQN [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13].

Mục tiêu của CTĐT có dựa vào kết quả khảo sát của thị trường lao động của lĩnh vực GDMN, có tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng [H1.01.01.14], [H1.01.01.15], [H1.01.01.16]. Chương trình cũng đã được thông qua Hội đồng Khoa GDTH&MN, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường [H1.01.01.17], [H1.01.01.18]. Chương trình cũng được công khai như một cam kết với người học và nhà tuyển dụng [H1.01.01.19].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật Giáo dục đại học và phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu này được chi tiết hóa bằng các mục tiêu cụ thể về: Kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nhà trường và xã hội.

CTĐT ngành GDMN nổi bật so với các CTĐT ở các cơ sở đào tạo khác là ở sự cập nhật sớm Khung trình độ quốc gia bậc đại học, thoát khỏi khung đào tạo cũ do Bộ GD&ĐT ban hành để hướng đến hiện đại hoá và hội nhập theo sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN.

Chương trình dựa vào năng lực và kết quả nghiên cứu mới nhất của GV Khoa GDTH&MN, cho nên mang ưu thế và tính đặc thù của Khoa. Chương trình chú trọng dạy học phát triển năng lực, vì vậy các mục tiêu nhấn mạnh vào kỹ năng và khả năng làm chủ và chịu trách nhiệm của người học.

Chương trình cũng bám sát nhu cầu thực tế, khách quan của GDMN, khắc phục những khiếm khuyết, những tồn tại mà GDMN đang mắc phải như ít hiểu biết về tiềm năng của lứa tuổi, đánh giá không đúng năng lực, dẫn đến các áp lực đối với trẻ em, giáo dục còn khuôn sáo, máy móc.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, chủ động.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ triển khai các nhiệm vụ:

Tiếp tục lấy YKPH từ các bên liên quan để cập nhật mục tiêu của CTĐT nhằm đáp ứng hơn nữa nhu cầu phát triển của xã hội.

Đề xuất Nhà trường xây dựng quy trình cập nhật mục tiêu của CTĐT một cách khoa học hơn.

Phát huy tính hiện đại của Chương trình, cắt giảm những kiến thức chưa hoàn toàn đáp ứng mục tiêu, cập nhật những kiến thức mới theo yêu cầu đổi mới GDMN trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 6/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, súc tích, bao quát, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được xây dựng dựa trên các văn bản của Bộ GD&ĐT, Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08]. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng trong CTĐT được ban hành năm 2015 [H1.01.02.09]. Trong quá trình đào tạo, Khoa đã lấy ý kiến của các bên liên quan và giữ nguyên CĐR này cho đến năm 2018. Năm 2018 – 2019, trên cơ sở đối sánh CĐR của CTĐT với CĐR của CTĐT ĐHSP Tp.HCM, Đại học Hồng Đức [H1.01.02.10] đồng thời lấy ý kiến của các bên liên quan, Khoa tiến hành chỉnh sửa CĐR của CTĐT [H1.01.02.11].

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xây dựng dựa trên 10 mục tiêu của CTĐT và bám sát Khung trình độ quốc gia bậc đại học, từ PLO1 đến PLO15.

Về kiến thức, có 5 CĐR. 1) Tổng hợp và diễn giải được các kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, 2) Thực hiện tốt các quy định của pháp luật, đạo đức

nghề nghiệp, nhiệm vụ chính trị, an ninh – quốc phòng trong cuộc sống hàng ngày và khi Tổ quốc cần, 3) Vận dụng tốt các kỹ thuật về công nghệ thông tin, truyền thông để hiện đại hoá dạy học ở mầm non, 4) Thiết kế được kế hoạch chuyên môn, cải tiến các hình thức giáo án lên lớp theo nhu cầu hiện đại hoá giáo dục ở trường mầm non, 5) Xây dựng kế hoạch quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn ở nhà trường mầm non.

Về kỹ năng, có 6 CĐR. 1) Khám phá, phát hiện tâm lý, bệnh lý, nhu cầu vật chất và tinh thần của trẻ em và phụ huynh để điều tiết, thích nghi và sáng tạo trong tình huống, hoàn cảnh giáo dục mới. 2) Khám phá thị trường lao động trong lĩnh vực GDMN để khởi nghiệp và dẫn dắt đồng nghiệp khởi nghiệp, 3) Phản biện tri thức và phương pháp giáo dục cũ, lạc hậu; hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục ở trường mầm non, 4) Đánh giá chất lượng công việc (quản lý và chuyên môn) sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm hoặc tổ chức, 5) Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới đồng nghiệp tại nơi làm việc; phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ giáo dục cụ thể hoặc phức tạp, 6) Nghe, nói, đọc, viết được ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm, có 4 CĐR. 1) Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo yêu cầu của công việc dạy học và theo nhu cầu đổi mới GDMN, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra, 2) Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn và hoạt động nhóm của trẻ em, 3) Khả năng tự định hướng và đưa ra kết luận chuyên môn, khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân trong thảo luận, tranh luận về một vấn đề phức tạp, 4) Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực về CSVC con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động giáo dục ở trường mầm non trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình. **[H1.01.02.11]**. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng và thể hiện rõ trong ma trận kỹ năng của CTĐT **[H1.01.02.12]** và đề cương chi tiết các học phần **[H1.01.02.13]**.

CĐR của CTĐT ngành GDMN bao quát được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT **[H1.01.02.15]**. CĐR của CTĐT được xây dựng và phát triển trên cơ sở từ CĐR của CTĐT năm 2015 có chỉnh sửa, bổ sung CĐR dựa trên ý kiến khảo sát của các bên liên quan **[H1.01.02.16]** và rà soát cập nhật để xây dựng CĐR của CTĐT năm 2020 như sau:

Về kiến thức, các CĐR yêu cầu người học đạt được: 1) Các yêu cầu chung gồm năng lực tổng hợp, diễn giải được các kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở và chuyên ngành; năng lực thực hiện tốt các quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, nhiệm vụ chính trị, an ninh – quốc phòng trong cuộc sống hàng ngày và khi Tổ quốc cần; 2) Các yêu cầu chuyên biệt gồm năng lực vận dụng tốt các kỹ thuật về công nghệ thông tin, truyền thông để hiện đại hoá hoạt động giáo dục ở trường mầm non; năng lực thiết kế được kế hoạch chuyên môn, cải tiến các hình thức kế hoạch hoạt động giáo dục theo nhu cầu hiện đại hoá giáo dục ở bậc mầm non; năng lực xây dựng kế hoạch quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn ở nhà trường mầm non [**H1.01.02.15**].

Về kỹ năng, các CĐR yêu cầu người học đạt được: 1) Các yêu cầu chung gồm kỹ năng khám phá, phát hiện tâm lý, bệnh lý, nhu cầu vật chất và tinh thần của trẻ em và phụ huynh để điều tiết, thích nghi và sáng tạo trong tình huống, hoàn cảnh giáo dục mới, kỹ năng khám phá thị trường lao động trong lĩnh vực GDMN để khởi nghiệp và dẫn dắt đồng nghiệp khởi nghiệp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. 2) Các yêu cầu chuyên biệt gồm phân biện tri thức và phương pháp giáo dục cũ, lạc hậu, hình thành các giải pháp thay thế trong điều kiện đổi mới, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục ở trường mầm non, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc (quản lý và chuyên môn) sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm hoặc tổ chức, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới đồng nghiệp tại nơi làm việc, kỹ năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ giáo dục cụ thể hoặc phức tạp [**H1.01.02.05**], [**H1.01.02.06**], [**H1.01.02.07**].

Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm, các CĐR yêu cầu người học phải đạt được: 1) Các yêu cầu chung gồm năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo yêu cầu của nhiệm vụ giáo dục và theo nhu cầu đổi mới GDMN, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra, năng lực tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác trong hoạt động nhóm của tổ chuyên môn và hoạt động nhóm của trẻ em, 2) Các yêu cầu chuyên biệt gồm năng lực tự định hướng và đưa ra kết luận chuyên môn, khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân trong thảo luận, tranh luận về một vấn đề phức tạp, năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực về CSVC con người, năng lực đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động giáo dục ở trường mầm non trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình.

[H1.01.02.06], [H1.01.02.08], [H1.01.02.11], [H1.01.02.17].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

CĐR của CTĐT ngành GDMN gắn chặt với Khung trình độ quốc gia bậc đại học, đáp ứng được mục tiêu đặt ra. Các CĐR đều hướng đến hiện đại hoá và hội nhập theo sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN.

Các CĐR định hướng rõ ràng vào dạy học phát triển năng lực năng lực thay cho dạy học truyền thụ kiến thức cũ. Việc truyền thụ kiến thức chỉ giới hạn ở phần giới thiệu, trang bị kiến thức nền tảng, các kiến thức nâng cao và chuyên biệt chuyển sang thực hành, thảo luận, tương tác nhóm, từ đó hình thành các kỹ năng bao gồm kỹ năng nhận dạng loại hình, kỹ năng phân tích, phản biện tri thức, kỹ năng sáng tạo trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn ở nhà trường. Chính nền tảng tri thức vững chắc và kỹ năng thành thực sẽ hình thành thái độ tự chủ và chịu trách nhiệm đối với cuộc sống và chuyên môn.

Các CĐR đều có ý nghĩa khai phóng cho người học tự học và học suốt đời cho cuộc sống và nghề nghiệp tương lai.

3. Điểm tồn tại

Khi xây dựng CĐR của CTĐT ngành GDMN, Khoa chưa lấy ý kiến của các bên liên quan một cách liên tục và có hệ thống. Vì thế, việc kiểm định kết quả thực hiện dạy và học ở đại học đối với thực tiễn giáo dục ở mầm non chưa được thể hiện rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động

Trong kế hoạch ngắn hạn, từ 2021 đến 2023, Khoa sẽ triển khai các nhiệm vụ:

Khoa tiếp tục đánh giá rà soát CĐR của CTĐT, lấy ý kiến các bên liên quan để có thể đáp ứng tốt hơn nữa những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo kế hoạch chung của Nhà trường. Kiểm định kết quả đào tạo qua thực tiễn dạy học ở đại học, qua thực tiễn cuộc sống và thực tiễn chuyên môn ở mầm non.

Phát huy yêu cầu dạy học phát triển năng lực bằng việc giảm thiểu phần giới thiệu kiến thức để gia tăng tự học, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại: dạy học tương tác, dạy học đối thoại,... loại bỏ những kiến thức phi thực tế, bổ sung những kiến thức mà nhu cầu đời sống và chuyên môn đang cần.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành GDMN dựa trên kết quả khảo sát của các bên liên quan bao gồm: YKPH của SV năm cuối [**H1.01.03.01**], YKPH của cựu SV và nhà sử dụng lao động về CĐR [**H1.01.03.02**], lấy ý kiến từ GV trực tiếp giảng dạy [**H1.01.03.03**]. CĐR ngành GDMN còn dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường như: nhu cầu hiện hành, nhu cầu tương lai của đời sống xã hội, nhu cầu nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp ở lĩnh vực GDMN [**H1.01.03.04**]. Các CĐR đều được lấy ý kiến cụ thể trên ba miền: Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và chịu trách nhiệm [**H1.01.03.05**], [**H1.01.03.06**]. Các yêu cầu của các bên liên quan về trình độ kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm đều được tiếp thu để bổ sung và hoàn chỉnh [**H1.01.03.07**], [**H1.01.03.08**].

CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh. Từ thời điểm bắt đầu CTĐT CĐR được cập nhật, điều chỉnh vào năm 2015 và điều chỉnh vào năm 2018 thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [**H1.01.03.09**], [**H1.01.03.10**], [**H1.01.03.11**], [**H1.01.03.12**], [**H1.01.03.13**] [**H1.01.03.14**], [**H1.01.03.15**], [**H1.01.03.16**], [**H1.01.03.17**], [**H1.01.03.18**] [**H1.01.03.19**]. Trong quá trình điều chỉnh cập nhật Khoa đều tham khảo CTĐT ngành GDMN của một số trường đại học uy tín trong nước [**H1.01.03.20**].

CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi, công khai tới toàn thể GV tham gia giảng dạy, SV, đơn vị sử dụng lao động thông qua website của Khoa GDTH&MN [**H1.01.03.21**], trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khoá, gặp mặt tân SV đầu khoá, các buổi sinh hoạt lớp [**H1.01.03.22**], [**H1.01.03.23**].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành GDMN phản ánh yêu cầu đào tạo giáo viên mầm non theo đúng quy định của Luật GDĐH, quy định của Bộ GD&ĐT, quy định của Trường ĐHQN.

CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN, sự tham khảo các CTĐT ngành GDMN của các trường đại học uy

tín trong nước và YKPH từ các bên liên quan.

CĐR của CTĐT ngành GDMN được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau như tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá, gặp mặt tân SV Khoa GDTH&MN, các buổi sinh hoạt lớp, qua website của Khoa và Trường.

3. Điểm tồn tại

Khoa GDTH&MN chưa triển khai tốt việc lấy ý kiến online về CĐR dành cho SV sau mỗi năm học, khoá học.

Việc lấy YKPH của các bên liên quan đến CĐR còn chưa rộng khắp 07 tỉnh miền Trung.

Các hội nghị, hội thảo chuyên đề thảo luận và góp ý về việc xây dựng CĐR được tổ chức nhưng chưa toàn diện và có hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

Khoa khắc phục những việc còn tồn tại bằng cách tổ chức hội thảo với đại biểu mời là các bên liên quan để nghe ý kiến phản hồi và góp ý về CĐR của CTĐT ngành GDMN trong năm 2021. Khoa định kỳ rà soát CĐR của CTĐT ngành GDMN theo đúng tinh thần hướng dẫn của việc xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN (ít nhất 2 năm một lần).

Khoa phát huy điểm mạnh bằng cách tăng cường hơn nữa việc công khai CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để NH và các bên liên quan nắm bắt đầy đủ, kịp thời.

5. Tự đánh giá:

Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận Tiêu chuẩn 1

Việc xây dựng mục tiêu và CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ sẽ định hướng tốt cho cả quá trình đào tạo. Mục tiêu và CĐR của CTĐT còn thể hiện cam kết của cơ sở đào tạo trong việc cung cấp nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng và đáp ứng nhu cầu xã hội.

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và với mục tiêu của GDDH. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của ngành GDMN đã được tập thể GV trong Khoa đầu tư trí tuệ, tâm

huyết để xây dựng và định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR tuy chưa được thường xuyên nhưng nghiêm túc với sự góp ý của các bên liên quan, các chuyên gia xây dựng chương trình cùng với sự tham khảo CĐR CTĐT ngành GDMN của một số trường uy tín trong nước.

Công bố công khai CĐR là việc làm đương nhiên để tất cả các bên liên quan đều có thể biết và cho ý kiến trên cơ sở đó giúp việc xây dựng CĐR ngày hoàn thiện hơn và việc công bố công khai này được thực hiện bằng nhiều hình thức đa dạng hơn.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 1		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 1.1						x		5,33	3	100
Tiêu chí 1.2					x					
Tiêu chí 1.3					x					

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Năm 2010, Khoa GDTH&MN xây dựng Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP ngành GDMN (theo hệ thống TC). Đến các năm 2015 và 2020, Bản mô tả về CTĐT được điều chỉnh, cập nhật để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường và yêu cầu của xã hội theo từng giai đoạn. Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá học phần. Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp người học và học sinh có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT; giúp cho nhà tuyển dụng lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức và các kỹ năng mềm mà người học đã

được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là cơ sở cho việc thu nhận thông tin phản hồi từ phía SV đang học, cựu SV và các nhà tuyển dụng, giúp cho việc cải tiến CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được các kết quả học tập dự kiến.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Từ năm 2010, Trường ĐHQN chuyển từ hình thức đào tạo theo hệ thống niên chế sang đào tạo theo hệ thống TC. CTĐT ngành GDMN theo hệ thống TC được ban hành vào ngày 10/9/2010 [H2.02.01.01], sau đó được chỉnh sửa, cập nhật vào năm 2015 theo kế hoạch và quy định của Trường ĐHQN, [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03]. Tuy nhiên, trong cả 2 bản mô tả CTĐT năm 2010 và 2015, các quy định về CDR rất hạn chế và bản mô tả CTĐT vẫn còn thiếu ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của chương trình. Nhận thấy được điều đó, theo chỉ đạo của Trường ĐHQN [H2.02.01.04], Khoa GDTH&MN tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa CTĐT vào năm 2018 tuy nhiên chỉ điều chỉnh nhỏ trong mẫu M4 còn MTĐT và CDR cụ thể, được thể hiện trong bản mô tả CTĐT, ma trận các kỹ năng vẫn chưa được điều chỉnh. Sang năm 2020, trên cơ sở lấy YKPH các bên liên quan và tham khảo các CTĐT ngành GDMN của các trường đại học uy tín trong cả nước, Khoa đã tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa CTĐT vào năm 2020 với MTĐT và CDR cụ thể, được thể hiện trong bản mô tả CTĐT, ma trận các kỹ năng và các học phần trong CTĐT, phương pháp đánh giá và cập nhật nhiều môn chuyên đề tự chọn mới, phù hợp với xu thế mới, đáp ứng nhu cầu của người học và của các nhà tuyển dụng [H2.02.01.05].

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của Bộ GD&ĐT. Cụ thể, bản mô tả CTĐT có các thông tin: tên trường; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; mã ngành; tên tiếng Anh; loại hình đào tạo; hình thức đào tạo; thời gian đào tạo; mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; tiêu chí tuyển sinh, CDR, ma trận kỹ năng; khối lượng kiến thức toàn khóa và đề cương tổng quát của các học phần. [H2.02.01.06]. Các nội dung trên chứa đầy đủ, rõ ràng các thông tin để người học và các bên liên quan tra cứu, tìm hiểu để góp ý, đánh giá và thực hiện. Các thông tin này đảm bảo CTĐT cung cấp đầy đủ các nội dung chính: MTĐT

và kết quả học tập dự kiến; cấu trúc khóa học; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của chương trình và các bản mô tả học phần. Điểm khác biệt giữa bản mô tả CTĐT năm 2020 so với các bản mô tả CTĐT các năm trước là quy định cụ thể về CDR của CTĐT. CDR được truyền tải vào CTĐT và các học phần thông qua ma trận tích hợp CDR (hay còn gọi là ma trận kỹ năng) nhằm góp phần đạt CDR của chương trình **[H2.02.01.07]**.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật dựa vào những vấn đề mới có liên quan sau: 1) Chuyển hệ thống đào tạo từ hệ niên chế sang hệ TC, 2) Dựa vào nhu cầu của xã hội và nhu cầu của người học, 3) Dựa vào việc cần hiện đại hoá nội dung và phương pháp dạy học **[H2.02.01.08]**, **[H2.02.01.09]**, **[H2.02.01.10]**, **[H2.02.01.11]**. So với CTĐT năm 2015, CTĐT năm 2020 có một sự thay đổi đáng kể để cập nhật những vấn đề mới nhất. Các nội dung cập nhật trên tinh thần chuyển truyền thụ kiến thức sang dạy học phát triển năng lực, bao gồm gia giảm số TC, thời lượng, tương quan giữa lý thuyết và thực hành, gia giảm nội dung kiến thức, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại. **[H2.02.01.12]**. CTĐT ngành GDMN được Khoa GDTH&MN biên soạn kỹ lưỡng và được thông qua sau các cuộc họp, góp ý và thống nhất từ Hội đồng Khoa GDTH&MN và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHQN **[H2.02.01.13]**, **[H2.02.01.14]**, **[H2.02.01.15]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN nhất quán trên tinh thần dạy học phát triển năng lực. Đề cương chi tiết các học phần đều lấy người học làm trung tâm, lượng hoá năng lực của người học để đáp ứng CDR của CTĐT.

Khung CTĐT ngành GDMN được thiết kế công phu với sự đầu tư nghiêm túc của toàn bộ cán bộ trong Khoa, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bộ GD&ĐT nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV. Bản mô tả CTĐT ngành GDMN được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường.

Ma trận hiển thị kết quả CDR của CTĐT được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình.

Khung CTĐT có nhiều chuyên đề tự chọn, giúp cho SV có nhiều lựa chọn theo định hướng chuyên môn và thế mạnh của mình, phát huy năng lực và đam mê học tập,

góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật, rà soát bản mô tả CTĐT được tổ chức nhưng không định kỳ.

Việc lấy YKPH từ các bên liên quan về bản mô tả CTĐT cũng không định kỳ và không có hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021 – 2022, Khoa sẽ triển khai hai nhiệm vụ:

Khoa khắc phục tồn tại bằng cách lấy ý kiến phản hồi từ phía NH và các bên liên quan một cách định kỳ và có hệ thống. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật những kiến thức thừa, thiếu, lặp lại ... của bản mô tả CTĐT.

Khoa phát huy điểm mạnh bằng cách tiếp tục xây dựng bản mô tả CTĐT ngành GDMN nhất quán trên tinh thần dạy học phát triển năng lực. Đề cương chi tiết các học phần đều lấy NH làm trung tâm, lượng hoá năng lực của NH để đáp ứng CĐR của CTĐT.

5. Tự đánh giá:

Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Tất cả đề cương các học phần trong CTĐT đều có đầy đủ thông tin. ĐCCTHP là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CĐR của học phần. ĐCCTHP là cơ sở để GV và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05]. Tất cả các ĐCCTHP đều được viết theo mẫu M4A-2018 với đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo kế hoạch của Trường ĐHQN [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H2.02.02.07]. Mỗi ĐCCTHP bao gồm các thông tin: tên trường; tên GV đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số TC; mục tiêu; CĐR của học phần phải liên kết với CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận [H2.02.02.08]; các yêu cầu đối với GV và SV; cấu trúc học phần; kế hoạch giảng dạy chi tiết; phương pháp dạy học; phương thức kiểm tra đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. ĐCCTHP đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần, phương pháp giảng dạy - học tập để có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Các

nội dung trên đầy đủ, rõ ràng các thông tin để NH và các bên liên quan tra cứu, tìm hiểu để góp ý, đánh giá và cam kết thực hiện [H2.02.02.09].

ĐCCTHP của ngành GDMN liên tục được rà soát và cập nhật. Khoa GDTH&MN tiến hành rà soát, bổ sung, xây dựng CTĐT và ĐCCTHP vào các năm 2015 và 2018 [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.05]. Việc rà soát, bổ sung điều chỉnh, cập nhật dựa trên góp ý các bên liên quan [H2.02.02.10], [H2.02.02.11]. Quá trình bổ sung, sửa đổi đều dựa trên các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. So với ĐCCTHP công bố năm 2015, ĐCCTHP công bố năm 2020 có sự thay đổi lớn về nội dung và hình thức: với cùng một học phần, ngoài mục tiêu chung gần như giống nhau, phiên bản mới còn có CĐR của học phần; liệt kê các CĐR mà SV phải đạt được sau khi học; mỗi yêu cầu tương ứng với từng CĐR CTĐT và mức độ CĐR [H2.02.02.12]. Bên cạnh đó, ĐCCTHP được công bố năm 2020 có thêm mục Mô tả học phần. Trong khi phiên bản công bố năm 2015 chỉ trình bày nội dung chi tiết học phần thì phiên bản năm 2020 có cả kế hoạch giảng dạy chi tiết, gồm nội dung kiến thức của từng buổi học kèm theo yêu cầu đối với SV và phương pháp giảng dạy, học tập rất chi tiết; ma trận quan hệ CĐR và hình thức đánh giá cũng được bổ sung. Các nội dung cập nhật trong các học phần dựa trên tinh thần chuyển truyền thụ kiến thức sang dạy học phát triển năng lực, bao gồm sự điều chỉnh tên học phần, thay đổi cấu trúc chương, bài học, điều chỉnh sự tương quan giữa lý thuyết và thực hành, điều chỉnh nội dung kiến thức, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại [H2.02.02.13].

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần được các GV thực hiện và thông qua phê duyệt của Hội đồng Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào Trường [H2.02.02.14], [H2.02.02.15], [H2.02.02.16].

2. Điểm mạnh

Tất cả ĐCCTHP của ngành GDMN được xây dựng dựa trên kinh nghiệm giảng dạy của GV và theo phản hồi GV cùng chuyên ngành, thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CĐR của chương trình.

Đa số các học phần đều giới thiệu tài liệu chính và tài liệu tham khảo tiếng Việt. Mọi thông tin liên quan đến học phần đều được cung cấp đầy đủ cho SV.

Đề cương các học phần đều trên tinh thần dạy học phát triển năng lực. Đề cương chi tiết các học phần đều lấy người học làm trung tâm, lượng hoá năng lực của

người học để đáp ứng CDR của CTĐT ngành GDMN.

Phần giới thiệu kiến thức chỉ giới hạn ở nền tảng kiến thức căn bản, phát huy năng lực tự học và thực hành kỹ năng, thực hiện tương tác đa chiều, phát huy sáng tạo, chống khuôn mẫu.

3. Điểm tồn tại

Một số kiến thức hoặc thừa, thiếu, lặp, hoặc xa rời thực tiễn chưa được xử lý triệt để do nhiều yếu tố khách quan như nhân sự, trình độ GV.

Các học phần vừa được xây dựng năm 2019, năm 2020 chưa lấy được YKPH từ người học và các bên liên quan.

Việc lấy YKPH từ cựu SV và các nhà sử dụng lao động về đề cương chi tiết các học phần giai đoạn 2015 chưa được thực hiện trên quy mô rộng mà chủ yếu thực hiện ở thành phố Quy Nhơn.

4. Kế hoạch hành động

Khoa khắc phục tồn tại bằng cách lấy ý kiến phản hồi từ phía NH và các bên liên quan về ĐCCTHP định kỳ theo chu kỳ cập nhật điều chỉnh CTĐT từ năm học 2021-2022. Khoa rà soát, điều chỉnh, cập nhật những kiến thức, loại bỏ những kiến thức thừa hoặc thiếu tính thực tế trong ĐCCTHP từ năm học 2021-2022.

Khoa phát huy điểm mạnh bằng cách xây dựng ĐCCTHP trên tinh thần dạy học phát triển năng lực lấy NH làm trung tâm, lượng hoá năng lực của NH để đáp ứng CDR của CTĐT ngành GDMN.

5. Tự đánh giá:

Mức đạt của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN sau khi được phê duyệt được công bố công khai cho các bên liên quan bằng nhiều hình thức: công khai trên trang Web của Trường, Khoa, phổ biến trong các buổi sinh hoạt toàn Khoa, tại các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông; trong các thông báo của Nhà trường cho cán bộ và SV; giới thiệu cho SV mới nhập học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, thông qua Sổ tay SV và các buổi gặp mặt tân SV đầu khóa của Khoa; niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bản thông báo của Khoa [H2.02.03.01], [H2.02.03.02],

[H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05]. Việc công bố bản mô tả CTĐT bằng nhiều hình thức trên. Đặc biệt là được công bố hằng năm trong mục Ba công khai trên website của Trường cho các bên liên quan [H2.02.03.02].

Đồng thời, tất cả đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như trên [H2.02.03.02].

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, người học, người học đã tốt nghiệp... đều có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện nhất vì các bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố hằng năm trên trang Web của Nhà trường. Nội dung trang web được thiết kế rõ ràng từng mục tra cứu, các bên liên quan quan tâm đến CTĐT đều có thể truy cập để theo dõi, góp ý, trao đổi [H2.02.03.02]. Những công khai khác như công khai trong cuộc họp, trên lớp học đều ở chế độ mở cho người học tiếp cận và trao đổi, tương tác với những người xây dựng chương trình [H2.02.03.03], [H2.02.03.04].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP ngành GDMN được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như SV, cựu SV, các đơn vị sử dụng lao động, các bậc phụ huynh dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin, đồng thời có thể góp ý, xây dựng để Khoa có nhiều thông tin rà soát và sửa đổi CTĐT và ĐCCTHP.

3. Điểm tồn tại

Dù các bên liên quan được tiếp cận bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng nhưng ngoài các phản hồi từ các đợt khảo sát, Nhà trường chưa nhận được nhiều YKPH về chất lượng của CTĐT cũng như ĐCCTHP ngành GDMN. Việc tương tác giữa Nhà trường và các bên liên quan chưa được thường xuyên và chu đáo và nên ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và ĐCCTHP của ngành GDMN; cũng như việc giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Các trang web của Trường, của Khoa còn bị chậm trong truy cập nên ảnh hưởng đến việc công bố công khai và tiếp cận của các bên liên quan đến bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2021, Khoa khắc phục những tồn tại bằng cách tiếp tục kết hợp với Phòng KT&BDCL và Phòng CTCTSV của Nhà trường thay đổi hình thức, mở rộng

phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các bên liên quan về bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP. Kịch bản website riêng của Khoa cho thật tốt để việc truy cập và tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được thuận tiện.

Bên cạnh đó, Khoa phát huy điểm mạnh trên cơ sở tiếp tục tổ chức các hội nghị, tọa đàm chuyên môn để rút kinh nghiệm trong công tác dạy và học, nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, Nhà trường cũng đảm bảo an toàn dữ liệu về CTĐT và ĐCCTHP trên hệ thống website của Nhà trường.

5. Tự đánh giá:

Mức đạt của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP của ngành GDMN được xây dựng đầy đủ thông tin, tuy nhiên việc cập nhật còn chưa được định kỳ và chưa có quy mô rộng.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP của ngành GDMN được công bố công khai trên các phương tiện thông tin và được công khai với các bên liên quan. Các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP, tuy nhiên cũng chưa được định kỳ.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 2:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 2		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 2.1					x			5,00	3	100
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3					x					

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH trình độ đại học ngành GDMN được thiết kế hợp lý và hệ thống tuân thủ các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường. CTDH ngành GDMN được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT và mỗi học phần đều đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT một cách rõ ràng. CTDH đã đạt được với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành GDMN trong bối cảnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

CTDH ngành GDMN được cập nhật và tích hợp trên cơ sở tham khảo các chương trình của các đại học lớn trong cả nước và linh hoạt trong việc thực hiện CTDH thông qua hệ thống các chuyên đề.

Cấu trúc và nội dung của CTDH ngành GDMN đã được phân bố một cách hợp lý và hệ thống, đảm bảo chặt chẽ các yêu cầu về hình thức, mục tiêu, về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo ngành GDMN trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

CTDH được thiết kế cụ thể dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm. Cả ba mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của CĐR trong CTDH ngành GDMN được thiết kế trên tinh thần bám sát vào Khung trình độ quốc gia bậc đại học, dựa vào Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và những đổi mới dạy và học hiện nay [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. Theo đó, để đạt mục tiêu và CĐR, CTDH ngành GDMN đã có sự kết hợp hài hòa giữa các khối kiến thức như khối kiến thức chung cũng như khối kiến thức chuyên ngành, đặc biệt là kiến thức về nghiệp vụ sư phạm và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp) [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR trong CTĐT [H3.03.01.02]. Trong số 138 TC của CTDH ngành GDMN (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (các học phần điều kiện 13 TC), khối kiến thức giáo dục đại cương được phân

bộ 24 TC đã cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (113 TC) gồm kiến thức cơ sở ngành và khối ngành là 20 TC, kiến thức ngành và chuyên ngành là 46 TC, kiến thức bổ trợ là 35 TC. Để thực hiện tốt CTDH, Nhà trường đã có những kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH của từng năm học, mỗi GV đều có hồ sơ giảng dạy [H3.03.01.05]. Các khối kiến thức và các học phần trong CTDH được thiết kế một cách tối ưu để đạt được CĐR của CTĐT [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Các học phần trong CTDH ngành GDMN được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau. Mỗi học phần đào tạo mô tả kiến thức, kỹ năng và thái độ thông qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo [H3.03.01.04]. Vì vậy, ngoài việc đảm bảo kiến thức về chuyên môn nghề nghiệp, người học ngành GDMN còn được rèn luyện các kỹ năng cần thiết khác như kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của CĐR [H3.03.01.02], [H3.03.01.04]. Sau những lần điều chỉnh, CTDH của ngành GDMN đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CĐR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CĐR về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Các phương pháp giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTDH phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình [H3.03.01.02]. Các phương pháp giảng dạy, học tập, các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được chú trọng nên đã góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Phương pháp dạy học tích cực “lấy người học làm trung tâm” như seminar, thảo luận nhóm,... được thường xuyên thực hiện trong tất cả các học phần. Nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan để đạt được CĐR [H3.03.01.04].

Để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CTDH, Khoa đã xem xét các YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV, các ý kiến của SV năm cuối, cựu SV và nhà sử dụng lao động về CLĐT ngành GDMN, ý kiến của GV tham gia trực tiếp giảng dạy các học phần trong CTDH ngành GDMN về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa

các học phần và CĐR của CTĐT [H3.03.01.09] với mong muốn đạt được CĐR một cách tốt nhất [H3.03.01.02], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07], [H3.03.01.08].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế có tính khoa học, tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý và dựa trên CĐR. Mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT được thể hiện rõ nét trong từng học phần của CTDH. Tất cả các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT.

CĐR của các học phần vừa đảm bảo những kỹ năng sống vừa đảm bảo kỹ năng nghề nghiệp, cho nên các học phần tập trung nhiều nhất vào kiến thức chuyên ngành, trong kiến thức chuyên ngành tập trung vào các kỹ năng thực hành và sáng tạo. Những yêu cầu mới của Khung trình độ quốc gia bậc đại học như khả năng khám phá thị trường và hoạt động khởi nghiệp, năng lực giao tiếp, CTDH đã cập nhật học phần khởi nghiệp, học phần kỹ năng giao tiếp. Chương trình mở, cho nên cũng đảm bảo khả năng học tập suốt đời cho người học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu SV khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên.

Một số học phần dù đã phục vụ cho một CĐR của CTĐT, nhưng chưa đáp ứng hoặc đáp ứng thừa so với CĐR của Chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, Khoa GDTH&MN khắc phục điểm tồn tại trên cơ sở tiếp tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTDH ngành GDMN dựa trên CĐR theo định kì ít nhất 2 năm 1 lần. Các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT. Khoa tiến hành rà soát và điều chỉnh CĐR của các HP để đáp ứng CĐR của CTĐT. Lấy ý kiến phản hồi rộng rãi từ các bên liên quan về CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT.

Khoa phát huy điểm mạnh trên cơ sở tiếp tục thiết kế CTDH có tính khoa học, tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý và dựa trên CĐR. CĐR của các học phần vừa đảm bảo những kỹ năng sống vừa đảm bảo kỹ năng nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá:

Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả

Khi xây dựng CTDH ngành GDMN, nhờ có sự định hướng từ 15 CĐR của chương trình mà các học phần đều tập trung đóng góp một cách cụ thể để đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng trong CTDH. Mỗi học phần đều xây dựng đề cương chi tiết phù hợp với yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, cũng như phù hợp với phương thức đào tạo theo TC và CĐR của CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Tất cả các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.03]. Về phương pháp dạy học, mỗi học phần đều được thiết kế thành các tổ hợp phương pháp cho từng nội dung. Phương pháp diễn giảng dành cho phần giới thiệu kiến thức nền tảng. Phương pháp đối thoại dành cho các kiến thức hoặc hiện tượng thực tế gây tranh cãi. Phần bài tập và thực hành cũng được thiết kế thành các hoạt động kỹ năng: kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo... Phần tự học được hướng dẫn cụ thể cách đọc tài liệu, tóm lược nội dung, ghi chép tư liệu, đưa ra ý kiến, quan điểm cá nhân... [H3.03.02.03]. Trong quá trình học, các phương pháp đánh giá năng lực của người học được tiến hành thường xuyên trong các buổi dạy và được thể hiện thông qua điểm chuyên cần, các bài kiểm tra giữa kì, các cuộc thảo luận nhóm (trọng số đóng góp linh hoạt từ 40% chuyên cần và giữa kì cho các học phần lý thuyết, 50% chuyên cần và giữa kỳ cho các học phần rèn luyện nghiệp vụ và thực hành) và điểm kết thúc học phần (trọng số linh hoạt 60% cho các học phần lý thuyết và 50% cho các học phần rèn luyện nghiệp vụ và thực hành) [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H3.03.02.05]. Hơn thế nữa, Phòng ĐTDH, Trường ĐHQN sẽ công bố kết quả đánh giá của từng SV thông qua tài khoản cá nhân đã được cấp [H3.03.02.06]. Về phương pháp kiểm tra, mỗi học phần đều được thiết kế thành các rubric với những tiêu chí rõ ràng, mức độ đạt được và thang điểm cho từng mức độ đạt được. Các rubric cụ thể đến các mặt: chuyên cần, bài kiểm tra và bài thi [H3.03.02.03]. Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra của CTĐT ngành GDMN đã hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy YKPH của các bên liên quan. CĐR về kiến thức gồm khối kiến thức bắt buộc, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, thực hành giáo dục, thực tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm như sau [**H3.03.02.02**]:

- Ở *Khối kiến thức giáo dục đại cương*: để đạt được CĐR, nội dung các học phần của chương trình được thiết kế gồm 10 học phần (không kể các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh): giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giáo dục thể chất, tin học, tiếng Anh, để người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và vận dụng những kiến thức đó để tiếp thu, nắm vững những kiến thức và kỹ năng chuyên ngành.

- Ở *Khối kiến thức khối ngành và cơ sở ngành*: để đạt được CĐR nội dung các học phần của chương trình được thiết kế gồm 33 học phần giúp người học có được kiến thức toàn diện về các lĩnh vực khác nhau của ngành sư phạm mầm non; từ cơ bản đến chuyên sâu, giúp người học có thể vận dụng vào việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục; có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

- Ở *Khối kiến thức bổ trợ*: để đạt được CĐR, nội dung các học phần của chương trình được thiết kế gồm 35 học phần (trong đó 26 học phần đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp; 05 học phần thực tập nghề nghiệp và thực tập sư phạm) giúp người học có được kiến thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học, lý luận và phương pháp giáo dục ở mầm non, cách thức xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục và rèn luyện, thực hành giáo dục.

Các học phần thực tập sư phạm giúp người học quan sát, học tập thực tế giảng dạy và trực tiếp tham gia giáo dục, bên cạnh đó còn giúp người học biết cách và có kinh nghiệm giáo dục ở trường mầm non.

Khóa luận tốt nghiệp giúp người học bước đầu làm quen với việc NCKH về chương trình GDMN, làm tiền đề cho việc học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế giúp người học hiểu sâu và vận dụng một cách toàn diện, linh hoạt các kiến thức chuyên ngành vào công tác giáo dục trong tương lai.

CTDH được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể

cho từng học kì, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kì và tất cả nội dung các học phần đều được định kỳ lấy phản hồi của các bên liên quan. Khoa dựa vào phản hồi của người học và thực tiễn nghề nghiệp ở phổ thông đã có những cắt giảm những học phần hoặc kiến thức thừa, thay học phần hoặc kiến thức và phương pháp mới phù hợp. Một số chuyên đề tự chọn với tính hiện đại và khả thi đã được bổ sung và thành học phần bắt buộc như: Giáo dục thẩm mỹ, Phân tâm học trẻ em, Quản lý giáo dục, NCKH... [H3.03.02.07], [H3.03.02.08], [H3.03.02.09], [H3.03.02.10], [H3.03.02.11], [H3.03.02.12].

2. Điểm mạnh

Các học phần đảm bảo thực hiện CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận giữa CĐR của CTĐT và CĐR của học phần. Các trọng tâm của CĐR thuộc về kỹ năng sống và nghề nghiệp được các học phần hướng vào với sự tập trung cao nhất. Nội dung kiến thức trước đây nặng về lý thuyết, nay chuyển trọng tâm sang áp dụng và thực hành kỹ năng.

Đề cương chi tiết mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CĐR của CTĐT. Trong đó, ngoài các thông tin chung, còn quy định các học phần học trước, các yêu cầu cần thiết khác cũng như phân giờ đối với các hoạt động cụ thể như nghe giảng lý thuyết, làm bài tập, thảo luận, Đặc biệt, các học phần đều nêu rõ thời gian tự học của SV, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho SV phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu để học tập suốt đời.

Phương pháp diễn giảng trước kia chiếm đa số thì nay giảm tối đa, chỉ dành cho phần giới thiệu kiến thức nền tảng, thay vào đó là những phương pháp mới như đối thoại, tương tác hiệu quả, hoạt động nhóm... Phương pháp dạy học theo hướng tích cực bao gồm cả nội dung cần chuẩn bị trước trong mỗi tiết học, tài liệu tham khảo, việc kiểm tra đánh giá người học đảm bảo tính công bằng, khách quan, chính xác đều được thể hiện trong đề cương chi tiết.

3. Điểm tồn tại

YKPH của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần trong việc đạt được CĐR chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc ĐCCTHP trong CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa GDTH&MN khắc phục tồn tại bằng việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần nhằm

đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng hơn.

Từ năm 2021-2022, Khoa GDTH&MN phát huy điểm mạnh trên cơ sở tiếp tục thực hiện các việc sau: các học phần đảm bảo thực hiện CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận giữa CĐR của CTĐT và CĐR của học phần; Đề cương chi tiết mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CĐR của CTĐT; Sử dụng các phương pháp giảng dạy mới và hiện đại hơn.

5. Tự đánh giá:

Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở, ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.03.01]. CTDH ngành GDMN được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT. Cụ thể trong bản mô tả CTĐT của ngành GDMN gồm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc, học phần tự chọn. CTDH ngành GDMN được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập và được bố trí giảng dạy trong 4 năm học.

Tất cả các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, học trước; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kì thực hiện). Các học phần kiến thức chung được dạy 3 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển các kỹ năng chuyên biệt vào các kỳ học tiếp theo. CTDH được thiết kế một cách hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành và kiến thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được trình bày một cách logic và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. CTDH đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Cấu trúc CTDH thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý [H3.03.03.01].

CTDH được định kỳ rà soát và cập nhật theo kế hoạch chung của Nhà trường [H3.03.03.02]. Hằng năm, GV đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập

nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Trường và Khoa [H3.03.03.03].

CTDH được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Từ năm 2019, các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao. CTDH được xây dựng theo CDR nên các môn học được tích hợp một cách hợp lý. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, và kiến thức chuyên ngành [H3.03.03.04]. Đặc biệt, ngành GDMN đã thiết kế được một quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực hành giáo dục và thực tập sư phạm mang tính đặc thù riêng của ngành đào tạo [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. Khoa đã xây dựng được một mạng lưới các trường mầm non vệ tinh trong địa bàn thành phố Quy Nhơn, đáp ứng nhu cầu và CLĐT kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành GDMN [H3.03.03.07]. Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng nhằm đóng góp vào CDR của ngành. Để có được kết quả này, Khoa và Nhà trường luôn chú ý tới việc lấy ý kiến của người dạy, NH và nhà tuyển dụng về CTDH nhằm hoàn thiện hơn chương trình. Ngoài ra, còn có những nhận xét chương trình của chuyên gia đến từ các cơ sở có kinh nghiệm và uy tín đào tạo ngành GDMN hệ đại học [H3.03.03.08], [H3.03.03.09].

Để bắt kịp yêu cầu mới của xã hội về chất lượng GDMN, Khoa luôn chú ý tổ chức các buổi seminar khoa học cung cấp thêm cho NH những thông tin về sự thay đổi của ngành GDMN [H3.03.03.10]. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Khoa đã tổ chức cho các Bộ môn họp, đánh giá nội dung các học phần trong CTĐT của ngành GDMN, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của chuyên gia và thông qua hội đồng Khoa, hội đồng Nhà trường để xem xét và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện CTDH [H3.03.03.11]. CTDH của Khoa có sự tham khảo CTDH, đối sánh của các trường đại học có kinh nghiệm đào tạo giáo viên mầm non trong nước [H3.03.03.12].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH của CTĐT ngành GDMN có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên

tiên trong nước, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định của CĐR trong CTĐT ngành GDMN.

3. Điểm tồn tại

Đối với CTĐT cho SV ngành GDMN khóa 42 trở về trước, nội dung các CTDH của một số học phần chưa thực sự được thiết kế theo trình tự từ dễ đến khó nên GV gặp khó khăn khi triển khai các hoạt động giảng dạy. Trong quá trình thực hiện chương trình, GV ít có thời gian để thảo luận về nội dung giảng dạy cần phải chỉnh sửa với nhau nên việc thực hiện chương trình giữa các nhóm cùng một học phần đôi lúc không đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2021-2022, nội dung các học phần của CTDH cần phải được rà soát và so sánh với tuyên bố CĐR khi CTDH được áp dụng vào thực tế giảng dạy. Trong quá trình thực hiện chương trình, các GV cần thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần phải điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố CĐR của CTĐT.

Khoa phát huy điểm mạnh bằng cách tiếp tục điều chỉnh các học phần trong CTDH của CTĐT ngành GDMN có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Khoa tiếp tục điều chỉnh CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định của CĐR trong CTĐT ngành GDMN.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành GDMN được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Hội đồng KHĐT của Khoa GDTH&MN chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý, có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến GDMN trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV sau khi tốt nghiệp. GV khi thực hiện CTĐT có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV học tập. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Tuy nhiên, CDR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 3:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 3		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 3.1					x			4,67	3	100
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3					x					

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Đối với ngành GDMN, phương pháp dạy học có vai trò quan trọng trong việc cải tiến chất lượng giảng dạy, nhằm giúp SV tiếp cận với các phương pháp dạy học tiên tiến, đáp ứng nhu cầu thực tiễn ngày càng nâng cao.

Đối với SV ngành GDMN, phương pháp dạy học cần đa dạng, phong phú vì đây là bậc học tương đối khác biệt so với các bậc học khác. GV cần có các kỹ năng sư

phạm tốt để giúp trẻ thấy “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”. Trên cơ sở nhận thức được vai trò của phương pháp dạy và học, chúng tôi thấy, việc trang bị cho NH những tri thức cần thiết về lý luận phương pháp dạy học nhằm hướng dẫn NH ý thức tự giác, tự học suốt đời và thích ứng với sự phát triển của xã hội là cần thiết.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả

Trường ĐHQN đã ban hành nhiều văn bản nêu rõ triết lý và mục tiêu giáo dục của Nhà trường. Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN, ban hành ngày 28/12/2019 thể hiện rõ nhà trường theo đuổi triết lý giáo dục với ba nội dung cơ bản: “Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp” [H4.04.01.01]. Triết lý này phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước và bối cảnh giáo dục hiện nay. Mục tiêu giáo dục của Trường cũng được thể hiện rõ ràng trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường và Báo cáo tự đánh giá chất lượng [H4.04.01.02], [H4.04.01.03], [H4.04.01.04].

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, giáo viên, người học hiểu rõ và thực hiện. Mỗi cán bộ nhân viên các khoa, phòng, ban, trung tâm đều quán triệt tinh thần của lãnh đạo Nhà trường về việc thực hiện triết lý giáo dục đã đề ra, luôn cố gắng thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động dạy học diễn ra. Điều này thể hiện qua kết quả khảo sát sự hài lòng của GV đối với sự hỗ trợ của các phòng, ban, viện, trung tâm [H4.04.01.05]. Triết lý giáo dục của Nhà trường cũng được thể hiện vào nội dung CTĐT ngành GDMN của Khoa GDTH&MN là cung cấp cho xã hội những GV có đủ phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn để chăm sóc và giáo dục trẻ tại các trường mầm non, hoặc làm cán bộ quản lý, chuyên viên tại Phòng/Sở GD&ĐT; là lực lượng nòng cốt trong công cuộc đổi mới giáo dục MTĐT và CĐR ngành GDMN được thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT ngành GDMN và ĐCCTHP ngành GDMN [H4.04.01.06], [H4.04.01.07], [H4.04.01.08]. Bản thân mỗi SV ngành GDMN trong thời gian theo học tại trường cũng luôn cố gắng trong học tập và rèn luyện để có được nền tảng kiến thức chuyên môn chắc chắn và kỹ năng sư phạm vững vàng, từ đó có thể làm tốt công tác chuyên môn sau khi ra trường, góp phần cống hiến sức mình vào công cuộc đổi mới giáo dục nước nhà.

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của Nhà trường được phổ biến đến các bên liên quan. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường được giới thiệu với CB, GV, SV, học viên; các cơ sở liên kết đào tạo cũng như các đơn vị tuyển dụng và sử dụng nhân lực lao động thông qua nhiều kênh khác nhau như: đăng tải trên trang website của đơn vị, phổ biến cho SV vào Tuần sinh hoạt công dân SV đầu khóa, trong chương trình chào Tân SV do Khoa tổ chức và trong nội dung sinh hoạt lớp tháng đầu tiên của năm thứ nhất [H4.04.01.09], [H4.04.01.10], [H4.04.01.11], [H4.04.01.12]. Các GV của Khoa cũng kết hợp chia sẻ với SV về nội dung, ý nghĩa triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường nói chung, ngành GDMN nói riêng trong quá trình giảng dạy. Trong đó, vấn đề CDR của từng học phần của ngành GDMN thường được nhấn mạnh, công bố trên website để SV chủ động hơn trong quá trình học tập [H4.04.01.13]. Việc khảo sát, thu thập ý kiến của các bên liên quan để làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh CTĐT theo hướng ngày càng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn cũng thường xuyên được Khoa, Trường ĐHQN tiến hành [H4.04.01.14], [H4.04.01.15], [H4.04.01.16], [H4.04.01.17].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường và của ngành GDMN được tuyên bố rõ ràng và được giới thiệu phổ biến đến CB, GV, SV, các tổ chức giáo dục, xã hội liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục chưa được thực hiện thường xuyên, chưa đảm bảo hài hòa giữa các đối tượng học tập và sử dụng nguồn nhân lực lao động.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa GDTH&MN khắc phục tồn tại bằng cách tiếp tục đề nghị với nhà trường tổ chức một số hội nghị, hội thảo có sự tham gia của bên tuyển dụng, đồng thời tận dụng nhiều kênh thông tin online như facebook, zalo... để thu thập được nhiều hơn các ý kiến phản hồi, phục vụ cho việc hoàn chỉnh, phát triển triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường và Khoa phù hợp với thực tiễn giáo dục đang trong quá trình hội nhập nhanh, mạnh với thế giới hiện đại.

Khoa phát huy điểm mạnh trên cơ sở tiếp tục giới thiệu phổ biến Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường và của ngành GDMN đến CB, GV, SV, các tổ

chức giáo dục, xã hội liên quan rộng rãi và có hệ thống hơn.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Các tổ bộ môn trong Khoa, GV xây dựng hoạt động dạy học/ phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Cùng với việc chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang TC của Nhà trường, từ năm học 2009 - 2010, CTĐT của ngành GDMN cũng được xây dựng theo hướng dạy học TC **[H4.04.02.01]**. Mục tiêu của CTĐT giúp NH có hiểu biết nhất định về các lĩnh vực chăm sóc, giáo dục trẻ, phát triển khả năng sáng tạo và đặc biệt có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT **[H4.04.02.02]**. ĐCCTHP đã mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho SV, trong đó nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học như một cách giúp SV hình thành năng lực chủ động học tập suốt đời **[H4.04.02.03]**. Để thích ứng với chương trình ngành học, các GV trong khoa luôn chủ động đổi mới phương pháp dạy học thông qua việc tổ chức, tham gia các cuộc họp, thảo luận, seminar của các GV thường được tổ chức nhằm trao đổi các vấn đề liên quan đến sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập, cập nhật những nội dung mới phù hợp với thực tiễn **[H4.04.02.04]**, **[H4.04.02.05]**, **[H4.04.02.06]**. Mỗi học phần có đặc điểm riêng nên các phương pháp dạy học cũng mang tính đặc thù, tuy nhiên các GV trong khoa luôn cố gắng phát huy năng lực NH, nhằm rèn luyện các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, hướng tới việc đạt được CĐR đã công bố trên website, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội ngày càng nâng cao và hội nhập quốc tế **[H4.04.02.07]**.

Khoa GDTH&MN, các tổ bộ môn, GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. CTDH ngành GDMN có cấu trúc gồm các học phần chung, học phần khoa học, học phần thực hành và học phần nghiệp vụ sư phạm **[H4.04.02.01]**, **[H4.04.02.02]**. Điều này đã mở ra nhiều cơ hội học tập cho SV như tiếp cận hệ thống lí thuyết mới, thường xuyên trau dồi các kỹ năng sư phạm và nghiệp vụ giảng dạy ngay từ những năm học đầu tiên cho đến khi tốt nghiệp, trong đó chú ý đến hoạt động tự nghiên cứu,

tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV, từ đó đạt được CDR như đã công bố [H4.04.02.07]. Để giúp SV trở thành những GV tương lai, Khoa đã tạo nhiều cơ hội cho SV được tiếp xúc, làm quen với kỹ năng sư phạm và nghiệp vụ giảng dạy ngay trong thời gian học thông qua nội dung các học phần liên quan đến việc rèn kỹ năng, nghiệp vụ của ngành [H4.04.02.08]. Ngay từ năm thứ 2, SV đã được thực tập giáo dục tại các trường Mầm non đạt chuẩn để học hỏi kinh nghiệm về tìm hiểu đặc điểm, tâm sinh lý trẻ, tập làm quen với không gian trường mầm non, tập làm các đồ dùng đồ chơi phục vụ cho công tác giảng dạy [H4.04.02.09]. Những năm học sau (năm 3, năm 4) SV thực hành tại trường Mầm non về các mảng chuyên môn đa dạng. SV năm cuối được gửi về các trường Mầm non trong đợt thực tập sư phạm 1, 2 để tìm hiểu thực tế giảng dạy, giáo dục và thực hành trực tiếp trong môi trường giáo dục mầm non [H4.04.02.10], [H4.04.02.11], [H4.04.02.12]. Cùng với hoạt động học tập, Khoa luôn động viên, khuyến khích SV NCKH với nhiều mảng đề tài phong phú [H4.04.02.13]. Một số đề tài đã tham gia dự thi và đạt giải thưởng bên cạnh những khóa luận tốt nghiệp đạt chất lượng của các SV cuối khóa [H4.04.02.14] [H4.04.02.15].

GV, NH hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT. Để đánh giá về chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức các hoạt động dạy và học cũng như sử dụng các phương pháp dạy học, giúp cho Khoa hình dung rõ hơn về CLĐT của ngành, hàng năm, trường ĐHQN tiến hành thu thập thông tin đánh giá về CTĐT từ phía SV, cựu SV và các cơ sở giáo dục thông qua hình thức trực tuyến hoặc phiếu khảo sát [H4.04.02.16], [H4.04.02.17]. Theo đánh giá chung, người dạy lẫn NH, Nhà trường lẫn các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực hài lòng với hoạt động dạy và học, ủng hộ các phương pháp dạy và học được Khoa chủ trương sử dụng trong CTĐT ngành GDMN [H4.04.02.18], [H4.04.02.19].

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học các học phần đáp ứng cơ bản các tiêu chí CDR, đội ngũ GV của Khoa có cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng tạo điều kiện cho SV lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như nghề nghiệp.

Khoa tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của NH nhằm đáp ứng MTĐT chung của ngành.

3. Điểm tồn tại

Nhiệm vụ cơ bản của GV Mầm non là chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, song CTĐT chưa chú trọng đúng mức để giúp NH thực hiện tốt nhiệm vụ. Thời lượng chưa cân đối giữa các nội dung trong CTĐT nên khó triển khai các phương pháp dạy học phù hợp.

CSVC, trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa GDTH&MN khắc phục tồn tại bằng cách điều chỉnh CTĐT và CDR dựa vào những văn bản, hướng dẫn dành cho ngành GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, vừa sàng lọc, vừa cập nhật được các tri thức chuyên ngành mới, phù hợp với thực tiễn giáo dục nước nhà.

Từ năm học 2021-2022, Khoa phát huy điểm mạnh trên cơ sở tham khảo rộng rãi ý kiến của nhà sử dụng lao động, các chuyên gia về GDMN để phát huy phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực cho NH.

5. Tự đánh giá:

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả

Tất cả ĐCCTHP mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Với mục tiêu giáo dục “Lấy NH làm trung tâm”, GV Khoa GDTH&MN luôn trau dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, NCKH nhằm đáp ứng CTĐT theo định hướng phát triển năng lực. SV ngành GDMN được rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm, khả năng tự học, kỹ năng mềm qua sự tương tác giữa GV và SV hay các buổi thảo luận, rèn luyện nghiệp vụ nhóm [H4.04.03.01]. Các ĐCCTHP thể hiện rõ các phương pháp dạy học được giáo viên vận dụng vào trong quá trình dạy học, trong đó chú trọng các PPDH thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển nghề nghiệp như các kỹ năng sư phạm, kỹ năng viết chữ [H4.04.03.02]... Để đảm bảo tính cập nhật của chương trình và PPDH, gắn chặt nội dung và phương pháp với thực tiễn trường mầm non, Nhà trường triển khai kế hoạch đánh giá, sửa đổi CTĐT phù hợp với GV [H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06]... SV được trải nghiệm, học tập và tích lũy kiến thức cũng như hình thành các kỹ năng cần thiết thông qua các

đợt thực hành, thực tập sư phạm 1 và thực tập sư phạm 2 **[H4.04.03.07]**, **[H4.04.03.08]**, **[H4.04.03.09]**.

Tất cả ĐCCTHP mô tả, nhấn mạnh đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Bên cạnh hình thức học tập tại lớp, mỗi SV phải tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu tại nhà. Điều này được quy định rõ trong tất cả đề cương chi tiết các học phần với thời lượng dành cho hoạt động tự học bằng số tiết của học phần nhân 2 **[H4.04.03.02]**. SV có thể làm các bài tập nhóm, thuyết trình, báo cáo với nguồn tư liệu từ thư viện khoa **[H4.04.03.10]** hoặc tham gia các nội dung học online trên cổng thông tin học tập trực tuyến **[H4.04.03.11]**. Điều này không chỉ giúp nâng cao khả năng tự tìm hiểu, nắm bắt vấn đề mà còn làm tăng khả năng giao tiếp, tự tin nói trước đám đông, tạo tiền đề cho việc rèn kỹ năng giao tiếp trong môi trường sư phạm. Đồng thời, Khoa luôn khuyến khích, động viên SV NCKH dưới sự hướng dẫn của các GV có năng lực và giàu kinh nghiệm **[H4.04.03.12]**, **[H4.04.03.13]**. Đặc biệt, tỉ lệ 20% SV ngành GDMN được làm khoá luận tốt nghiệp hàng năm cũng góp phần giúp người học được rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể độc lập giải quyết các vấn đề trong quá trình học tập và nghiên cứu, nâng cao khả năng học tập suốt đời **[H4.04.03.14]**, **[H4.04.03.15]**, **[H4.04.03.16]**.

GV sử dụng các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. SV ngành GDMN của Khoa có nhiều thuận lợi trong hoạt động học tập một phần xuất phát từ nguyên nhân điểm trúng tuyển vào ngành tương đối cao. Quá trình học tập lại được GV sử dụng phương pháp phù hợp, hướng dẫn cụ thể về các vấn đề liên quan đến NVSP, định hướng cho SV khả năng tự rèn luyện, hoàn thiện các kỹ năng, kỹ xảo. Nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc và kỹ năng sư phạm vững vàng giúp cho SV của Khoa luôn được các trường Mầm non đánh giá cao không chỉ ở các đợt thực tập giáo dục, TTSP 1, TTSP 2 mà cả khi đã tham gia công tác giảng dạy chuyên môn sau khi tốt nghiệp **[H4.04.03.07]**, **[H4.04.03.08]**, **[H4.04.03.09]**, **[H4.04.03.17]**, **[H4.04.03.18]**. Hoạt động của các câu lạc bộ, hội thi nghiệp vụ sư phạm do Khoa tổ chức, các phong trào SV tình nguyện, mùa hè xanh, hoạt động từ thiện của các tổ chức Đoàn, Hội cũng góp phần tạo điều kiện cho SV học hỏi kỹ năng mềm, kinh nghiệm nghề nghiệp **[H4.04.03.12]**, **[H4.04.03.13]**, **[H4.04.03.19]**.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV luôn trau dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, NCKH. SV hăng hái, tích cực trong rèn luyện và các hoạt động.

GV luôn tạo điều kiện cho SV có môi trường học tập và rèn luyện tốt nhất, giúp hình thành ở NH các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, từ đó nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí dành cho hoạt động SV NCKH, các hoạt động Đoàn - Hội, câu lạc bộ còn hạn chế do đó chưa thu hút được nhiều SV tham gia.

Điều kiện về CSVC còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng với nguyện vọng của NH trong các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ chuyên môn của nghề.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa khắc phục tồn tại trên cơ sở đề nghị nhà trường và tìm kiếm nguồn kinh phí để hỗ trợ hơn nữa cho hoạt động NCKH của SV và các hoạt động nghiệp vụ liên quan khác. Đồng thời bố trí thêm phòng nghiệp vụ, phòng làm việc hoạt động cho Đoàn, Hội và Câu lạc bộ.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa phát huy điểm mạnh trên cơ sở chú trọng hơn nữa việc rèn luyện cho SV các kỹ năng sư phạm, đẩy mạnh công tác hướng dẫn SV NCKH, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhìn chung chất lượng CTĐT ngành GDMN đã đạt được những kết quả nhất định về tổng quan, triết lí giáo dục, mục tiêu giáo dục. CTĐT được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan (người dạy, NH, nhà tuyển dụng,...) thông qua nhiều kênh thông tin như website của Trường, Khoa; các hoạt động ngoại khóa, các kênh hỗ trợ SV như Đoàn thành niên, Hội SV, ... Tập thể cán bộ GV của Khoa thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, góp phần cải thiện chất lượng công tác dạy và học tập của SV, góp phần thực hiện tốt CDR của CTĐT.

Bên cạnh những điểm mạnh, vẫn còn nhiều tồn tại cần cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Công tác khảo sát thực tế, lấy ý kiến của các bên liên quan cần được tổ chức thường xuyên hơn.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 4		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 4.1					x			4,67	3	100
Tiêu chí 4.2					x					
Tiêu chí 4.3				x						

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**Mở đầu**

Đánh giá KQHT của NH là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong GDDH. Kết quả đánh giá sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đến học tập và nghề nghiệp sau này của NH, đồng thời cung cấp cho Trường và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ tốt cho NH. Việc đánh giá KQHT của NH chuyên ngành GDMN được thiết kế để đo lường được các mức độ đạt được của CĐR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như của chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của NH đều được thông báo công khai tới NH thông qua sổ tay SV khi mới nhập học. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, NH được thông báo về kế hoạch, hình thức học tập và tiêu chí kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng học phần. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, khoa học, đảm bảo các giá trị tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi, xử lý kịp thời để NH cải thiện tốt việc học tập và tạo thuận lợi để NH có điều kiện tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT. Chất lượng đào tạo của Nhà trường được phản ánh rõ nét ở KQHT mà SV đạt được qua từng năm học và toàn khóa học tập. KQHT của NH được xem xét, đánh giá dựa trên mức độ đáp ứng yêu cầu của CĐR và mục tiêu CTĐT. Với ý nghĩa đó, công tác kiểm tra đánh giá KQHT là một khâu quan trọng của quá trình đào tạo, có tác dụng giúp NH không ngừng nỗ lực phấn đấu nhằm nâng cao thành tích học tập và rèn luyện bản thân.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Nhà trường có các quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của NH. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT được công khai trên website của trường, khoa và sổ tay SV [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Trong “Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa” và suốt quá trình học, đại diện Trường, Khoa và GV phụ trách học phần luôn phổ biến về quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho SV [H5.05.01.05]. Trước mỗi năm học, Nhà trường tổ chức thảo luận, thống nhất và ban hành kế hoạch đào tạo, trong đó quy định thời điểm cụ thể cho các lần đánh giá kết quả học tập của NH, sau đó, công bố công khai trên website của Trường và thông báo đến các lớp được biết [H5.05.01.06], [H5.05.01.07].

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích, mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập gồm có hình thức kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập, thi kết thúc học phần hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Quy trình kiểm tra, thi kết thúc học phần được thực hiện nghiêm túc theo quy định chung của Trường từ khâu thiết kế, ra đề, coi thi, chấm thi [H5.05.01.02]. Đề thi kết thúc học phần và đáp án hệ chính quy được các GV dạy cùng học phần ra 02 đề và 02 đáp án nộp về Phòng KT&ĐBCL trước kỳ thi 01 tháng và Phòng KT&ĐBCL lựa chọn ngẫu nhiên 01 đề để tổ chức thi [H5.05.01.08]. Tất cả đề thi kết thúc học phần đều được trưởng bộ môn xem xét, phê duyệt dựa trên khả năng đánh giá theo các mức độ nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo của NH và so sánh đối chiếu mức độ đạt được của CĐR.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, đối với đánh giá cuối kỳ đã được quy định trong các ĐCCTHP [H5.05.01.09]. Việc tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH nhằm đánh giá tốt nhất mức độ đạt được CĐR của NH. Đối với các học phần thực tập tại các trường Mầm non trên địa bàn TP Quy Nhơn, việc đánh giá SV sẽ do GV phụ

trách hướng dẫn và giáo viên hướng dẫn tại trường phổ thông cùng tiến hành theo quy định, điều này đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được đánh giá không chỉ trên tham chiếu của cơ sở xây dựng CTĐT là Khoa, mà còn với tham chiếu của đơn vị sử dụng lao động trực tiếp là các trường Mầm non, giúp cho việc đào tạo gắn liền với thực tiễn và làm cơ sở cho những cập nhật, điều chỉnh, thay đổi về nội dung dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp [H5.05.01.10]. Việc giao đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cũng được Nhà trường và Khoa thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc chọn SV đủ điều kiện được làm khóa luận cho đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp. SV cần đảm bảo theo quy định của Trường ĐHQN về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá về ý thức, thái độ, ý nghĩa đề tài và phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với khóa luận [H5.05.01.11], [H5.05.01.12], [H5.05.01.13].

2. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường quy định rõ ràng và thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CTĐT.

Đề thi đều bám sát mức độ đạt được của CDR học phần và đều được Tổ bộ môn xem xét duyệt.

3. Điểm tồn tại

Tính chính xác của việc đánh giá kết quả học tập chưa cao. Hình thức kiểm tra tự luận vẫn còn chiếm ưu thế, ít chú ý đến khía cạnh sáng tạo của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa đề nghị Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc xây dựng ngân hàng đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đáp ứng CDR.

Khoa GDTH & MN tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh cách thức đánh giá kết quả học tập theo hướng nâng cao tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV. Đồng thời tăng cường sự đa dạng của các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ngoài hình thức tự luận.

5. Tự đánh giá:

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Nhà trường có các tài liệu hướng dẫn được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH. Trường ĐHQN đã xây dựng các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH rất rõ ràng [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04], [H5.05.02.05], [H5.05.02.06], [H5.05.02.07], [H5.05.02.08]. Các quy định này cũng được thể hiện rõ trong ĐCCTHP của CTĐT ngành GDMN [H5.05.02.09], [H5.05.02.10]. Cụ thể, KQHP được tổng hợp từ 3 nội dung sau: chuyên cần (10%), quá trình học tập (20 – 40%), và kết thúc học phần (50 -70%) [H5.05.02.11]. Tất cả nhằm đánh giá kết quả học tập của NH đạt được hiệu quả cao nhất và chính xác nhất. Nhà trường và Khoa cũng có các quy định rõ ràng về trách nhiệm của SV và GV, thể thức trình bày, quy trình chấm, phiếu chấm, phiếu nhận xét của phản biện, hồ sơ bảo vệ khi làm khóa luận tốt nghiệp [H5.05.02.12], [H5.05.02.13], [H5.05.02.14]. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp [H5.05.02.15], [H5.05.02.16], [H5.05.02.17].

Các tài liệu hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH được thông báo công khai tới NH trước mỗi khóa học, học kỳ, học phần. Các nội dung hướng dẫn về đánh giá kết quả học tập được công bố đến người học trên website của Trường, Khoa và trong Sổ tay SV [H5.05.02.18], [H5.05.02.19]. Cụ thể, điểm đánh giá học phần bao gồm 3 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần và giữa kì được công bố công khai với SV trước khi kết thúc học phần, điểm cuối kì được cập nhật trên tài khoản cá nhân của SV. Thời gian thi kết thúc học phần do Phòng ĐTDH lên kế hoạch và được Nhà trường phê duyệt, cho công bố để SV biết [H5.05.02.20], [H5.05.02.21]. Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&BDCL lập kế hoạch thi và thông báo cho SV biết thông qua tài khoản cá nhân chậm nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu [H5.05.02.22]. Mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức thi tập trung 1 lần, SV vắng thi nếu có

lý do chính đáng (ốm đau, bệnh tật, tai nạn) sẽ được Nhà trường bố trí thi lại ở học kỳ phụ hoặc ở kỳ thi gần nhất nhằm đảm bảo tiến độ học tập [H5.05.02.23]. Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần và giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và công bố công khai cho NH [H5.05.02.24]. SV được báo kết quả thi qua tài khoản cá nhân chậm nhất là 7 ngày sau khi thi [H5.05.02.25]. Nếu kết quả chưa tương xứng với bài làm, SV có quyền viết đơn đề nghị phúc khảo để trợ lý đào tạo tiếp nhận, thông tin lại cho GV tiến hành rà soát và phản hồi lại cho SV [H5.05.02.26], [H5.05.02.27]. Đối với khóa luận tốt nghiệp, Khoa GDTH & MN thông tin bằng văn bản đến SV các quy định về bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng chấm, danh sách GV hướng dẫn, GV phản biện, mẫu trình bày khóa luận. Hội đồng sau khi thống nhất thông qua sẽ công khai điểm khóa luận ngay cuối buổi bảo vệ [H5.05.02.17]. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường cũng đã ban hành Quy định CDR về ngoại ngữ, tin học đối với SV đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ SV [H5.05.02.28], [H5.05.02.29]. Theo quy định, SV phải đạt chuẩn bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. CDR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Qua kết quả khảo sát YKPH của NH về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Nhà trường và của Khoa cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần đã được GV thông báo và giải thích rõ ràng trước khi học; đa số NH đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của Khoa đều đáp ứng yêu cầu thông qua các kết quả khảo sát hàng năm của phòng KT&BDCL [H5.05.02.30].

Người học được phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được Khoa và Trường triển khai, thông báo công khai tới NH ở nhiều kênh khác nhau như: website Trường và Khoa, tuần sinh hoạt công dân SV đầu khóa, chương trình gặp mặt Chào Tân SV, trong đề cương chi tiết các học phần và được Cố vấn học tập cũng như từng GV giới thiệu, giải thích rõ ràng khi Sinh hoạt lớp cuối tháng hoặc ở buổi học đầu tiên mỗi học phần giúp SV nắm được các quy định, mục tiêu giáo dục cũng như CDR của chương trình đào tạo để có thể lập kế hoạch học tập phù hợp [H5.05.02.30], [H5.05.02.31], [H5.05.02.32], [H5.05.02.33].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH là rõ ràng và được thông báo công khai qua nhiều kênh thông tin. Do đó, NH chủ động hơn nhờ hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Kết quả học tập được chuyển vào tài khoản cá nhân của từng SV, giúp SV chủ động trong việc lập kế hoạch học tập, kể cả học cải thiện.

Sau mỗi học kỳ, Nhà trường đều thực hiện khảo sát ý kiến của NH về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập, trên cơ sở đó đưa ra một số điều chỉnh nhằm cải thiện kết quả học tập theo CDR.

3. Điểm tồn tại

Các quy định về đánh giá kết quả học tập được phổ biến, đăng tải theo nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên, các kênh thông tin chưa thật sự đồng bộ, trang web của Khoa bị gián đoạn hoạt động, việc cập nhật các quy định về đánh giá kết quả học tập không được đăng tải liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa tiếp tục đề nghị Nhà trường nâng cấp trang web của Khoa, của Trường.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa phát huy điểm mạnh bằng việc tăng cường đăng tải các hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT lên website của Khoa; tiếp tục phối hợp thực hiện tốt hơn nữa các quy định về đánh giá KQHT của NH; đẩy mạnh xây dựng nội dung và hình thức đánh giá theo hướng tiếp cận, phát triển năng lực người học.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả

Cơ sở giáo dục, GV sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Đánh giá kết quả học tập có vai trò quan trọng trong quá trình dạy học. Đánh giá kết quả học tập của SV trong khoa được thực hiện dưới nhiều hình thức và theo đúng quy trình quy định [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04]. Nội dung và hình thức kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần đa dạng, phong phú và phù hợp với các học phần, đảm bảo độ giá trị, tin cậy và sự công bằng,

bao gồm thi viết, vấn đáp, thực hành, luận văn tốt nghiệp hoặc kết hợp giữa các hình thức trên đã được quy định rõ trong ĐCCTHP [H5.05.03.01], [H5.05.03.05]. Đề thi đảm bảo kiểm tra được kiến thức, kỹ năng cơ bản của học phần quy định theo dạy học TC. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Trường tổ chức kỳ thi kết thúc học phần vào cuối mỗi học kỳ nghiêm túc. Phòng KT&BDCL xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao, đóng gói đề thi giao cho khoa quản lý học phần tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế quy định [H5.05.03.01], [H5.05.03.04].

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Khâu chấm thi cũng được thực hiện nghiêm túc. Mỗi bài thi có hai cán bộ chấm độc lập, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng điểm mỗi học phần có chữ ký của hai GV chấm thi, ký xác nhận của Trưởng bộ môn và Trưởng khoa nên đảm bảo khách quan, công bằng và nghiêm túc trong công tác chấm thi như quy định [H5.05.03.01]. Trợ lý đào tạo của Khoa quản lý học phần ráp phách và lên bảng điểm cho các học phần thi viết. Các bài thi vấn đáp, thực hành được chấm trực tiếp bởi hai GV. SV được viết đơn phản hồi nếu phát hiện điểm nhập sai và được điều chỉnh theo đúng quy trình [H5.05.03.04]. Các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra việc lên điểm học phần và điểm thi kết thúc học phần đều được Nhà trường thanh tra theo đúng quy định [H5.05.03.06], [H5.05.03.07], [H5.05.03.08]. Các học phần trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm quá trình học tập chiếm trọng số 20 - 40% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 50 - 70% [H5.05.03.05]. Với khóa luận tốt nghiệp, Khoa thực hiện theo Quy định về việc giao luận văn tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy. Việc chấm khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học, kết quả thực tiễn...đều thực hiện theo đúng quy định [H5.05.03.09]. Cách tính điểm của khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của các thành viên trong hội đồng, điểm của GV hướng dẫn và điểm của GV phản biện khóa luận [H5.05.03.10]. Cuối mỗi kỳ thi, Nhà trường triển khai họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần [H5.05.03.11]. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổng hợp

YKPH của SV về CTĐT, phương pháp giảng dạy và quy trình kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo độ tin cậy, công bằng và đánh giá mức độ tích lũy của NH về kiến thức, kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề [H5.05.03.12], [H5.05.03.13].

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng: kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập, thực hành, khóa luận tốt nghiệp, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình, sản phẩm học tập... giúp đánh giá theo các mức độ CDR hiệu quả hơn.

Đề thi được duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Đa số YKPH của NH hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá.

Tổ chức tổng hợp YKPH của SV nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá kết quả học tập tin cậy, có giá trị và công bằng.

3. Điểm tồn tại

Hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần. Trường, Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi các học phần.

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa thực hiện tốt.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Nhà trường và Khoa khắc phục tồn tại bằng cách lập kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi học phần.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa tiếp tục phát huy hơn nữa việc triển khai khảo sát rộng rãi ý kiến của NH về phương pháp đánh giá KQHT. Dựa trên đặc thù của một số học phần, có thể triển khai đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm, cho sinh viên làm tiểu luận thay bài kiểm tra giữa kỳ.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Việc phản hồi kết quả đánh giá của người học là thước đo chất lượng đào tạo của chương trình, chính vì vậy Trường ĐHQN và Khoa đã thực hiện theo văn bản hợp nhất số 17/VBHN- BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC [H5.05.04.01]. Dựa

trên quy định này, Trường ĐHQN và Khoa đã có các quy định về việc phản hồi và đánh giá kết quả của người học [H5.05.04.02], [H5.05.04.03], [H5.05.04.04], [H5.05.04.05], [H5.05.04.06]. Các quy định này được thông báo công khai đến từng GV và SV để kiểm tra và giám sát. Cụ thể, mỗi SV được cấp một tài khoản riêng và SV sử dụng tài khoản đó truy cập vào website của Trường để xem kết quả điểm kiểm tra, điểm thi [H5.05.04.07]. GV phải thông báo điểm chuyên cần và giữa kỳ đến SV trước khi kết thúc học phần. Điểm thi các học phần được trợ lý Khoa cập nhật lên phần mềm chậm nhất 02 tuần sau khi kỳ thi kết thúc. Đại diện SV các lớp sẽ tiến hành kiểm tra, đối chiếu giữa điểm công khai và điểm trong phiếu chấm của GV, đảm bảo được độ chính xác và tính minh bạch của việc công bố đánh giá kết quả. Hồ sơ, kết quả học tập của SV được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập, có thể tiếp cận và tra cứu dễ dàng. Với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý, công tác quản lý kết quả học tập của người học được đảm bảo tính chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.08].

Việc phản hồi kết quả đánh giá của người học là thước đo chất lượng đào tạo của chương trình, chính vì vậy các quy định về phản hồi kết quả đánh giá cần được công bố công khai, kịp thời đến GV và người học. Thông tin này được đăng trên website của trường, khoa và sổ tay SV [H5.05.04.09], [H5.05.04.10]. Trong “Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa” và trong suốt quá trình học, sinh viên luôn được đại diện trường, khoa và giảng viên phụ trách học phần phổ biến về quy định phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá [H5.05.04.11]. Quy trình phản hồi kết quả đánh giá tại Khoa GDTH&MN được thực hiện theo quy định của nhà trường [H5.05.04.05]. Đối với từng học phần, GV phụ trách lớp học phần nào thông báo hình thức và thời gian đánh giá kết quả học phần cho SV lớp học phần đó từ đầu học kỳ. Chậm nhất 10 ngày sau ngày thi kết thúc học phần, GV phải hoàn thành việc chấm bài và trợ lý Khoa cập nhật điểm lên phần mềm chậm nhất 02 tuần sau khi kết thúc kỳ thi [H5.05.04.03]. Trong vòng 07 ngày kể từ khi công bố điểm học phần, nếu SV không thỏa mãn về kết quả điểm học phần thì có thể gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi đến khoa quản lý học phần [H5.05.04.12]. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, khoa quản lý học phần phải công bố kết quả phúc khảo cho SV trên hệ thống phần mềm [H5.05.04.05], [H5.05.04.13]. Việc nắm được các quy định về phản hồi kết quả đánh giá giúp cho

người học chủ động trong việc theo dõi quá trình kiểm tra đánh giá và có sự phản hồi kịp thời đối với kết quả kiểm tra đánh giá của bản thân, xây dựng lộ trình học tập cho phù hợp.

Từ việc hiểu rõ các quy định về phản hồi kết quả đánh giá của Trường và Khoa thì người học sẽ thể hiện sự phản hồi kết quả đánh giá của mỗi học phần một cách kịp thời cho Khoa và Trường. NH có thể phản hồi và cải thiện việc học tập sau khi nhận được kết quả công khai của Khoa và Trường từ các kênh thông tin trên website của Trường, qua tài khoản của NH [H5.05.04.08]. Sau 10 ngày kể từ khi NH biết kết quả phản hồi từ việc đánh giá, SV có quyền gửi đơn đề nghị xem lại các điểm thành phần, nếu phát hiện có sai sót trong khâu nhập điểm so với kết quả mà GV đã công bố hoặc đề nghị phúc khảo bài thi kết thúc học phần nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài làm của mình [H5.05.04.12]. Trợ lý học tập báo lại trưởng bộ môn các trường hợp phúc khảo và giải quyết, phản hồi lại cho sinh viên trong vòng 7 ngày theo quy định [H5.05.04.05]. Khi SV thuộc diện bị nhận kết quả cảnh báo học tập của Nhà trường hoặc buộc thôi học, SV có quyền thể hiện sự đồng ý hay không đồng ý của mình về kết quả này thông qua việc gửi đơn thể hiện nguyện vọng của mình cho Ban Chủ nhiệm Khoa và Trường [H5.05.04.12], [H5.05.04.14], [H5.05.04.15].

Khi NH nhận được những thông tin phản hồi về kết quả đánh giá, những thông tin này được Khoa, Trường và NH sử dụng để cải thiện việc học tập. NH sau khi nhận được điểm chuyên cần và điểm đánh giá quá trình của GV, NH có thể thắc mắc những kết quả nhận xét, đánh giá quá trình học tập và lỗi làm bài của mình để GV giúp NH nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của họ đối với học phần, từ đó có định hướng cải tiến những lỗ hổng của bản thân về môn học. Bên cạnh đó, Trường cũng đưa ra các cảnh báo KQHT, buộc thôi học đối với SV theo từng kỳ [H5.05.04.15]. Các trường hợp bị cảnh báo hoặc ngưng tiến độ, Nhà trường phối hợp với Khoa thông báo đến phụ huynh được biết, đồng thời hỗ trợ các em cải thiện KQHT trong học kỳ thứ 3 của các năm học. Đối với những trường hợp bị thôi học, chậm nhất 01 tháng sau khi SV có quyết định buộc thôi học, Trường thông báo về địa phương nơi SV có hộ khẩu thường trú và hướng dẫn SV thực hiện các thủ tục về bảo lưu hay chuyển một phần kết quả học tập nếu SV có nguyện vọng [H5.05.04.01], [H5.05.04.02]. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những SV đủ điều kiện tốt nghiệp trừ trường hợp SV viết đơn đề nghị hoãn xét tốt

nghiệp đề học cải thiện [H5.05.04.16], [H5.05.04.17], [H5.05.04.18]. Hầu hết NH và NH đã tốt nghiệp đều thể hiện sự hài lòng với cách tiếp nhận sự phản hồi về đánh giá KQHT của trường và khoa, giúp NH cải thiện việc học tập [H5.05.04.19].

2. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản, quy định liên quan đến hoạt động đánh giá kết quả học tập được nhà trường xây dựng chi tiết, đầy đủ và được Khoa tuân thủ một cách chặt chẽ, giúp hạn chế tối đa sai sót trong hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp, cấp các văn bằng, chứng chỉ.

Mỗi NH được cấp 1 tài khoản riêng nên rất thuận lợi trong việc tra cứu KQHT. Kết quả kiểm tra đánh giá KQHT của NH được công khai và công bố đúng quy định.

NH sử dụng những kết quả đánh giá cùng với sự hỗ trợ của Khoa và Trường giúp NH cải thiện tốt việc học tập của họ.

3. Điểm tồn tại

Một số GV còn chưa thực hiện đúng thời gian quy định về việc chấm và công bố kết quả điểm thi giữa kỳ và cuối kỳ của học phần, dẫn đến làm chậm tiến độ công khai kịp thời kết quả đánh giá cho NH.

Còn một số NH còn chưa thực sự nắm rõ hệ thống văn bản liên quan đến việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa GDTH&MN khắc phục tồn tại bằng cách thúc đẩy việc công bố điểm giữa kỳ và cuối kỳ của học phần cho NH đúng thời gian quy định. Khoa GDTH&MN bằng nhiều cách khác nhau phổ biến rộng rãi thường xuyên hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, hoạt động chấm thi, điều chỉnh kết quả thi học phần, quản lý và thông báo kết quả học tập... đến từng SV một cách thường xuyên hơn.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa phát huy điểm mạnh bằng cách tuân thủ một cách chặt chẽ mọi việc theo đúng kế hoạch đề ra.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.5. Sinh viên tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả

Để NH có thể tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thì họ cần được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trước mỗi khóa học, học kỳ, học phần. Sinh viên được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT vào đợt sinh hoạt công dân đầu khóa, sổ tay sinh viên và tư vấn hỗ trợ của CVHT [H5.05.05.01], [H5.05.05.02]. Sinh viên có quyền khiếu nại KQHT nếu chưa thỏa mãn theo Quy trình khiếu nại KQHT đã được Trường ĐHQN hướng dẫn cụ thể [H5.05.05.03]. Quy trình, thủ tục, mẫu đơn phúc khảo được đăng tải trên website của Trường và NH rất dễ dàng tiếp với những quy trình, thủ tục và mẫu đơn này [H5.05.05.04], [H5.05.05.05]. Ngay cả đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, Khoa đều công bố bảng điểm cho NH để đối chiếu và NH có quyền khiếu nại khi có sai sót [H5.05.05.06]. Ngoài ra, để tiếp nhận những khiếu nại về KQHT của NH, Nhà trường có hòm thư góp ý để NH có thể gửi trực tiếp những ý kiến khi cần thiết [H5.05.05.07].

NH được quyền thể hiện thái độ chưa đồng ý của mình đối với kết quả học tập nhận được bằng cách họ sẽ khiếu nại kết quả học tập, việc khiếu nại này được Khoa GDTH&MN và Trường ĐHQN giải quyết kịp thời và thỏa đáng hàng năm. Để giải quyết kịp thời và thỏa đáng mọi khiếu nại về kết quả học tập, Khoa đã thực hiện đúng thời gian chấm phúc khảo như quy định đã đề ra của Trường [H5.05.05.03]. SV có quyền kiến nghị về điểm đánh giá chuyên cần, giữa kỳ và điểm thi khi thấy không phù hợp về khoa [H5.05.05.05] [H5.05.05.08]. Trợ lý học tập khoa phối hợp với GV phụ trách học phần để giải quyết theo đúng quy định. Bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi và ý kiến của Trưởng khoa. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho sinh viên và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng học kỳ trên phần mềm máy tính. Điểm sau phúc khảo là kết quả cuối cùng của học phần [H5.05.05.09]. Tất cả các trường hợp khiếu nại về KQHT của SV đều được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy trình, quy định. Chính vì vậy, tỉ lệ SV khá giỏi được nhận học bổng khuyến khích học tập, tỉ lệ SV được xét lên lớp, số lượng SV tốt nghiệp hàng năm cùng các quyền lợi khác của NH có liên quan đến việc sử dụng KQHT của Khoa luôn đạt ở mức cao [H5.05.05.10], [H5.05.05.11],

[H5.05.05.12].

2. Điểm mạnh

NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập vào đầu mỗi khóa học, kỳ học và học phần.

Khi có khiếu nại về kết quả học tập, SV có thể dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại qua nhiều kênh và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót.

Khoa GDTH&MN đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập, thời gian phúc khảo nhanh chóng để hỗ trợ cho NH trong quá trình học tập tại Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm, làm ảnh hưởng đến việc phúc khảo điểm và tiến độ học tập của SV.

Quy trình thủ tục khiếu nại chưa phân định rõ ràng giữa đơn vị Phòng Đào tạo đại học, Phòng KT&BDCL, khoa quản lý SV và khoa quản lý học phần trong việc tiếp nhận và giải quyết đơn của SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa khắc phục tồn tại trên cơ sở công bố điểm cuối kỳ sớm cho NH để họ có những khiếu nại kịp thời giúp cải thiện kết quả học tập của mình.

Từ năm học 2021 – 2022, Nhà trường và Khoa tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và công bố công khai quy trình khiếu nại trên các kênh thông tin để NH nắm rõ và thực hiện đúng quy trình này. Giải quyết những điểm còn chưa phân định rõ ràng về quy trình, thủ tục khiếu nại giữa các phòng ban chức năng và khoa.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập người học theo CTĐT ngành GDMN được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN, phù hợp với CDR được ban hành, được thông báo rõ ràng và công khai đến NH với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH có thể cải thiện việc học tập. Đồng thời việc giải quyết

kip thời và thỏa đáng những khiếu nại của NH về kết quả đánh giá học tập đã tạo ra môi trường học tập công bằng và chất lượng cao. Tuy nhiên, đôi lúc, việc tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của NH chưa được thuận lợi.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 5:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 5		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 5.1					x			4,80	5	100
Tiêu chí 5.2					x					
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4					x					
Tiêu chí 5.5					x					

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

CLĐT của một CSGD không chỉ phụ thuộc vào CTĐT mà còn phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của đội ngũ GV. Khoa GDTH&MN, với 15 năm kinh nghiệm trong đào tạo ngành GDMN, cùng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm tốt; có trình độ ngoại ngữ, tin học để đáp ứng tốt mọi yêu cầu trong thực hiện CTĐT, nhiệm vụ NCKH và phục vụ cộng đồng. Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN đã thực hiện việc quy hoạch, tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm cán bộ một cách công khai, đúng quy định, quy trình và tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao. Tỷ lệ GV/NH đảm bảo để mỗi GV có thể thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ được giao, tham gia NCKH và bồi dưỡng phát triển trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Những thành tích đóng góp về NCKH, đào tạo và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV đều được Khoa, Nhà trường đánh giá cao và công nhận tạo động lực cho GV phấn đấu hơn trong công tác. Chất lượng đội ngũ GV là một nguồn lực quan trọng để xây dựng và phát triển Trường

ĐHQN như sứ mạng và mục tiêu mà Trường đã khẳng định và quyết tâm thực hiện.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN căn cứ trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng giai đoạn (2015- 2020) lập kế hoạch phát triển đội ngũ GV để thực hiện chương trình về các mặt như: thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu. Việc quy hoạch đội ngũ GV của Khoa được thực hiện theo đúng kế hoạch của Khoa, đúng quy trình, chặt chẽ, minh bạch, khoa học. Đồng thời phù hợp với: Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQN và Quy chế tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H6.06.01.01]. Khoa thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng GV cần bổ sung, bổ nhiệm để thay thế cho các GV đã nghỉ hưu, sắp nghỉ hưu hoặc chuyển công tác và cho những năm tiếp theo dựa trên các quy chế, quy hoạch chiến lược phát triển Nhà trường [H6.06.01.02]. Đội ngũ viên chức hiện nay của Khoa gồm 24 người (nam: 8; nữ: 16) trong đó gồm 22 GV cơ hữu được chia làm 03 tổ bộ môn (tổ Khoa học Xã hội, tổ Khoa học Tự nhiên và tổ Giáo dục Nghệ thuật) và 02 chuyên viên. Hiện GV cơ hữu của Khoa có độ tuổi bình quân là 46,5. Số cán bộ GV đạt trình độ TS: 05 (chiếm 22,7%), số cán bộ đang làm NCS trong nước là 01 (chiếm 4,5%). Phân hạng GV bao gồm: GV chính: 10; GV: 12, chuyên viên: 02 [H6.06.01.03]. Ngoài ra Khoa còn có sự hợp tác của các GV thỉnh giảng là các nhà khoa học, GV uy tín khác trong và ngoài Trường nhằm giúp Khoa thực hiện nhu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Hằng năm, Khoa tiến hành rà soát lại những mặt còn hạn chế trong công tác quy hoạch đội ngũ GV để tiếp tục xây dựng kế hoạch, quy hoạch cho năm kế tiếp. Khoa GDTH&MN đã xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận đầy đủ về số lượng và chất lượng, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên các quy chế, quy hoạch của Nhà trường; đề án việc làm của Khoa; khối lượng công việc đang thực hiện của GV trong Khoa. Nhà trường và Khoa cũng thực hiện đúng các quy định hiện hành về việc chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu đối với GV để phát huy tối đa nguồn lực cán bộ

[H6.06.01.03], [H6.06.01.04].

Nhờ việc lập kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa GDTH & MN đã được triển khai thực hiện đúng nên đã GV của Khoa đã đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhà trường, Khoa luôn quan tâm và có hình thức hỗ trợ phù hợp cho GV bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Mỗi GV mới được tuyển dụng đều được tổ bộ môn phân công một GV có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn, nên chuyên môn và nghiệp vụ của các GV trẻ được đảm bảo. Đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành GDMN tích cực trong công tác NCKH, nỗ lực nâng cao kiến thức chuyên môn thông qua việc dự các hội nghị, hội thảo, seminar trong nước **[H6.06.01.05]**. Khoa luôn kịp thời đề nghị Nhà trường ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch theo quy định đối với trường hợp GV hết thời gian tập sự hay đề nghị Nhà trường cử đi thi nâng ngạch nếu GV đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước và phù hợp với danh mục vị trí việc làm của Khoa. Việc bổ nhiệm Trưởng bộ môn theo nhiệm kỳ của Trưởng Khoa và dựa trên năng lực công tác, thành tích NCKH của cán bộ để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như quản lý. Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường **[H6.06.01.06]**, **[H6.06.01.07]**, **[H6.06.01.08]**. Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện thường xuyên, liên tục và đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, thể hiện qua kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của NH đối với đội ngũ GV thực hiện CTĐT **[H6.06.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Khoa có kế hoạch về bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu công việc và theo đúng quy trình, tiêu chuẩn của Nhà trường.

Đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm sư phạm để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ GV chưa được thực hiện thường xuyên. Hiện nay, cán bộ GV cơ hữu của Khoa GDTH&MN có độ tuổi trung bình khá cao, thiếu đội ngũ GV trẻ kế cận. Đội ngũ GV cơ hữu của khoa có sự biến động, nhưng chưa được bổ sung kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021- 2022, Khoa GDTH&MN khắc phục tồn tại bằng việc thực hiện công tác quy hoạch và kiến nghị với Nhà trường bổ sung thêm những GV trẻ có trình độ chuyên môn cao.

Khoa và Nhà trường tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện hơn nữa cho đội ngũ GV được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Khoa GDTH&MN có đội ngũ GV thực hiện CTĐT của Khoa đạt tiêu chuẩn về đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với khung năng lực việc làm. Đội ngũ viên chức hiện nay của Khoa gồm 24 người (nam: 8; nữ: 16) trong đó gồm 22 GV cơ hữu được chia làm 03 tổ bộ môn (tổ Khoa học Xã hội, tổ Khoa học Tự nhiên và tổ Giáo dục Nghệ thuật) và 02 chuyên viên. Hiện GV cơ hữu của Khoa có độ tuổi bình quân là 46,5. Số cán bộ GV đạt trình độ TS: 05 (chiếm 22,7%), số cán bộ đang làm NCS trong nước là 01 (chiếm 4,5%). Phân hạng GV bao gồm: GV chính: 10; GV: 12, chuyên viên: 02 [H6.06.02.01], [H6.06.02.02], [H6.06.02.03].

Tỷ lệ GV/NH của CTĐT ngành GDMN đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Năm 2020 số lượng NH của ngành GDMN là 367, số lượng GV sau quy đổi: 27 và tỷ lệ GV/ NH là 1/13,6 [H6.06.02.04]. Tỷ lệ GV/NH của ngành GDMN về cơ bản là đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT, tỷ lệ này thấp hơn so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chí tỷ lệ số SV chính quy tính trên một GV quy đổi (tỷ lệ sau quy đổi của khối ngành I là 20/1) [H6.06.02.05]. Trường ĐHQN và Khoa đã có chế độ chính sách phù hợp để hỗ trợ trong việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.02.06]. NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi GV, mặt khác tỷ lệ GV/NH thấp, nên đội ngũ GV có nhiều thời gian để thực hiện hoạt

động NCKH. GV Khoa GDTH&MN tích cực tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua số công trình được công bố hàng năm trên các tạp chí uy tín cùng với số đề tài cấp Trường do GV của Khoa làm chủ nhiệm [H6.06.02.07], [H6.06.02.08].

Khoa GDTH&MN đã hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện theo chế độ làm việc đối với GV thể hiện qua các văn bản: Thông tư Quy định chế độ làm việc đối với GV của Bộ GD&ĐT; Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN [H6.06.02.09].

Nhà trường có quy định về số giờ giảng (khối lượng công việc tiêu chuẩn), tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV theo vị trí việc làm cụ thể của Khoa. Căn cứ vào Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN và bản mô tả vị trí việc làm của GV, Trưởng khoa, và Trưởng bộ môn cân nhắc phân công giờ giảng cho mỗi GV một các hợp lý [H6.06.02.07] [H6.06.02.09].

Khối lượng các công việc đối với đội ngũ GV luôn được Trường và Khoa giám sát nhằm mục đích cải tiến tốt hơn chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hằng năm, Trường ĐHQN lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV. Qua đó, Khoa có thể đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của GV, từ đó có kế hoạch giúp GV tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến CLĐT, đồng thời việc làm này cũng giúp các cấp Lãnh đạo Khoa giám sát được tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, để từ đó đưa ra định hướng thích hợp [H6.06.02.10]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và lập kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H6.06.02.11]. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của Trưởng bộ môn, Lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao. GV thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy, không hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm sẽ không được xét chiến sĩ thi đua cơ sở. Cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.02.12], [H6.06.02.13]. Hầu hết GV trong Khoa đều thực hiện giờ giảng dạy vượt chuẩn quy định [H6.06.02.14]. Nhà trường có chế độ chi trả, thanh toán giờ dạy một cách rõ ràng và minh bạch, thể hiện rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.02.15].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/NH thấp so với quy định. Khối lượng công việc của từng GV trong Khoa được xác định rõ ràng, hợp lý và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường.

Đội ngũ GV cơ hữu của Khoa có kinh nghiệm giảng dạy để thực hiện CTĐT ngành GDMN, hoạt động NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

GV trong Khoa thực hiện nhiều đề tài NCKH nhưng đa số các đề tài nghiên cứu ít tính ứng dụng vào thực tiễn và phục vụ cộng đồng chưa cao. Hoạt động NCKH chưa đồng đều trong đội ngũ GV của khoa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa khắc phục tồn tại bằng việc hình thành các nhóm nghiên cứu theo định hướng ứng dụng để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cộng đồng.

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa tiếp tục xác định rõ ràng, hợp lý kế hoạch khối lượng công việc của từng GV trong Khoa, tăng cường việc giám sát kết quả thực hiện công việc của các phòng ban chức năng.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trường ĐHQN có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí tuyển dụng thể hiện rất rõ ràng, cụ thể (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2 - Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3 - Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4 - Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5 - Lý lịch bản thân rõ ràng. [H6.06.03.01]. Việc tuyển dụng và lựa

chọn GV cũng được thực hiện theo nhu cầu thực tế của Khoa dựa vào danh mục vị trí việc làm. Công tác quy hoạch, điều chuyển cán bộ cũng được trao đổi và thống nhất ở Khoa dựa trên những tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể, sau đó Khoa đề xuất để Nhà trường xem xét và quyết định [H6.06.03.02], [H6.06.03.03]. Việc tuyển dụng theo đúng quy trình, sau khi trúng tuyển, các GV đều phải thực hiện nhiệm vụ biên soạn bài giảng, thông qua bài giảng ở Tổ bộ môn và giảng thử tại Tổ bộ môn rồi mới lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử việc, theo quy định của Nhà trường, Lãnh đạo Khoa cử một GV hướng dẫn trực tiếp cho GV mới được tuyển dụng [H6.06.03.04]. Đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trưởng/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định và tuân theo Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN. Trong những năm qua, nhiều GV trong khoa được điều chuyển tới đơn vị mới để có thể phát triển chuyên môn và năng lực của cá nhân [H6.06.03.05], [H6.06.03.06].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Trong kỳ thi tuyển dụng, mỗi ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Nhà trường thông báo công khai điều kiện tuyển dụng cũng như kết quả thi tuyển trên Website của Trường ĐHQN, đồng thời niêm yết trên bản tin của Phòng Tổ chức - Cán bộ và gửi văn bản tới từng đơn vị cụ thể [H6.06.03.06], [H6.06.03.07].

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển và công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường.

Khoa đã tuyển dụng được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ năng lực NCKH, nghiệp vụ sư phạm và các kỹ năng về tin học, ngoại ngữ.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV có yêu cầu rất cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên chưa thu hút được nguồn GV có trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa khắc phục tồn tại bằng cách chủ động đề xuất với nhà trường xem xét chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc để thu hút được nguồn GV có trình độ cao.

Từ năm học 2021-2022, Khoa đề nghị với Nhà trường những tiêu chí tuyển dụng lựa chọn GV phù hợp với vị trí việc làm trong CTĐT của Khoa.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Năng lực chuyên môn của đội ngũ GV được coi là nhân tố cực kỳ quan trọng, then chốt, năng lực này được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành giúp cho Trường ĐHQN nói chung, Khoa GDTH&MN nói riêng phát triển và có uy tín cao. Năng lực của đội ngũ GV của Khoa GDTH&MN được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành bao gồm: Năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTĐT; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng...Ứng viên khi được tuyển làm GV tại Khoa GDTH&MN đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, tin học và ngoại ngữ theo quy định của Trường ĐHQN [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Sau khi trúng tuyển, các GV vẫn tiếp tục được Khoa và Nhà trường tạo điều kiện đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm [H6.06.04.03]. Đội ngũ GV của Khoa rất nỗ lực, tích cực tham gia NCKH và điều đó được thể hiện rõ qua số lượng công trình nghiên cứu được công bố hằng năm trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước, cũng như số lượng đề tài NCKH các cấp mà GV của Khoa đã và đang thực hiện [H6.06.04.04].

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của Khoa GDTH&MN nói riêng và Nhà trường nói chung. Nhà trường đã có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV. Cuối mỗi năm học, các GV đều phải thực hiện nhiệm vụ kê khai số bài

báo, số đề tài NCKH các cấp đã thực hiện và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh nhiệm vụ được giao. Dữ liệu GV tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.04.05], [H6.06.04.06]. Kết thúc mỗi năm học Nhà trường đều triển khai tổng kết, đánh giá phân loại viên chức. Trên cơ sở Bộ môn và Lãnh đạo Khoa đánh giá, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức. Kết quả đánh giá hằng năm, đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và được các cấp khen thưởng [H6.06.04.07], [H6.06.04.08]. Như vậy, Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh để nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực giảng dạy và nghiên cứu, các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Khoa GDTH&MN đáp ứng các quy định hiện hành của Trường ĐHQN. Tất cả GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Trình độ tiếng Anh và tin học của đội ngũ GV chưa được đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa khắc phục tồn tại bằng cách tạo mọi điều kiện để GV nâng cao trình độ chuyên môn và tham gia vào các lớp bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm và các lớp bồi dưỡng năng lực tiếng Anh, tin học do Nhà trường tổ chức.

Từ năm học 2021-2022, Khoa phát huy điểm mạnh bằng cách tạo điều kiện để các GV hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển

chuyên môn của đội ngũ GV, điều đó thể hiện qua: Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT giai đoạn 2015-2020; ; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 – 2020 **[H6.06.05.01]**. Việc xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa vào nhu cầu thực tế và theo Đề án vị trí việc làm của các bộ môn thuộc Khoa **[H6.06.05.02]**, **[H6.06.05.03]**.

Nhà trường và Khoa đã triển khai thu thập thông tin nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV và thông báo công khai thông tin về đội ngũ GV cơ hữu của Trường ĐHQN **[H6.06.05.04]**. Trên cơ sở đó Khoa và Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H6.06.05.05]**. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy được Nhà trường chú trọng. Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV hằng năm nhằm giúp GV rút kinh nghiệm trong quá trình đào tạo và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ **[H6.06.05.06]**.

Nhà trường và Khoa đã thực hiện những nội dung có trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Phần lớn GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường. Nhà trường đều triển khai các thông báo về chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài của Bộ GD&ĐT đến tất cả các đơn vị trong Trường, sau đó Khoa phổ biến đến toàn thể GV. Căn cứ vào nhu cầu thực tế, Nhà trường tạo điều kiện cho GV tham gia học các lớp bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp bồi dưỡng GV chính **[H6.06.05.05]**. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho các GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu và có chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng theo quy định chung của Trường. Nhà trường đã ban hành những chính sách đãi ngộ cụ thể quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn của GV để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV **[H6.06.05.07]**, **[H6.06.05.08]**. Hằng năm, GV trong Khoa được tạo điều kiện tham gia các hội nghị, hội thảo ở trong nước hoặc học tập nâng cao trình độ chuyên môn và được hỗ trợ kinh phí **[H6.06.05.09]**, **[H6.06.05.10]**.

Căn cứ vào kế hoạch và các công việc triển khai thực hiện tương ứng, Nhà trường cũng cũng tiến hành giám sát và đánh giá kết quả hằng năm thông qua: Báo cáo tổng kết tại Hội nghị công chức, viên chức; Bản thống kê GV đã được bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [**H6.06.05.11**].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN đã xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV và đồng thời thực hiện triển khai nhiều hoạt động, biện pháp để đáp ứng nhu cầu đó.

Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích GV tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện.

Một số khóa nâng cao trình độ ngoại ngữ được bố trí thời gian học chưa thuận lợi để GV tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa GDTH&MN khắc phục tồn tại bằng cách phối hợp với Nhà trường, tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV đầy đủ và toàn diện. Đồng thời, kiến nghị Nhà trường sắp xếp thời gian phù hợp, thuận lợi để GV có thể tham gia các khóa học bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Từ năm học 2021-2022, Khoa GDTH&MN phát huy điểm mạnh bằng cách tiếp tục xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV và đồng thời thực hiện triển khai nhiều hoạt động, biện pháp để đáp ứng nhu cầu đó. Đồng thời, Khoa đề nghị Nhà trường cải thiện hơn nữa chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích GV tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN đã tiến hành quản trị theo kết quả công việc của GV nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường và Khoa có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV, căn cứ vào: Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường ĐHQN; Danh mục vị trí việc làm của các bộ môn thuộc Khoa GDTH&MN và năng lực của từng GV để đảm bảo mỗi GV có thể phát huy tối đa năng lực của cá nhân **[H6.06.06.01], [H6.06.06.02], [H6.06.06.03]**. Hằng năm, mỗi GV đều có kế hoạch giảng dạy cụ thể và phải đảm bảo số giờ chuẩn theo quy định, bao gồm: số giờ chuẩn giảng dạy – đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H6.06.06.04]**.

Để thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, Khoa thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV hằng năm theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Các hoạt động thi đua, khen thưởng được tổ chức nghiêm túc và đạt hiệu quả dựa trên Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Nhà trường. Căn cứ vào kết quả đạt được từ dữ liệu thống kê về số lượng của GV tham gia biên soạn sách, tham gia các đề tài và số lượng bài báo khoa học được đăng trong cá hội thảo, hội nghị, tập chí khoa học hằng năm; hoạt động giảng dạy được phân công đầu năm học với số lượng học phần mỗi GV đảm nhiệm và thời gian thực hiện, danh sách đăng ký báo cáo seminar và thời gian thực hiện; hướng dẫn NCKH SV cấp trường và hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp... **[H6.06.06.04], [H6.06.06.05]**. Hằng năm, Trường và Khoa đều có đánh giá, phân loại, khen thưởng các cấp đối với GV có thành tích trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Kết quả xếp loại viên chức của đội ngũ GV trong Khoa đều đạt từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên **[H6.06.06.06]**. Đội ngũ GV của Khoa tích cực tham gia NCKH, các bài báo, các đề tài NCKH của đội ngũ GV trong Khoa đều hoàn thành và được nghiệm thu, đánh giá tốt **[H6.06.06.07]**. Các bài báo khoa học và các đề tài sau khi nghiệm thu được quy đổi điểm cho GV tham gia nghiên cứu làm cơ sở bình xét thi đua – khen thưởng các cấp **[H6.06.06.08]**. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn **[H6.06.02.09]**.

Việc đánh giá, phân loại, khen thưởng đối với GV đều được thực hiện công khai.

Tất cả GV được tham gia, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc của mình. Vì vậy, GV hài lòng về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền [H6.06.06.10].

2. Điểm mạnh

Quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN quy định rõ ràng và có chính sách khen thưởng công khai, minh bạch và rộng rãi tạo động lực, hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay kết quả NCKH ứng dụng và Bài báo quốc tế của đội ngũ GV còn thấp. Các tiêu chí khen thưởng thiếu tính định lượng, vì thế còn chưa tạo sự công bằng trong khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa khắc phục tồn tại bằng cách đề xuất Nhà trường nghiên cứu đưa ra quy định định lượng cụ thể hơn việc quản trị kết quả công việc của GV về việc khen thưởng các công trình khoa học.

Từ năm học 2021-2022, Khoa phát huy điểm mạnh bằng cách tiếp tục hoàn thiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Trường ĐHQN xác định hoạt động đào tạo và NCKH là hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện Sứ mạng xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao: NCKH, truyền bá tri thức và chuyên giao công nghệ; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ luôn gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường. Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN có văn bản Quy định về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Đầu năm học, các GV phải đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; hướng dẫn sinh viên làm NCKH, khóa luận tốt nghiệp) đảm bảo đủ số giờ NCKH phải đảm nhiệm theo chức danh đã được quy

định. Điều này được thể hiện qua Quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN; các tài liệu quy định về việc tuyển chọn, thực hiện đề tài NCKH các cấp [H6.06.07.01]. Nhà trường, Khoa quy định GV phải có Sổ tay NCKH để ghi chép các hoạt động, nhiệm vụ và kết quả NCKH của cá nhân. Trong bản kế hoạch của cá nhân, mỗi GV luôn đề ra mục tiêu NCKH cụ thể như: tham gia thực hiện đề tài các cấp; hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, NCKH SV... [H6.06.07.02].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường đều tiến hành đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát, đối sánh nhằm cải tiến hoạt động NCKH. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và kế hoạch đã đăng ký seminar đầu năm học theo năng lực thực tế và vị trí việc làm của mình. Việc đánh giá nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng các sản phẩm NCKH của GV và là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học. Nhà trường có các thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp đã thực hiện giai đoạn 2015-2020; Thống kê công bố trong nước và công bố quốc tế 2015- 2020; Thống kê số giờ NCKH của GV hàng năm [H6.06.07.03], [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường và Khoa luôn tổ chức tổng kết, đánh giá để đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV. Dựa vào đó, Khoa và Nhà trường tiến hành đánh giá và phân loại công chức, viên chức định kỳ hàng năm một cách chính xác, công bằng [H6.06.07.06].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐHQN. Hàng năm không có đề tài nghiên cứu nào bị trễ hạn hay bị thanh lý do chậm tiến độ. Các công trình nghiên cứu của các GV trong Khoa được đăng trên những tạp chí khoa học uy tín trong nước có phản biện chặt chẽ đảm bảo về chất lượng. Khoa và Nhà trường luôn quan tâm, khuyến khích hỗ trợ cán bộ GV trong Khoa tăng cường trao đổi, hợp tác NCKH với các GV, chuyên gia từ các trường đại học có uy tín trong nước để giúp nâng cao trình độ NCKH của GV cũng như nâng cao uy tín NCKH học của Khoa và Nhà trường. Năng lực NCKH của GV được cải thiện, chất lượng và kết quả nghiên cứu nâng cao. Nhà trường luôn tham khảo ý kiến của đội ngũ GV cho những quy định về hoạt động NCKH và có những điều chỉnh định hướng phù hợp với mục tiêu, chiến lược mà Nhà trường đang hướng tới [H6.06.07.05], [H6.06.07.06], [H6.06.07.07].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN có văn bản quy định về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện rõ ràng và có sự giám sát, đánh giá cụ thể cho từng năm. Đội ngũ GV cơ hữu của Khoa đã tích cực tham gia NCKH, đặc biệt là những bài báo, đề tài về khoa học giáo dục trẻ em.

3. Điểm tồn tại

Loại hình NCKH của GV trong Khoa chưa đa dạng và chưa có tính ứng dụng cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa GDTH&MN khắc phục tồn tại sẽ tiếp tục tạo mọi điều kiện để GV tham gia NCKH và triển khai áp dụng vào thực tiễn những đề tài giáo dục trẻ em.

Từ năm học 2021-2022, Khoa GDTH&MN tiếp tục động viên và có kế hoạch để GV của Khoa tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, đặc biệt là những bài báo, đề tài về khoa học giáo dục trẻ em.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành GDMN có trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm tốt đã tạo được những thành tích nhất định trong đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quản trị theo kết quả công việc được Nhà trường và Khoa triển khai một cách hiệu quả đã góp phần đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ GV một cách chính xác và khách quan. Đội ngũ GV của Khoa đảm bảo tỉ lệ GV/NH, luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng dạy, tham gia NCKH, các hoạt động phục vụ cộng đồng và nhận được đánh giá phản hồi tốt từ người học. Công tác quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa GDTH&MN đã đáp ứng nhu cầu của GV và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 6		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 6.1				x				4,57	7	100
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5					x					
Tiêu chí 6.6					x					
Tiêu chí 6.7				x						

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**Mở đầu**

CLĐT ngành GDMN phụ thuộc phần lớn vào sự tương tác của GV và NH. Tuy nhiên, cả GV và NH sẽ không thể hoàn thành tốt công việc nếu như không có sự trợ giúp từ đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN có đội ngũ nhân viên hỗ trợ thực hiện CTĐT đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong những năm qua, công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên luôn được Khoa và Nhà trường chú trọng. Hằng năm, Nhà trường và Khoa đều tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí để cho đội ngũ nhân viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ. Việc quản trị, đánh giá năng lực, khen thưởng và công nhận đối với đội ngũ nhân viên cũng được tiến hành thường xuyên, liên tục để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trường ĐHQN đã và đang quan tâm đến việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng nhằm tạo hiệu quả cao trong hoạt động chung của Nhà trường.

Nhà trường đã phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng, từ đó xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ này đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Điều này được thể hiện rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030; Đề án nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục – Đào tạo giai đoạn 2015 – 2020 [H7.07.01.01].

Trường ĐHQN có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ khác tùy theo tình hình thực tế và nhu cầu của từng đơn vị trong Trường. Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về đào tạo của Nhà trường, chủ động tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo đội ngũ nhân viên được đào tạo nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ, trong đó 20% chuyên viên đủ tiêu chuẩn nâng hạng chuyên viên chính [H7.07.01.02], [H7.07.01.03].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm công tác hỗ trợ, phục vụ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng được Nhà trường thực hiện dựa trên cơ sở phân tích nhu cầu thực tiễn từng đơn vị, theo vị trí việc làm. Theo đó, đội ngũ nhân viên chiếm tỷ lệ không quá 25% trên tổng số công chức, viên chức toàn đơn vị, thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H7.07.01.02], [H7.07.01.04].

Trong quá trình triển khai thực hiện đổi mới cơ cấu Trường ĐHQN và Đề án vị

trí việc làm của từng đơn vị, Thư viện đã xây dựng Đề án đổi mới hoạt động Trung tâm Thông tin - Tư liệu theo hướng hiện đại với 15 viên chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ để đáp ứng tốt nhu cầu khai thác dữ liệu đào tạo, NCKH của GV và NH trong toàn trường nói chung, ngành GDMN nói riêng [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng khoa theo cơ cấu chung của Nhà trường, bao gồm 01 thư ký và 01 trợ lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ đào tạo, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa như: quản lý điểm thi, quản lý đăng ký học các học kỳ phụ, xét học bổng, cảnh báo học vụ, quản lý công tác NCKH SV, đánh giá điểm rèn luyện và giải đáp các thắc mắc của SV... Trong những năm qua, đội ngũ này luôn hoàn thành các nhiệm vụ được phân công, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của SV và GV của Khoa [H7.07.01.04], [H7.07.01.05], [H7.07.01.07].

Bên cạnh đó, là đội ngũ nhân viên đang làm việc tại hệ thống công nghệ thông tin truyền thông, phòng máy tính, phòng thực hành, Trung tâm hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp cung các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm của đơn vị [H7.07.01.05], [H7.07.01.06], [H7.07.01.07]. Kết quả khảo sát của Nhà trường đối với đội ngũ nhân viên cho thấy phần lớn GV và NH hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách và tiêu chí tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên rõ ràng, công khai để đảm bảo về số lượng và chất lượng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa GDTH&MN có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến GV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ phối hợp với Nhà trường thực hiện thường xuyên và đồng bộ Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên và lấy ý kiến GV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thường xuyên.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Công tác tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai là hết sức quan trọng trong việc tổ chức và quản lý hoạt động của Nhà trường. Nhà trường có quy định việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên với các tiêu chí xác định rõ ràng, minh bạch trong các văn bản: Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN; Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H7.07.02.01]. Ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3/6 (B1), có trình độ tin học đạt chuẩn... và phù hợp với vị trí việc làm được mô tả trong Đề án vị trí việc làm H7.07.02.02], [H7.07.02.03]. Việc tuyển dụng nhân viên được thực hiện đúng quy trình và theo các kế hoạch của Nhà trường. Viên chức được lựa chọn bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác, phù hợp với công việc và được lựa chọn từ các đơn vị trong Trường [H7.07.02.04].

Trong những năm qua, Nhà trường và Khoa luôn quan tâm nắm bắt tình hình thực trạng đội ngũ nhân viên, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan để xây dựng các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng. Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý từ các đơn vị, cá nhân trong Trường trước khi chính thức ban hành và phổ biến công khai [H7.07.02.03], [H7.07.02.05].

Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng nhân viên với

các chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể trên các phương tiện thông tin đại chúng, website hay các văn bản đến các đơn vị cụ thể trong trường của Nhà trường... [H7.07.02.06]. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng nhân sự, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của đại diện lãnh đạo, viên chức các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch. Tất cả các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được Nhà trường phổ biến, công khai bằng văn bản đến các đơn vị trong Nhà trường [H7.07.02.04], [H7.07.02.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2015 – 2019, Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn. Công khai, minh bạch các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn để bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN đã đưa ra quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ). Việc đánh giá năng lực và phân loại viên chức được Nhà trường tổ chức định kỳ vào cuối mỗi năm học dựa vào Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường

DHQN [H7.07.03.01].

Hằng năm, theo các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc phân loại đánh giá viên chức, các đơn vị tổ chức phân loại, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí cụ thể ở các mức độ từ không hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H7.07.03.02].**

Nhà trường thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, NH đánh giá) về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên được thực hiện theo trình tự: nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị để toàn thể đồng nghiệp đóng góp ý kiến. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý sự hài lòng của SV về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ này cũng được đưa ra xem xét **[H7.07.03.03].** Sau khi tiếp nhận các ý kiến của các bên, Trưởng đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường. Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận **[H7.07.03.04].**

Trong những năm gần đây, hầu hết đội ngũ chuyên viên của Trường và Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Hiện nay, Khoa có 02 nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng khoa, có trình độ đại học: 01; thạc sĩ: 01. Trong những năm qua, đội ngũ nhân viên của khoa luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của Khoa và Trường giao cho. Ngoài công tác chuyên môn, đội ngũ nhân viên của Khoa cũng tích cực tham gia vào các công tác đoàn thể, 01 chuyên viên là Phó Chủ tịch Công đoàn Khoa... Một số nhân viên có các sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng hiệu quả trong công việc hoặc lập thành tích xuất sắc được Hiệu trưởng khen thưởng và công nhận các danh hiệu thi đua. Trong những năm qua, năng lực của đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường được đánh giá và xác định cụ thể đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của ngành GDMN **[H7.07.03.03], [H7.07.03.04], [H7.07.03.05].**

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên được Trường và Khoa GDTH&MN thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát sự hài lòng của GV và NH đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thường xuyên, theo định kỳ nhằm có thêm cơ sở đánh giá chính xác năng lực của nhân viên nghiêm túc, đảm bảo tính khách quan, công bằng, công khai trong việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN luôn coi trọng công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục theo mục tiêu chung của Trường.

Trường ĐHQN đã ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN, trong Quy chế đã xác định rõ các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức hành chính: Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Bồi dưỡng kiến thức quản trị, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác. Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác [H7.07.04.01]. Căn cứ báo cáo tổng kết hằng năm về kết quả đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nhà Trường tiến hành rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ đội ngũ nhân viên để xây dựng và triển khai kế hoạch. Trường thông báo đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên trong toàn Trường [H7.07.04.02], [H7.07.04.03].

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Các kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên

chức đều dựa trên Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030, bao gồm: xây dựng đội ngũ chuyên viên và phục vụ đào tạo đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ cao đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện của Nhà trường; có khả năng tham mưu và chủ động, tích cực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao... [H7.07.04.01].

Công tác triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được Nhà trường và Khoa tiến hành thường xuyên, liên tục. Nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng hoặc cử viên chức đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong nước. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa GDTH&MN nói riêng được tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại Trường hoặc trong nước [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng được thể hiện qua các báo cáo tổng kết hằng năm về kết quả đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Nhà trường [H7.07.04.05]. Nhà trường có kế hoạch và triển khai thực hiện việc phân bổ ngân sách cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Đồng thời, Trường và Khoa có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ nhân viên được học tập tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.06]. Đây chính là động lực góp phần thúc đẩy nhu cầu học học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và có chính sách hỗ trợ hợp lý.

3. Điểm tồn tại

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTH&MN tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực

cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường ĐHQN luôn coi trọng chất lượng và hiệu quả công việc trong sự phát triển của Nhà trường. Để đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã có Quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc. Điều này được thể hiện trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN; Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN [H7.07.05.01].

Nhà trường và Khoa đã triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên khối lượng công việc đã xác định và phân công cụ thể để tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cuối mỗi năm học, Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên thông qua bản mô tả về công việc và vị trí việc làm của đơn vị [H7.07.05.02].

Các đơn vị tiến hành đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức theo trình tự. Viên chức tự trình bày bản tự nhận xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình căn cứ vào kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Sau đó, đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với nhân viên [H7.07.05.03]. Trên cơ sở Trưởng đơn vị đánh giá, xếp loại viên chức, Nhà trường ban hành công văn thông báo Kết quả đánh giá và phân loại viên chức hằng năm [H7.07.05.04]. Kết quả phân loại đánh giá viên chức được Hiệu trưởng phê duyệt làm cơ sở cho việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng các cấp đối với từng cá nhân. Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể nhằm khuyến khích, động viên và tạo

động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.05], [H7.07.05.06]. Ngoài việc hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng thì đội ngũ nhân viên trong trường còn tích cực tham gia NCKH. Một số báo cáo sáng kiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên được đánh giá cao và thiết thực cho hoạt động hỗ trợ đào tạo [H7.07.05.07].

Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bằng văn bản hoặc tại Hội nghị Công chức - Viên chức hằng năm [H7.07.05.08].

Nhà trường và Khoa đã tiến hành việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên một cách rõ ràng, minh bạch đã tạo động lực cho đội ngũ nhân viên cố gắng, phấn đấu để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền [H7.07.05.06].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có bộ tiêu chí cụ thể để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên cụ thể đối với từng vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường nói chung và của Khoa GDTH&MN nói riêng trong giai đoạn qua đã đảm bảo về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo ngành GDMN. Các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được triển khai và thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định, quy trình của Nhà trường. Nhà

trường và Khoa luôn có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ nhân viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm, công tác thi đua, khen thưởng và công nhận theo kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên đều được tiến hành công khai, chính xác đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 7:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 7		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 7.1					x			5,00	5	100
Tiêu chí 7.2					x					
Tiêu chí 7.3					x					
Tiêu chí 7.4					x					
Tiêu chí 7.5					x					

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Với quan điểm “NH là nhân vật trung tâm của quá trình đào tạo”, Khoa GDTH&MN đã cùng Nhà trường xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp với hình thức đào tạo tín chỉ nhằm thu hút thí sinh ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và nhiều vùng miền khác trên cả nước. MTĐT của Khoa là phát huy tối đa năng lực học tập và NCKH của NH. Theo đó, Khoa đã thiết lập hệ thống giám sát KQHT và rèn luyện của NH; triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ học tập như trao đổi kinh nghiệm, hội thi nghiệp vụ sư phạm, thành lập các CLB... Khoa đã cùng với Nhà trường xây dựng cảnh quan, xây dựng văn hóa ứng xử nhằm đem lại cho NH một môi trường học tập thật sự thân thiện, thuận lợi.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả

Khoa GDTH&MN và Trường ĐHQN tuyển sinh ngành GDMN theo đúng các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được mô tả đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường **[H8.08.01.01]**.

Toàn bộ các thông tin tuyển sinh được công bố công khai trên website của Trường, cổng thông tin tuyển sinh điện tử của Bộ GD&ĐT và niêm yết tại các bảng tin trong trường **[H8.08.01.02]**. Nội dung thông tin tuyển sinh bao gồm chính sách và quy định tuyển sinh, đối tượng thi tuyển, xét tuyển, đối tượng ưu tiên, phương thức đăng ký dự tuyển, tổ hợp môn... Khoa GDTH&MN cũng có kênh riêng để tham gia phổ biến thông tin tuyển sinh về ngành GDMN. Đó là trang thông tin điện tử của khoa, Brochure, sổ tay tư vấn tuyển sinh và gian trưng bày trong ngày Hội tư vấn hướng nghiệp – tuyển sinh do nhà trường phối hợp với báo Tuổi trẻ tổ chức **[H8.08.01.03]**. Khoa tham gia vào Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường, thực hiện tư vấn bằng nhiều hình thức khác nhau – trong đó chủ yếu là trực tiếp đến hầu hết các trường THPT đóng trên địa bàn Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để giới thiệu về ngành học GDMN và các nội dung liên quan **[H8.08.01.04]**, **[H8.08.01.05]**, **[H8.08.01.06]**.

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/ dự báo nhu cầu nhân lực được cập nhật hằng năm. Khoa GDTH&MN và Trường ĐHQN thường xuyên thu thập thông tin về tuyển sinh từ các bên liên quan; phân tích, dự báo nhu cầu về nguồn nhân lực của các trường mầm non (và các bậc học khác) ở khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành điều chỉnh chính sách tuyển sinh hàng năm, cập nhật, thông báo thường xuyên đến CB, GV và thí sinh **[H8.08.01.07]**.

Dữ liệu về tình hình và kết quả tuyển sinh ngành GDMN trong 5 năm gần đây được lưu trữ tại Phòng ĐTDH. Cụ thể như sau:

Bảng 8.1.1. Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non (trong 5 năm học gần nhất)

Năm học	Ứng viên	
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng được tuyển
2015 – 2016	432	79
2016 – 2017	541	117
2017 – 2018	809	76
2018 – 2019	685	109
2019 - 2020	587	76

Bảng 8.1.2. Thống kê số người học đang học chương trình GDMN (trong 5 năm học gần nhất)

Năm học	Người học				Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	
2015 - 2016	79	89	78	125	371
2016 – 2017	117	78	88	78	361
2017 – 2018	76	111	77	88	352
2018 – 2019	109	75	110	76	370
2019 – 2020	76	108	75	108	367

Số lượng thí sinh đăng kí dự tuyển vào ngành GDMN hàng năm nhiều, cho phép Nhà trường tuyển chọn được NH có năng lực thật sự **[H8.08.01.08]**.

2. Điểm mạnh

Chính sách và quy định về tuyển sinh ngành GDMN rõ ràng, phù hợp. Các thông tin tuyển sinh được công khai, cập nhật thường xuyên, có sự góp ý của các bên liên quan. SV sau khi tốt nghiệp ra trường đều sớm có việc làm, được các đơn vị sử dụng tin tưởng về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức.

3. Điểm tồn tại

Chưa có thông tin đầy đủ về nhu cầu nguồn giáo viên mầm non của từng địa phương trong vùng cũng như từ các trường quốc tế, trường tư thục.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa phối hợp với Nhà trường tiếp tục hoàn thiện chính sách tuyển sinh, thường xuyên thông tin rộng rãi về ngành học, hình ảnh hoạt động của Khoa GDTH&MN trên website của Nhà trường và đơn vị. Đồng thời, Khoa và Trường tìm hiểu nhu cầu về giáo viên mầm non của các địa phương để xây dựng, điều chỉnh nội dung tư vấn tuyển sinh ngày càng phù hợp hơn.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Trường ĐHQN xem công tác tuyển chọn NH có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình đào tạo. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành GDMN rõ ràng, dựa trên quy định chung của Bộ GD&ĐT, được trình bày chi tiết trong Đề án tuyển sinh của Trường ĐHQN [H8.08.02.01]. Cụ thể, Nhà trường chủ trương xét tuyển NH dựa trên hai phương thức xét học bạ và thi tuyển, tổ hợp môn xét tuyển là M00, cộng với môn thi Năng khiếu. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ưu tiên tuyển thẳng những thí sinh đoạt giải các kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh hoặc quốc gia [H8.08.02.02]. Dữ liệu tuyển sinh ngành GDMN hàng năm đều được lưu trữ tại Phòng ĐTĐH [H8.08.02.03].

Kế hoạch tuyển sinh, quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Trường ĐHQN được xây dựng dựa trên căn cứ hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ý kiến của các bên liên quan [H8.08.02.04]. Sau mỗi kì tuyển sinh, Nhà trường và Khoa tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời; đánh giá cao ý kiến của các bên liên quan về công tác tuyển chọn NH nói chung, ngành GDMN nói riêng [H8.08.02.05]. Toàn bộ dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH nói trên được lưu trữ tại Phòng ĐTĐH [H8.08.02.06].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, thu hút được số lượng lớn thí sinh tham gia dự tuyển, cho phép Nhà trường tuyển chọn được những thí sinh có kết quả học tập cao.

3. Điểm tồn tại

Môn thi Năng khiếu chưa có nội dung kiểm tra về năng lực tạo hình; chưa thu hút được các nam thí sinh đăng kí dự tuyển vào ngành GDMN.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa cùng Nhà trường tăng cường công tác tư vấn tuyển sinh, chú trọng làm rõ tính đặc thù của ngành học GDMN và nhu cầu của các địa phương trong vùng. Mặt khác, Khoa chủ động đề xuất với Nhà trường về việc điều chỉnh các nội dung thi môn Năng khiếu, theo hướng bổ sung nội dung tạo hình. Mặt khác, Nhà trường cũng khuyến khích các nam thí sinh đăng kí học tập ngành GDMN.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Căn cứ vào các quy chế, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN và Khoa GDTH&MN xây dựng bộ phận chức năng, cán bộ chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT của sinh viên ngành GDMN và cảnh báo học vụ; thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong các văn bản quy định về đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, kế hoạch xây dựng lại CTĐT đại học hệ chính quy [H8.08.03.01]. Căn cứ vào hướng dẫn của Nhà trường, Khoa GDTH&MN phối hợp với các khoa liên quan tổ chức xây dựng CTĐT và hệ thống ĐCCTHP, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về khối lượng học tập, mục tiêu môn học [H8.08.03.02].

Hệ thống học chế theo tín chỉ được Khoa và Nhà trường quản lí thông qua các phần mềm liên quan đến thời khóa biểu, tiến độ giảng dạy, đăng kí học tín chỉ, kế hoạch đào tạo, hồ sơ SV... [H8.08.03.03], [H8.08.03.04].

Khoa GDTH&MN cùng với Nhà trường có quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập SV. KQHT và rèn luyện của SV được đánh giá qua từng học kì, từng năm học; thể hiện trong bảng xếp loại rèn luyện theo đúng quy định hiện hành. Toàn bộ dữ liệu về KQHT và rèn luyện của NH được lưu trữ tại các Phòng ĐTĐH, Phòng CTCTSV và Khoa GDTH&MN [H8.08.03.05]. KQHT được thông báo kịp thời đến từng cá nhân NH, trong đó có chú ý đến việc cảnh báo học vụ nhằm giúp NH chủ động cải thiện thái độ, phương pháp và

kết quả tích lũy kiến thức [H8.08.03.06].

Vào đầu mỗi năm học, Khoa GDTH&MN giới thiệu danh sách GV để Nhà trường ra quyết định phân công trách nhiệm CVHT. Nhiệm vụ của CVHT được ghi rõ trong văn bản hướng dẫn của Nhà trường, trong đó CVHT sẽ quan tâm NH ở cả hai phương diện học tập và sinh hoạt – nhất là về tư vấn học tập. Hàng tháng, CVHT tham gia sinh hoạt định kỳ với lớp, hướng dẫn lớp ghi chép nội dung sinh hoạt vào Sổ sinh hoạt lớp theo quy định chung [H8.08.03.07]. Hệ thống giám sát thường xuyên được cải tiến nhằm phù hợp hơn với yêu cầu của thực tiễn. Khoa và Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá lại CTĐT [H8.08.03.08]. Khoa và Nhà trường cũng chú ý thu thập ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động, SV năm cuối và các cựu SV về tình hình việc làm, chất lượng CTĐT [H8.08.03.09].

Việc khen thưởng được Khoa nhận thức là biện pháp giám sát NH hiệu quả, đem lại những thay đổi tích cực cho NH cũng như tập thể lớp [H8.08.03.10].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát phù hợp đã giúp cho công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá KQHT, rèn luyện của NH được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc, giúp CVHT đánh giá chính xác, khách quan tình hình học tập và rèn luyện của NH. Đội ngũ trợ lý và CVHT của Khoa phần lớn có kinh nghiệm, nhiệt tình giúp đỡ, hướng dẫn NH trong việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm tồn tại

SV gặp khó khăn khi đăng kí học phần, chưa được lựa chọn GV theo đúng tinh thần đào tạo tín chỉ. Một số CVHT chưa bao quát được toàn bộ các vấn đề về quy chế và CTĐT, đặc điểm đội ngũ GV để tư vấn cho NH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa triển khai phổ biến CTĐT, các quy chế, quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện cho NH bằng nhiều hình thức và vào nhiều thời điểm khác nhau. Khoa cũng đề nghị Nhà trường cải thiện phần mềm quản lí đào tạo theo hệ thống tín chỉ để NH khai thác thông tin được tốt hơn.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và thi đua và các dịch vụ hỗ trợ học tập được Khoa tiến hành trong suốt quá trình học tập của SV.

Hàng năm, Khoa GDTH&MN và Trường ĐHQN lên kế hoạch đón tiếp, tổ chức cho SV tham gia tuần “Sinhs hoạt công dân sinh viên đầu khóa” [H8.08.04.01]. Trong tuần sinh hoạt này, SV được phổ biến về nội dung quy chế, quy định đào tạo, chế độ khen thưởng, kỉ luật và một số vấn đề khác liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện và sức khỏe đối với NH.

Hàng năm, Khoa triển khai phổ biến Quy định về công tác CVHT do Nhà trường ban hành [H8.08.04.02]; công bố quyết định phân công GV làm công tác CVHT [H8.08.04.03]. CVHT làm việc theo kế hoạch, chỉ đạo của Ban Chủ nhiệm Khoa [H8.08.04.04]. Hàng tháng, CVHT tham gia sinh hoạt cùng lớp theo định kì (1 lần/tháng), vào ngày cuối tuần của tuần thứ tư. Trong buổi sinh hoạt đó, CVHT sẽ phổ biến các nội dung thông tin do Nhà trường và Khoa cung cấp; trao đổi một số vấn đề nảy sinh từ tập thể lớp [H8.08.04.05]. Trong mỗi năm học, theo yêu cầu của Nhà trường, Khoa sẽ tổ chức cho SV tham gia gặp gỡ, đối thoại với Ban Giám hiệu; đối thoại với Ban Chủ nhiệm Khoa và đội ngũ GV trong Khoa về CTĐT [H8.08.04.06].

Nhà trường có bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH [H8.08.04.02]. Hàng năm, Nhà trường và Khoa có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH. SV ngành GDMN được bố trí Thực hành giáo dục (THGD) và TTSP (1 & 2) tại các Trường mầm non đóng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn. Phương án THGD, TTSP này đem lại nhiều thuận lợi cho NH. Trong mỗi đợt THGD và TTSP, Khoa đều cử GV bộ môn phương pháp hoặc GV giàu kinh nghiệm giảng dạy tham gia hướng dẫn, dự giờ, thu nhận ý kiến đóng góp từ trường mầm non [H8.08.04.07].

Các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV cải thiện việc học tập và có việc làm được Nhà trường, Khoa và các tổ chức Đoàn, Hội thường xuyên tổ chức, thu hút đông đảo NH tham gia. Cụ thể, SV ngành GDMN được tham

gia hoạt động như: Liên hoan nghệ thuật Sinh viên – Học sinh, Bình Định Student Got Talent, Sinh viên thời hội nhập, Phong vấn thử - Thành công thật, Sinh viên khởi nghiệp; một số giải đấu bóng chuyền nữ BIDIME Cup 2019, bóng chuyền nam LARUE Cup 2019 (Trường); Khi chúng tôi ước mơ, Hội thi Trò chơi dân gian, Vang mãi khúc quân hành, Kể chuyện tấm gương thanh niên anh hùng, Cô giáo xì trum; Hội thi nghiệp vụ sư phạm; chương trình Mùa hè xanh và hiến máu tình nguyện (Khoa); tham gia các nhóm đề tài NCKH cấp trường [H8.08.04.08]. Các CLB thường do Hội SV hoặc LCH Khoa GDTH&MN ra quyết định thành lập [H8.08.04.09].

Để tạo thuận lợi cho NH, Khoa đã xây dựng được hệ thống liên kết với các cơ sở giáo dục, các Trung tâm hỗ trợ SV thực hiện hợp tác đào tạo về THGD và TTSP [H8.08.04.10]. Khoa cũng thường xuyên tìm hiểu, thu thập YKPH của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập cũng như hỗ trợ việc làm [H8.08.04.11]. Tình hình việc làm của SV sau một năm tốt nghiệp ra trường được khảo sát thường xuyên và thông báo kịp thời đến NH thông qua trang fanpage của Trường và Khoa GDTH&MN [H8.08.04.12]. Các hoạt động này đã nâng cao cơ hội việc làm cho SV ngành GDMN sau khi tốt nghiệp ra trường.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ trợ lý và CVHT có trách nhiệm tâm huyết, luôn hỗ trợ tư vấn kịp thời cho SV trong quá trình học tập, rèn luyện và thực tập sư phạm. Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ kỹ năng mềm được tổ chức thường xuyên, phong phú và hấp dẫn. Mặt khác, Nhà trường còn có đơn vị chuyên trách hỗ trợ về tư vấn việc làm cho NH.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát sự hài lòng của NH về chất lượng, hiệu quả của các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm còn chưa thường xuyên. Nhà trường cũng chưa có biện pháp kiểm soát chặt chẽ đối với những sinh viên sử dụng nguồn học phí nhà nước cấp không hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa và Nhà trường tiếp tục triển khai một số chương trình tập huấn, bồi dưỡng năng lực đội ngũ CVHT; tiến hành khảo sát thường xuyên hơn về mức độ hài lòng của NH đối với công tác tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Mặt khác, Nhà trường cũng có biện pháp yêu cầu SV sư phạm tích cực học tập và rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp hơn nữa.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Trường ĐHQN tọa lạc ở vị trí thuận lợi, có không gian thoáng mát và cảnh trí tươi đẹp. Với diện tích rộng rãi, hệ thống nhà làm việc, giảng đường, thư viện, khu Hiệu bộ, KTX... được bố trí hợp lý, tạo nên không gian thân thiện, thực sự là môi trường thuận lợi cho việc học tập, NCKH và sinh hoạt **[H8.08.05.01]**.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về nội quy sử dụng giảng đường, thư viện, nội quy KTX. Tại nhiều nơi thuộc khuôn viên Nhà trường, Ban giám hiệu đã cho dựng các bảng, biểu có nội dung quy định về nề nếp, quy tắc ứng xử văn minh theo tiêu chuẩn của cơ sở GDĐH **[H8.08.05.02]**. Mặt khác, Nhà trường cũng ban hành các quy định về việc thực hiện nếp sống văn hóa văn minh trong học viên, SV **[H8.08.05.03]**.

Khoa GDTH&MN được nhà trường bố trí 02 phòng làm việc rộng rãi, thoáng mát. Đây là nơi làm việc của Ban Chủ nhiệm Khoa, thư kí và trợ lí đào tạo; đồng thời cũng là nơi diễn ra nhiều hoạt động của GV, SV như tư vấn học tập, xê-mi-na, nghiệm thu đề tài NCKH.... Trong năm học 2019 – 2020, Nhà trường đã bố trí cho Khoa 4 phòng nghiệp vụ, tại khu nhà A7 và A8, gồm: phòng Múa (70m²), phòng Âm nhạc, phòng Tạo hình và phòng Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên **[H8.08.05.04]**. Hệ thống phòng nghiệp vụ này đã giúp cho SV thuận lợi hơn trong việc rèn luyện Kỹ năng nghề nghiệp.

Trường ĐHQN có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng. Nhà trường rất chú ý đến việc chia sẻ, tư vấn kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho SV – nhất là các nữ SV. Nhà trường giao cho Trạm y tế phối hợp chuyên môn với các cơ sở y tế có uy tín trên địa bàn TP. Quy Nhơn để thực hiện khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho SV vào mỗi đầu năm học **[H8.08.05.05]**.

Trong quá trình xây dựng, Nhà trường luôn có sự điều chỉnh cần thiết về quy định chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc; thể hiện bằng văn bản và thông báo rộng rãi đến CB, GV và SV trong toàn trường **[H8.08.05.06]**.

Về căn tin, Nhà trường sử dụng phương thức đấu thầu, ưu tiên lựa chọn nhà thầu có năng lực phục vụ SV, coi trọng vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm [H8.08.05.07]. Nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh, bảo vệ, đội sinh viên tự quản, đội tự phòng về ATTT... Nhà trường coi trọng công tác PCCC, thường hay tổ chức phổ biến cho SV kiến thức cơ bản về PCCC. Các khu nhà hành chính, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành và các khu KTX đều được trang bị thiết bị PCCC, được kiểm tra định kỳ theo quy định và thỏa thuận chung [H8.08.05.08].

Nhà trường và Khoa thường xuyên lấy YKPH của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường thông qua Phiếu Khảo sát YKPH của SV năm cuối về chất lượng đào tạo ngành GDMN. Dữ liệu YKPH của người dạy, NH tại Phòng KT&BDCL. Trên cơ sở tiếp thu, Nhà trường tiến hành điều chỉnh, áp dụng biện pháp mới nhằm làm cho môi trường văn hóa, xã hội và cảnh quan ngày càng phù hợp hơn với nhu cầu của NH [H8.08.05.09].

2. Điểm mạnh

Môi trường học tập và sinh hoạt sạch đẹp, rộng rãi, bố trí hợp lý, an toàn, lành mạnh tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi và tâm lý thoải mái cho NH. Hệ thống CSVC của Nhà trường đầy đủ và hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu học tập, sinh hoạt và rèn luyện của NH. Công tác SV nữ được chú trọng, đạt kết quả tốt.

3. Điểm tồn tại

Diện tích các phòng nghiệp vụ ở giảng đường A7 chưa đủ rộng cho trên 40 SV thực hành cùng một lúc. Việc mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học chưa có sự tham gia của Khoa về mặt chuyên môn. Cán bộ phụ trách phòng Nghiệp vụ không có chuyên môn. Việc khảo sát ý kiến của SV năm cuối chưa được thực hiện thường xuyên và chưa đa dạng về hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa cùng với Nhà trường tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa giáo dục lành mạnh, thân thiện; tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động tư vấn tâm lý, giới tính, sức khỏe, tăng cường các hoạt động giáo dục thể chất và tinh thần cho NH. Mặt khác, Khoa phát triển quy mô tổ chức Hội thi nghiệp vụ sư phạm hàng năm; thường xuyên khảo sát YKPH của SV năm cuối về chất lượng ngành GDMN một cách đa dạng, có chiều sâu.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, Khoa GDTH&MN luôn coi trọng vấn đề về chất lượng đào tạo SV. Khoa cùng với Nhà trường đã xây dựng được chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với bối cảnh giáo dục chung. Nội dung chính sách, các điều chỉnh đều được công khai và cập nhật thường xuyên. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN.

Trong quá trình học tập, NH luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn học tập và rèn luyện. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH đã được Khoa GDTH&MN xây dựng công phu, phổ biến đến từng SV ở nhiều thời điểm khác nhau. Khối lượng các học phần được phân bố hợp lý, không làm cho NH bị tình trạng quá tải. Môi trường văn hóa lành mạnh đã tạo được tâm thế, tâm lý xã hội tích cực cho hầu hết SV. Cảnh quan Nhà trường xanh, sạch, đẹp, đem lại sự thoải mái cho NH.

Hầu hết SV tốt nghiệp ra trường đều sớm có việc làm, được các cơ sở sử dụng đánh giá cao. Đây là lí do góp phần tạo nên uy tín thương hiệu của Trường ĐHQN, thu hút được nhiều thí sinh đăng ký vào học ngành GDMN, đảm bảo sự ổn định qua mỗi năm tuyển sinh.

Trong những năm học tới, Khoa tiếp tục phát huy thế mạnh đã có, đồng thời cũng sẽ thực hiện các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, không ngừng nâng cao chất lượng NH và thương hiệu Nhà trường.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 8:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 8		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 8.1						x		5,80	6	100
Tiêu chí 8.2						x				

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 8		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 8.3						x				
Tiêu chí 8.4						x				
Tiêu chí 8.5					x					

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHQN có tổng diện tích sử dụng là 241.298 m² – trong đó, cơ sở chính tại 170 An Dương Vương (TP. Quy Nhơn) có diện tích 131.796 m²; và 1 Khu thực nghiệm tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 109.502 m². Các điều kiện về CSVC và trang thiết bị được Trường ĐHQN và Khoa GDTH&MN đảm bảo, đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH của cán bộ, GV và NH. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng... Thư viện có đầy đủ giáo trình, sách tham khảo, đề cương bài giảng và các loại tạp chí. Hệ thống mạng internet được kết nối toàn trường, các phần mềm quản lý đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng. Trường ĐHQN tọa lạc tại trung tâm thành phố biển Quy Nhơn, có cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp; đảm bảo tốt các yêu cầu về an toàn, vệ sinh, an ninh, trật tự; các sân bóng, nhà thi đấu được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tốt các hoạt động thể dục, thể thao.

Trong những năm gần đây, Nhà trường thường xuyên cải tạo, tu bổ các khu giảng đường, thư viện, khu hành chính, khu thể dục, thể thao; chú trọng cải tiến, nâng cấp các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu; cải tạo cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe, trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ, GV, viên chức và NH.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHQN có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành. Trường có 6 khu giảng đường: A1, A2, A3, A5, A8 và 1 nhà 4 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng là 25.748m² bao gồm 144 phòng học, trong đó 30 phòng học có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ ngồi, 101 phòng học có sức chứa từ 50 đến 100 chỗ ngồi, 13 phòng học có sức chứa dưới 50 chỗ ngồi. Năm 2020, Nhà trường đã đầu tư xây dựng 2 phòng học tương tác thông minh 109, 110 tại khu giảng đường A1 giúp GV và NH có cơ hội tiếp cận với cách thức dạy học hiện đại [H9.09.01.01].

SV ngành GDMN được Phòng ĐTDH bố trí học tập tại các giảng đường A1, A2, A3... cùng với SV các ngành khác. Ngoài ra, SV ngành GDMN còn được sử dụng các phòng hội thảo (4 phòng) và hội trường lớn (3 hội trường) để tổ chức hội họp, các hoạt động và các sự kiện văn hóa giáo dục có tính chất quy mô. Tại tòa nhà trung tâm 15 tầng, Khoa GDTH&MN được Trường bố trí riêng 2 phòng (P.93, P.94) tại tầng 9 làm văn phòng Khoa, diện tích 366m²; có trang bị máy vi tính, màn hình tivi, máy in...[H9.09.01.02]. Năm 2019, Khoa GDTH&MN được Nhà trường bố trí thêm 1 phòng Múa (70 m²), 1 phòng Âm nhạc, 1 phòng Tạo hình, 1 phòng Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên và 1 phòng Tập giảng (sử dụng chung với SV ngành GDTH) phục vụ cho các môn học đặc thù của Chương trình GDMN [H9.09.01.03].

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Tất cả các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng đều có diện tích rộng rãi, được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, tivi, bảng đen, hệ thống âm thanh, hệ thống điện chiếu sáng, thông gió, wifi internet,... đảm bảo phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, học tập của GV và SV [H9.09.01.04].

Trường ĐHQN thường xuyên thông báo công khai danh mục CSVC, trang thiết bị; có bố trí sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng CSVC tại các phòng TN-TH. Khoa GDTH&MN tuân thủ thực hiện yêu cầu này [H9.09.01.05].

Hằng năm, Nhà trường luôn dành nguồn kinh phí đầu tư, triển khai các kế hoạch mua mới, nâng cấp CSVC và trang thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH. Kinh phí dành cho đầu tư CSVC và trang thiết bị dựa vào nguồn cấp của Nhà nước và của Trường [**H9.09.01.06**].

Nhà trường đã thực hiện thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm đánh giá tỉ lệ diện tích/NH đã phù hợp hay chưa so với yêu cầu của Nhà nước [**H9.09.01.07**].

2. Điểm mạnh

Các phòng làm việc, phòng học và phòng nghiệp vụ được trang bị đủ các thiết bị phù hợp với yêu cầu đào tạo và NCKH của GV và SV toàn trường nói chung, Khoa GDTH&MN nói riêng. Nhà trường luôn có kế hoạch trang bị đồ dùng dạy học theo đề nghị của Khoa GDTH&MN nhằm đảm bảo chất lượng phục vụ hoạt động đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Phòng thực hành có độ ẩm cao, không đảm bảo tốt việc bảo quản các thiết bị âm nhạc. Chưa có không gian riêng để các Tổ bộ môn sinh hoạt chuyên môn, seminar và trao đổi chuyên đề khoa học cũng như trưng bày, lưu trữ tài liệu chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa đề nghị Nhà trường bố trí phòng làm việc cho các tổ bộ môn, khắc phục độ ẩm để bảo quản tài sản ở Phòng Nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Thư viện tọa lạc ở phía Đông Nam, trong khuôn viên cơ sở chính của Trường ĐHQN. Thư viện có đầy đủ phòng đọc, nguồn học liệu và những điều kiện liên quan khác, đảm bảo phục vụ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT [**H9.09.02.01**]. Cụ thể, Thư viện có tổng diện tích sàn xây dựng gần 4.500 m², bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Thư viện có 01 phòng giáo trình và 2 phòng đọc mở, 1 phòng mượn, 1 phòng đọc thân thiện, 2 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học với tổng cộng khoảng 700 chỗ ngồi.

Tất cả các phòng trong Thư viện đều được trang bị các trang thiết bị cần thiết để hoạt động bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu, internet; có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu. Trong từng phòng đọc, Thư viện đều có niêm yết nội quy, quy định, các hướng dẫn về sử dụng sách báo, truy cập, ứng xử; đồng thời sử dụng nhiều hình thức khác nhau để theo dõi, đánh giá hoạt động khai thác sách báo của bạn đọc **[H9.09.02.02]**.

Hệ thống học liệu của Thư viện đầy đủ, gồm tài liệu bắt buộc và tham khảo, bản cứng và bản mềm, tuân thủ nghiêm túc quy định về quyền sở hữu trí tuệ. Thư viện có Danh mục thống kê nguồn sách báo, giáo trình, tài liệu học tập phục vụ CTĐT cho mỗi ngành học, trong đó có ngành GDMN **[H9.09.02.03]**. Trong số đó, GV Khoa GDTH&MN là tác giả của hệ thống ĐCCTHP, tập bài giảng và một số tài liệu khác **[H9.09.02.04]**.

Thư viện và Khoa GDTH&MN thường xuyên phối hợp nhằm nắm bắt nhu cầu, tình hình về nguồn sách báo, tài liệu chuyên môn. Trên cơ sở đó, Thư viện đề xuất với Nhà trường các kế hoạch như mua mới sách báo, giáo trình, mua sắm trang thiết bị **[H9.09.02.05]**. Từ năm 2016, Thư viện đã hợp tác và được chia sẻ cơ sở dữ liệu điện tử từ Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ. Thư viện cũng tham gia hệ thống Liên hợp thư viện Việt Nam, được quyền khai thác các cơ sở dữ liệu của Bộ KH&CN (Cơ sở dữ liệu STD – Tài liệu khoa học & công nghệ Việt Nam). Bên cạnh đó, Thư viện được quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, cơ sở dữ liệu MathSciNet, do American Mathematical SociProquest Central phát hành **[H9.09.02.06]**. Thư viện được Nhà trường đầu tư trang bị phần mềm quản lý thư viện hiện đại, xây dựng cổng thông tin điện tử, thư viện số... Thư viện cũng đã đạt được một số hợp đồng về khai thác dịch vụ internet dùng riêng, cơ sở dữ liệu phục vụ cho nhiều ngành học khác nhau, trong đó có ngành GDMN **[H9.09.02.07]**, **[H9.09.02.08]**.

Thư viện cũng thực hiện việc cung cấp thông tin về các tài liệu được cập nhật, đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT **[H9.09.02.09]**.

Thư viện có tổ chức một số hoạt động nhằm phát triển văn hóa đọc trong SV, thường diễn ra vào dịp “Ngày sách Việt Nam” **[H9.09.02.10]**.

Hàng năm, Thư viện thực hiện khảo sát ý kiến của CB, GV và SV về nguồn học liệu, phong cách phục vụ **[H9.09.02.11]**. Các YKPH đã giúp cho Thư viện hoạt động

tốt hơn, phù hợp hơn với tư cách một Thư viện của trường đại học.

Thư viện có dữ liệu theo dõi về các hoạt động sửa chữa, cải tạo CSVC, phục vụ, mua sắm giáo trình, tài liệu [H9.09.02.12].

2. Điểm mạnh

Thư viện có đủ sách giáo trình, tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, đáp ứng cơ bản nhu cầu của GV và SV ngành GDMN. Thư viện điện tử cho phép GV và SV tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải tài liệu từ cơ sở dữ liệu của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động phục vụ của Thư viện còn thiên về phong cách truyền thống. Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho SV ngành GDMN tuy được chú ý cập nhật song đôi lúc chưa kịp thời, chưa có được nhiều sách hay.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa cùng với Thư viện khảo sát kỹ hơn nhu cầu về giáo trình, sách tham khảo của SV, tình hình xuất bản về sách, tạp chí chuyên môn để có cơ sở đề nghị Nhà trường cấp kinh phí mua sắm. Thư viện tiếp tục bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho các thủ thư; tổ chức thường xuyên hơn các buổi giới thiệu sách mới cho GV và NH. Khoa GDTH&MN thông qua các tổ bộ môn đề nghị các GV tích cực biên soạn tài liệu, giáo trình, tìm kiếm và giới thiệu tài liệu chuyên môn cho Thư viện.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường ĐHQN đảm bảo đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và NCKH [H9.09.03.01]. Các phòng TN – TH đều được trang bị đầy đủ hệ thống chiếu sáng, âm thanh, thông gió, bàn ghế, bảng đen,... thuận tiện cho SV tập giảng, làm việc nhóm và thảo luận. Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí tập trung tại khu A6, A7 và 1 khu thực nghiệm tại xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn. Hệ thống trang thiết bị của phòng thí nghiệm thực hành được trình bày đầy đủ trong Danh mục thống kê trang thiết bị của phòng TN – TH phục vụ đào tạo và NCKH [H9.09.03.02]. Khoa GDTH&MN được nhà trường bố trí riêng 4 phòng thực hành

gồm: 1 phòng Múa tại Khu A8, 1 phòng Âm nhạc, 1 phòng Tạo hình, 1 phòng Rèn luyện nghiệp vụ và 1 nhà kho tại nhà A7. Tất cả các phòng đều được bố trí đầy đủ trang thiết bị phù hợp với yêu cầu rèn luyện nghiệp vụ cho SV [H9.09.03.03].

Các trang thiết bị trong phòng TN – TH được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên nhằm bảo đảm phục vụ tốt nhất cho hoạt động học tập và NCKH. Theo quy định của nhà nước, Nhà trường lập báo cáo tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị trong các phòng TN – TH; lập danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm [H9.09.03.04].

Nhà trường ban hành quy định sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.05]. Khoa GDTH&MN quản lý việc sử dụng phòng thực hành dựa trên quy định chung đó, có cán bộ phụ trách chịu trách nhiệm ghi chép việc sử dụng trang thiết bị. Hằng năm, Khoa có báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị gồm các nội dung như: tần suất sử dụng, thời gian hoạt động...[H9.09.03.06].

Phòng KT&BDCL tiến hành khảo sát sự hài lòng của GV, SV về CSVC của Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng, khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của SV, GV; đưa ra phương án điều chỉnh kịp thời, lên kế hoạch sửa chữa, mua sắm cụ thể [H9.09.03.07]. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ra kết luận về việc sắp xếp lại hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành; quyết định mua sắm trang thiết bị mới theo nhu cầu và năng lực của Nhà trường [H9.09.03.08]. Kết quả mua sắm mới được thể hiện trong bản Danh mục các trang thiết bị được cập nhật [H9.09.03.04].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và rèn luyện NVSP của GV và SV ngành GDMN. Các thiết bị thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng, mua sắm mới đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo NH.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị mau hư hỏng. Kế hoạch xây dựng Trường sư phạm thực hành đến nay vẫn chưa được Nhà trường triển khai.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Khoa đề nghị Nhà trường tiếp tục xây dựng phòng Nghiệp vụ theo hướng hiện đại, trong đó đầu tư về trang thiết bị phục vụ dạy học âm nhạc, múa và mỹ thuật. Khoa GDTH&MN đề xuất Nhà trường khi mua sắm các thiết bị dạy học cần có sự tham gia tư vấn của GV bộ môn. Khoa tiếp tục đề nghị Nhà

trường nghiên cứu xây dựng Trường sư phạm thực hành để SV có điều kiện thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, đúng theo tinh thần của CTĐT ngành GDMN.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hệ thống công nghệ thông tin của Trường ĐHQN gồm có máy tính, phần cứng, phần mềm, mạng internet, trang thông tin điện tử, có đủ khả năng phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Hiện tại, Nhà trường hiện có 14 phòng máy tính, bố trí tại nhà A7 và nhà 4 tầng với tổng cộng 937 máy, chủ yếu để SV thực hành tin học đại cương. Tại Thư viện, Nhà trường bố trí 2 phòng máy tính với số lượng 60 máy nhằm phục vụ SV trong việc khai thác tài liệu. Nhà trường còn trang bị 308 máy tính tại phòng làm việc của các khoa, phòng và đơn vị trực thuộc [H9.09.04.01].

Theo yêu cầu của Nhà trường, các phòng chức năng liên quan đều có lập sổ theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử [H9.09.04.02].

Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn, hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và NCKH, kể cả một số hoạt động trực tuyến.

Nhà trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của GV và SV nhằm thu nhận các YKPH để có cơ sở đánh giá hiệu quả của các thiết bị tin học trong việc phục vụ giảng dạy và NCKH [H9.09.04.03].

Nhà trường cũng xây dựng danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm... cần được cập nhật hằng năm, đáp ứng yêu cầu chung của chu kỳ đánh giá theo hướng nâng cao năng lực phục vụ hoạt động học tập và NCKH [H9.09.04.04]. Hiện tại, Trường đang sử dụng 2 đường FTTH cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng tra cứu thông tin tại Thư viện, nhà 15 tầng, nhà 4 tầng, hội trường; 01 đường kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website. Toàn trường đã được phủ sóng wifi; CB, GV và SV đều được sử dụng internet miễn phí. SV được sử dụng máy tính và wifi miễn phí để đăng ký môn học qua mạng internet, tìm kiếm tài liệu,...[H9.09.04.05]. Trường đã thực hiện hợp đồng chuyển giao phần mềm máy tính Misa; hợp đồng kinh tế gói thầu “Phòng thực hành mạng, Công

nghe phần mềm...” thuộc Dự án “Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH năm 2014; hợp đồng triển khai phần mềm quản lý tài sản (QLTS.VN) [H9.09.04.06].

Việc phân công bộ phận cũng như cán bộ phụ trách hệ thống CNTT được Nhà trường thể hiện bằng văn bản theo đúng quy định hiện hành [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quan điểm và chính sách đầu tư thích đáng về hệ thống công nghệ thông tin. Toàn trường đã được phủ sóng wifi, đem lại nhiều thuận lợi cho GV và NH trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Đường truyền internet nhiều khi không tốt; được xử lý chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Nhà trường tăng cường công tác quản lý và khai thác hiệu quả hệ thống CNTT vào việc phục vụ hoạt động học tập và NCKH. Phòng CNTT cần có đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi, xử lý nhanh các sự cố, đảm bảo đường truyền internet thường xuyên tốt.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Trường ĐHQN thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn về môi trường được ghi trong các Nghị định của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, sức khỏe, trong đó có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Trường ĐHQN ban hành văn bản Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết [H9.09.05.01].

Quy định, tiêu chuẩn về môi trường sức khỏe và an toàn được Trường ĐHQN triển khai thực hiện đầy đủ. Nhà trường hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường; hợp đồng với Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ở các khu thí nghiệm, thực hành; hợp đồng với Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật và môi trường Trung Việt trong việc tiến hành quan trắc môi trường trong khu vực Nhà trường, viết báo cáo giám sát và báo cáo

quản lý chất thải nguy hại [H9.09.05.02]. Nhà trường cũng rất quan tâm đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe cho SV và GV học tập, giảng dạy và NCKH, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại căn tin, nhà ăn tập thể theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế [H9.09.05.03]. Trạm Y tế phối hợp với các bệnh viện ở thành phố Quy Nhơn khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 1 lần cho CB, GV, và SV [H9.09.05.04]. Nhà trường hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học cho SV, hợp đồng với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn phun thuốc diệt muỗi, phòng chống mối các khu nhà làm việc, giảng đường, KTX để phòng tránh các dịch bệnh [H9.09.05.05]. Nhà trường thường xuyên kiểm tra nội quy, quy chế ở giảng đường, KTX, an toàn trong phòng thực hành thí nghiệm, Quy định về an toàn trong phòng thực hành thí nghiệm [H9.09.05.06].

Nhà trường đưa nội quy phòng cháy chữa cháy, hình ảnh thiết bị chữa cháy ở từng nơi (KTX, giảng đường, nhà 15 tầng...) để SV và cán bộ, GV thực hiện theo quy định. Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác phòng chống cháy nổ trong trường Đại học. Nhà trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ. Nhà trường tổ chức hoạt động tuyên truyền PCCC và rút kinh nghiệm diễn tập PCCC cho cán bộ và SV. Nhà trường quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Đội PC&CC Trường ĐHQN và kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ nhân viên của Trường [H9.09.05.07].

Trường ĐHQN có sự phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy phường Nguyễn Văn Cừ trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội nói chung, trong phạm vi KTX nói riêng [H9.09.05.08].

Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ NH, trong đó có chú ý tới những NH bị khuyết tật, về mức độ hài lòng đối với môi trường và hệ thống CSVC của Nhà trường [H9.09.05.09].

2. Điểm mạnh

Công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho CB, GV, SV được thực hiện tốt. Các nhu cầu y tế ban đầu của CB, GV và SV cũng như việc khám sức khỏe định kì được thực hiện tốt.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phương án hỗ trợ hiệu quả đối với SV bị khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 – 2022, Trường tiếp tục đẩy mạnh chủ trương và triển khai các chương trình làm sạch, làm đẹp môi trường, xây dựng Trường ĐHQN thành một không gian văn hóa, khoa học hấp dẫn. Nhà trường sửa chữa và nâng cấp KTX; tăng cường yêu cầu hoạt động thể dục thể thao đối với SV. Đặc biệt, Nhà trường xây dựng một số phương án hỗ trợ thiết thực đối với NH bị khuyết tật.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Hệ thống CSVC, trang thiết bị phục vụ của nhà trường đã đem lại cho GV, SV khoa GDTH&MN nhiều thuận lợi trong hoạt động giảng dạy và NCKH. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV, SV ngành GDMN. Thư viện và Tủ sách của Khoa đảm bảo đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho SV. Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho cán bộ, GV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, GV và SV làm việc, học tập và nghiên cứu.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 9:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 9		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.1						x		5,80	5	100
Tiêu chí 9.2						x				
Tiêu chí 9.3						x				

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 9		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5						x				

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Ngành GDMN của khoa GDTH&MN, trường ĐHQN luôn lấy việc nâng cao CLĐT là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở giáo dục đào tạo. Khoa GDTH&MN đã và đang thực hiện các quy trình quản lý và nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, NH, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan. Tất cả các việc làm đó sẽ giúp cho SV ngành GDMN đạt được CDR đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành GDMN được thiết kế và cập nhật, điều chỉnh định kỳ để đáp ứng nhu cầu xã hội. Theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN, CTĐT ngành GDMN từ năm 2015 đến nay đã trải qua 2 lần điều chỉnh vào năm 2018 và năm 2020 trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.01]. Để công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, Nhà trường đã ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan tại trường ĐHQN vào năm 2018, trong đó quy định cụ thể các đơn vị thực hiện, quy trình tổ chức khảo sát ý kiến cho các đối tượng khác nhau. Nội dung khảo sát rất đa dạng về các hoạt động khác nhau như: hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá, chất lượng đào tạo, CTĐT, CSVC, dịch

vụ,... [H10.10.01.02]. Trên cơ sở Kế hoạch Đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm, Nhà trường tiến hành các loại khảo sát, xác định đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.03]. Việc thu thập YKPH làm căn cứ cho việc thiết kế và phát triển CTDH từ các bên liên quan được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo,... theo quy định của Nhà trường. Trường ĐHQN, Khoa GDTH&MN xác định tầm quan trọng, sự cần thiết của việc thu thập ý kiến, thông tin phản hồi từ các bên liên quan để làm căn cứ thiết kế và điều chỉnh CTĐT, cụ thể từng loại đối tượng như sau: Đối với Cán bộ, GV của Khoa GDTH&MN đều tham gia xây dựng và đóng góp ý kiến rà soát, điều chỉnh CTĐT, ĐCCTHP thông qua các cuộc họp Hội đồng Khoa, họp Tổ bộ môn [H10.10.01.04]; Đối với SV, Khoa GDTH&MN đã phối hợp với Phòng KT&BDCL tổ chức hướng dẫn và nhắc nhở SV tham gia khảo sát ý kiến về hoạt động giảng dạy của SV sau mỗi học kỳ bằng phần mềm khảo sát trực tuyến E-Survey; khảo sát ý kiến SV năm cuối về CTĐT; khảo sát SV về cơ sở vật chất và các hoạt động của Trường [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07]; Đối với cựu SV, Khoa xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV bằng các công cụ mạng xã hội. YKPH về CTĐT của cựu SV được Khoa thu thập thông qua fanpage và nhóm Facebook cựu SV của Khoa [H10.10.01.08], [H10.10.01.09]. Đối với nhà sử dụng lao động, Khoa GDTH&MN có hệ thống vệ tinh các trường Mầm non trên địa bàn TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Định kỳ, Khoa GDTH&MN đều tổ chức khảo sát ý kiến đội ngũ cán bộ quản lý các trường Mầm non về CĐR và CTĐT để làm cơ sở cho việc điều chỉnh và phát triển CTĐT [H10.10.01.10].

Tất cả các ý kiến thu được từ các bên liên quan đều được Khoa tổng hợp, xử lý và họp xem xét, sử dụng các ý kiến đóng góp trong việc xây dựng, thiết kế, điều chỉnh CĐR, CTĐT [H10.10.01.11]. Ngoài ra, khi rà soát, điều chỉnh CTĐT, Khoa GDTH&MN còn tham khảo, đối sánh với CTĐT ngành GDMN của các trường ĐH uy tín trong nước [H10.10.01.12]. Đồng thời, Khoa cũng mời các chuyên gia, GV có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy ở các trường Mầm non trong tỉnh góp ý kiến cho CTĐT. Những ý kiến góp ý đó đều được Hội đồng Khoa ghi nhận và điều chỉnh. Sau đó CTĐT sẽ được trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thông qua để ban hành, chính thức áp dụng và phổ biến đến GV, SV [H10.10.01.11],

[H10.10.01.13]. Để thể hiện được rõ tính cập nhật và cải tiến trong xây dựng và phát triển CTDH ngành GDMN, Khoa GDTH&MN đã thực hiện rà soát những thay đổi trong CTĐT ngành GDMN từ năm 2015 đến năm 2020 thông qua việc so sánh sự thay đổi giữa các đợt điều chỉnh CTDH ngành GDMN [H10.10.01.14].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành GDMN được thực hiện đúng quy trình, quy định có sự rà soát, đánh giá và thường xuyên cải tiến theo định kỳ.

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành GDMN được thiết lập, đánh giá và cải tiến dựa vào phản hồi của nhiều bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH ngành GDMN còn chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường và Khoa GDTH&MN sẽ tiến hành:

Thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan thông qua các phiếu điều tra khảo sát một cách thường xuyên hơn.

Tiếp tục thiết kế và phát triển CTDH ngành GDMN thực hiện đúng quy trình, quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN căn cứ trên ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

CTDH ngành GDMN được thiết kế và phát triển dựa trên các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN. Bên cạnh đó, việc thiết kế và phát triển ngành GDMN còn phải dựa vào các quy định về CĐR của ngành, CĐR tin học và CĐR ngoại ngữ [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H10.10.02.04] [H10.10.02.05], [H10.10.02.06].

Việc thiết kế và phát triển CTDH của ngành GDMN được Khoa GDTH&MN thiết lập theo tuần tự các bước: trước tiên xác định yêu cầu của cơ quan quản lý, Nhà trường, GV, đại diện đơn vị sử dụng lao động, cựu SV, SV; sau đó tiến hành xác định

mục tiêu, CĐR của CTĐT; từ đó thiết kế CTĐT dựa trên CĐR. Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN.

Khoa GDTH&MN thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan như nhà sử dụng lao động, cựu SV, đội ngũ chuyên gia của các Trường Đại học uy tín để xác định yêu cầu về CTDH, CĐR của CTĐT, nhu cầu tuyển dụng của cơ quan, tổ chức...[H10.10.02.07]. Dựa trên kết quả thu được từ việc lấy ý kiến phản hồi, Khoa GDTH&MN tiến hành tổng hợp, phân tích và tiếp thu để xác định mục tiêu của CTĐT, CĐR của người học cần phải đạt được sau khi tốt nghiệp, từ đó xây dựng mục tiêu và CĐR của CTĐT [H10.10.02.08]. Để công tác xây dựng CTĐT đạt hiệu quả tốt, Khoa GDTH&MN đã thành lập tổ biên soạn phân công chi tiết từng đầu công việc cho từng GV tham gia [H10.10.02.09]. CTĐT ngành GDMN xây dựng và thiết kế dựa trên CĐR đã được xác định, tất cả các CĐR của CTĐT đều đo lường và đánh giá được, cụ thể hoá bằng các CĐR từng học phần [H10.10.02.10]. Dự thảo của CTĐT và ĐCCTHP được lấy ý kiến góp ý từ GV tham gia giảng dạy của Khoa và thành viên của Hội đồng Khoa trước khi trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường thông qua để ban hành chính thức [H10.10.02.11].

CTDH của ngành GDMN đã được ban hành, sửa đổi và bổ sung nhiều lần trong những năm qua. Năm 2015, Trường ĐHQN có kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật và xây dựng lại CTĐT đại học hệ chính quy cũng như hoàn chỉnh CĐR trong CTĐT [H10.10.02.12], [H10.10.02.13], [H10.10.02.14]. Theo đó, Khoa GDTH&MN đã thực hiện rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT đại học ngành GDMN [H10.10.02.15]. Năm 2018, Khoa GDTH&MN tiến hành cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngành GDMN đặc biệt là sự điều chỉnh ĐCCTHP ở một số học phần [H10.10.02.16], [H10.10.02.17]. Năm 2020, Khoa GDTH&MN tiếp tục tiến hành việc rà soát, sửa đổi, cập nhật CTĐT cả về hình thức (bổ sung các ma trận kiểm tra đánh giá tương thích CĐR), về nội dung (thay đổi số lượng và nội dung CĐR, điều chỉnh nội dung các học phần...) [H10.10.02.18].

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành GDMN được thiết lập, đánh giá và cải tiến dựa kế hoạch điều chỉnh, bổ sung CTĐT định kỳ của Trường ĐHQN [H10.10.02.19], [H10.10.02.20], [H10.10.02.21], [H10.10.02.22], [H10.10.02.23]. Năm 2019, Trường ĐHQN ban hành quy định về rà soát và phát triển CTDH giúp cho công tác xây dựng và cập nhật CTDH trong toàn trường mang tính hệ thống

[H10.10.02.24]. Trước khi ban hành quy định này, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến các đơn vị trong đó có nội dung góp ý về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT từ tất cả các đơn vị trong trường [H10.10.02.25]. Đồng thời, Trường ĐHQN và Khoa GDTH&MN đã khảo sát ý kiến đội ngũ GV trong toàn trường và nhà sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung còn thiếu trong quy định của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Khoa GDTH&MN đã có quy trình thiết kế và phát triển CTDH khoa học và đúng đắn dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN.

CTĐT và CTDH ngành GDMN thường xuyên được cập nhật, đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao CLĐT, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về thiết kế và phát triển CTDH còn thực hiện chưa thường xuyên và đối tượng khảo sát còn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa sẽ phối hợp với Nhà trường khảo sát các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH thường xuyên và đa dạng về đối tượng khảo sát.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Để quá trình dạy và học đảm bảo sự tương thích, phù hợp với chuẩn đầu ra, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về rà soát đánh giá quá trình dạy và học, trong đó quy định trách nhiệm các Khoa triển khai định kỳ, hàng năm và Phòng Đào tạo đại học có nhiệm vụ hướng dẫn các khoa thực hiện, tổ chức nghiệm thu nội dung sửa đổi, cập nhật, đổi mới quá trình dạy và học. Hình thức rà soát theo quy định là phỏng vấn cá nhân, phỏng vấn nhóm, sử dụng phiếu điều tra, nhật ký giảng dạy. Nội dung rà soát là quy trình giảng dạy, kiểm tra đánh giá, theo dõi kết quả học tập của người học theo thời gian... [H10.10.03.01].

Để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR thì quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên ở cấp Trường, cấp Khoa. Quá trình dạy và học đều thực hiện thông qua Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, việc đánh giá quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá hằng năm được thực hiện theo kế hoạch để đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố **[H10.10.03.02]**, **[H10.10.03.03]**.

Vào cuối mỗi học kỳ, Khoa GDTH&MN sẽ phối hợp với Phòng KT&BDCL tổ chức nghiêm túc các kỳ thi kết thúc học phần theo đúng quy chế, quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ để đánh giá kết quả học tập của người học. Việc tổ chức thi được tổ chức theo đúng quy định, có quyết định thành lập Ban tổ chức kỳ thi kết thúc học phần và có công văn về việc tổ chức thi học phần **[H10.10.03.04]**, **[H10.10.03.05]**. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý điểm học phần UIS nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kết quả học tập của SV **[H10.10.03.06]**. Kết thúc mỗi kỳ thi, Khoa đều có công văn về việc báo cáo tình hình tổ chức kết thúc thi học phần và báo cáo tổng kết công tác tổ chức kì thi kết thúc học phần của Nhà trường bao gồm cả công tác ra đề thi, coi thi và chấm thi **[H10.10.03.07]**, **[H10.10.03.08]**. CTĐT cử nhân ngành GDMN sử dụng hình thức làm khóa luận tốt nghiệp để kết thúc khóa học cho 20% SV có kết quả học tập tốt nhất **[H10.10.03.09]**. Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra công tác giảng dạy của GV và nề nếp học tập của SV, Phòng Thanh tra – Pháp chế của Nhà trường định kỳ tiến hành thanh tra việc vào điểm và quản lý điểm của trợ lý Khoa để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và chính xác **[H10.10.03.10]**.

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo của Nhà trường, Phòng Thanh tra – Pháp chế xây dựng kế hoạch thanh tra nề nếp giảng dạy – học tập, làm việc của các đơn vị trong Nhà trường và có báo cáo công tác thanh tra cuối mỗi năm học. Đây là cơ sở đảm bảo sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học với CĐR **[H10.10.03.11]**, **[H10.10.03.12]**.

Về quá trình dạy và học, cũng như việc đánh giá kết quả học tập của người học đều được lấy kiến ý phản hồi của GV, người học và các bên liên quan. Hàng năm, Nhà Trường đều có Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV và đều có Báo cáo kết quả về khảo sát về hoạt động này **[H10.10.03.13]**, **[H10.10.03.14]**. Bên cạnh đó, đầu mỗi học kỳ Hội đồng Khoa đều tổ chức lấy ý kiến GV về công tác tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH, từ đó

làm cơ sở để đổi mới phương pháp dạy và học [H10.10.03.15].

Mỗi học kỳ, Khoa tổ chức 1 cuộc họp giữa Ban chủ nhiệm Khoa, CVHT và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội SV và người sử dụng lao động nhằm mục đích lấy ý kiến về hoạt động dạy và học cũng như công tác đào tạo, kiểm tra, thi cử, đánh giá so với CDR đã công bố [H10.10.03.16].

2. Điểm mạnh

GV thực hiện nghiêm túc việc giảng dạy, ra đề thi, coi thi, chấm thi theo các quy định từ Khoa, Nhà trường. KQHT của SV được đánh giá nghiêm túc phù hợp với các yêu cầu CDR.

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được rà soát thường xuyên theo từng học kỳ.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có kế hoạch cụ thể để các bộ môn triển khai rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, quá trình kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học để nâng cao chất lượng dạy-học và có cơ sở điều chỉnh nội dung dạy-học, các hoạt động dạy-học, kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích CDR.

Việc lấy ý kiến của cựu SV, nhà sử dụng lao động về quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập chưa được diễn ra thường niên. Số lượng ý kiến về nội dung quá trình kiểm tra đánh giá còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa sẽ phối hợp với Nhà trường thực hiện các biện pháp nhằm phát huy thế mạnh, đồng thời khắc phục những tồn tại. Cụ thể:

Khoa GDTH&MN tổ chức triển khai các bộ môn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, quá trình kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học để nâng cao chất lượng dạy-học và có cơ sở điều chỉnh nội dung dạy-học, các hoạt động dạy-học, kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích CDR.

Tổ chức khảo sát ý kiến cựu SV, nhà sử dụng lao động về các nội dung quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập với số lượng nhiều.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy học.

1. Mô tả

Giảng dạy và NCKH có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của NCKH ở cơ sở GDĐH, Đội ngũ GV Khoa GDTH&MN đã xác định NCKH vừa là nhiệm vụ bắt buộc đồng thời cũng là hoạt động được khuyến khích đặc biệt, được thể hiện rõ trong việc Nhà trường và Khoa luôn coi kết quả NCKH là một trong những căn cứ quan trọng để xếp hạng thi đua đối với GV của Nhà trường, từ đó tạo động lực NCKH đối với mọi GV trong Trường nói chung và Khoa GDTH&MN nói riêng **[H10.10.04.01], [H10.10.04.02]**.

Trong quá trình giảng dạy, các GV của Khoa đã thực hiện hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp; viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành; viết bài và tham gia hội thảo khoa học; viết sách tham khảo; hướng dẫn SV NCKH;...**[H10.10.04.03]**. Trong các đề tài NCKH đã thực hiện, nhiều đề tài được Khoa ứng dụng vào hoạt động giảng dạy và học tập của ngành GDMN **[H10.10.04.04]**.

Khoa có rất nhiều đề tài đã được áp dụng, chuyển tải thành giáo trình, nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTDH. Các đề tài NCKH liên quan đến dạy học đã được ứng dụng vào học phần “Văn học thiếu nhi”, “Văn học trẻ em” **[H10.10.04.05]**. Trong giai đoạn 5 năm (2015-2020), GV trong Khoa đã thực hiện 08 đề tài NCKH cấp trường; biên soạn 3 giáo trình và sách tham khảo; có 37 bài báo khoa học và 14 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành; tham dự 10 hội thảo khoa học (từ năm 2016 - 2020) và có các báo cáo tại hội thảo; có 2 tranh vẽ tham dự triển lãm trong khu vực; 1 công trình chuyên khảo khoa học đạt Hạng A Giải thưởng Văn học nghệ thuật Đào Tấn – Xuân Diệu do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trao tặng. Các kết quả nghiên cứu đều có tính ứng dụng và phục vụ giảng dạy các học phần thuộc CTĐT của 02 ngành GDMN, GDTH như “Cơ sở văn hóa VN”, “Văn học dân gian”, “Văn học trẻ em”, “Văn học thiếu nhi” và Chuyên đề Văn **[H10.10.04.04], [H10.10.04.06]**. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã tổ chức các buổi seminar để áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành GDMN **[H10.10.04.07]**.

Công tác NCKH cho SV được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh và thực hiện thường xuyên. Mỗi năm học, Nhà trường hướng dẫn triển khai thực hiện và phê duyệt

kinh phí hỗ trợ đề tài NCKH sinh viên. Nhiều đề tài NCKH SV của Khoa liên quan đến việc dạy và học đã đạt giải thưởng SV NCKH [H10.10.04.08]. Số lượng đề tài NCKH của SV trung bình là **04 đề tài/năm** (trong đó có nhiều SV đạt giải cao trong các hội thi NCKH cấp trường) và được ứng dụng làm tài liệu tham khảo trong các chuyên đề chuyên sâu cho SV. Hàng năm, Nhà trường báo cáo tổng kết công tác NCKH sinh viên và tổ chức Hội nghị tổng kết công tác nghiên cứu khoa học sinh viên.

2. Điểm mạnh

Hầu hết các đề tài NCKH của GV và SV dưới mọi cấp độ và những hình thức khác nhau đều gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ đào tạo, có ý nghĩa thực tế trong phục vụ công tác dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các công trình NCKH liên quan đến việc dạy và học còn chưa được đa dạng. Bên cạnh đó, các kết quả NCKH được áp dụng, chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTDH còn ít so với số lượng đề tài đã thực hiện.

Nhà trường chưa có nhiều chính sách khuyến khích GV thực hiện các công trình NCKH về lĩnh vực dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường và Khoa cần thực hiện:

Xây dựng các chính sách khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH về lĩnh vực dạy và học, đồng thời có thêm chính sách để GV sử dụng kết quả NCKH vào các nội dung dạy-học và cải tiến PPDH.

Khoa GDTH&MN phối hợp với các Khoa trong Trường ĐHQN tổ chức các hội thảo chuyên đề, seminar chia sẻ ứng dụng các kết quả các GV các khoa khác và các ngành sư phạm khác của Trường.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Để hoàn thành sứ mệnh “Cơ sở GDĐH đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa

học; truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước; đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội” với giá trị cốt lõi “Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – nhân văn” thì vấn đề quan tâm đầu tư chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập là vô cùng cần thiết và hết sức quan trọng. Nhà trường có văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác Nhà trường luôn có kế hoạch đánh giá định kì và cải tiến chất lượng theo các nội dung hạng mục mà Khoa đề nghị [H10.10.05.01]. Đồng thời, Nhà trường đã ban hành Quy định về quy trình đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.02].

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ đã được Nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư cụ thể trong văn bản Chi tiêu nội bộ, Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục cấp trường hằng năm [H10.10.05.03], [H10.10.05.04]. Một cách tổng quan, chất lượng về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa phối hợp kiểm tra, đánh giá định kì và cải tiến chất lượng. CSVC của Khoa gắn liền với CSVC của Nhà Trường (bao gồm phòng học, phòng nghiệp vụ sư phạm, phòng nhạc, phòng múa, phòng tạo tình và các thiết bị đi kèm: loa, máy chiếu, đèn chiếu, thư viện, dữ liệu truy cập internet...). Để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho công tác giảng dạy của GV và hoạt động học tập của sinh viên, Trường ĐHQN đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến dịch vụ hỗ trợ GV và sinh viên. Và hằng năm Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại CSVC của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo [H10.10.05.03], [H10.10.05.04].

Các đơn vị chức năng triển khai nhiều hình thức lấy ý kiến qua kênh phiếu khảo sát, sinh hoạt lớp, hội nghị giao ban hàng tháng, tổ chức đối thoại giữa sinh viên với hiệu trưởng đã thu thập được nhiều thông tin đề xuất, phản ánh xác đáng liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.05.07], [H10.10.05.08]. Thông qua các kênh lấy thông tin này, chất lượng phòng thí nghiệm-phòng học, chất lượng phục vụ thư viện, chất lượng wifi (internet), chất lượng phòng ở ký túc xá, hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe SV, hiệu quả công tác cố vấn học tập... được giám sát và đánh giá [H10.10.05.09], [H10.10.05.10]. Đa số sinh viên,

giảng viên hài lòng về chất lượng các dịch vụ và khẳng định các dịch vụ về cơ bản đã đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, chất lượng hỗ trợ của đội ngũ viên chức các đơn vị. Tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến đề xuất, kiến nghị cần cải tiến, đổi mới một số dịch vụ liên quan đến thư viện, hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H10.10.05.05], [H10.10.05.06].

Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã có những cải tiến về chất lượng, nâng cấp về số lượng các dịch vụ hỗ trợ SV nhằm phục vụ, hỗ trợ cho người học. Về CSVC, Nhà trường sắp xếp lại phòng thực hành, thí nghiệm (năm học 2017-2018), lắp đặt wifi cho KTX (năm học 2017-2018), nâng cấp hoàn thiện cổng thông tin điện tử, phần mềm Tạp chí khoa học online, phần mềm quản trị nhân sự, kế toán, lắp đặt thêm máy lọc nước tại các giảng đường [H10.10.05.11]; [H10.10.05.12]; [H10.10.05.13]. Phòng thí nghiệm, phòng thực hành nghiệp vụ được trang bị mới các thiết bị, máy móc, đầu tư phòng học đa chức năng với các phương tiện dạy học thông minh, hiện đại. Hệ thống công nghệ thông tin được triển khai đồng bộ, thực hiện phủ sóng wifi toàn trường. Ngoài ra, nhà trường tổ chức đấu thầu các dịch vụ giữ xe, căn-tin, tạp hóa nhằm tăng cường nguồn đầu tư, nâng cao chất lượng phục vụ cho giảng viên và sinh viên [H10.10.05.14], [H10.10.05.15], [H10.10.05.16].

Về phong trào hoạt động, Nhà trường triển khai hoạt động khởi nghiệp (tổ chức cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp); tổ chức Ngày hội việc làm với sự tham gia của các nhà tuyển dụng trong tỉnh, trong nước giúp SV tìm kiếm việc làm; xây dựng Fanpage của Trường ĐHQN do Phòng CTCT-SV quản lý nội dung để tăng cường sự kết nối giữa SV và Nhà trường giúp giải quyết kịp thời những vướng mắc của SV [H10.10.05.17]. Nhà trường tổ chức và thành lập hơn 20 câu lạc bộ tạo sân chơi bổ ích hỗ trợ học tập, NCKH của SV [H10.10.05.18]. Đồng thời, Khoa GDTH&MN đã thành lập câu lạc bộ “Hành trang vào nghề” là nơi để SV của Khoa có thể trải nghiệm và được chia sẻ những kiến thức bổ ích về nghề nghiệp [H10.10.05.19].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin.

Hệ thống phòng thí nghiệm và hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Các dịch vụ và tiện ích của thư viện còn hạn chế, chưa hiện đại. Việc lấy ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ của một số bộ phận chức năng chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường và Khoa thực hiện các công việc như sau:

Đầu tư trang bị thư viện điện tử, áp dụng các phần mềm để quản lý, vận hành và sử dụng thư viện hiệu quả. Rà soát hệ thống học liệu và bổ sung theo yêu cầu của CTĐT theo đề xuất của các khoa.

Nhà trường và Khoa chỉ đạo và định kỳ tiến hành thực hiện khảo sát các bên liên quan một cách đồng bộ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Phòng KT&BDCL của Trường ĐHQN được thành lập theo Quyết định số 1301/QĐ-TCCB ngày 23/10/2009. Chức năng KT&BDCL là tham mưu cho trường ĐHQN về công tác đánh giá, đảm bảo và kiểm định CLĐT cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo CLĐT. Hiện nay, KT&BDCL là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTDH và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan tại Trường ĐHQN để hoạt động khảo sát mang tính hệ thống trong toàn trường [H10.10.06.02].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được phòng KT&BDCL thực hiện đúng trình tự, khoa học và dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể: Xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của sinh viên trên nhiều kênh thông tin khác nhau (phiếu hỏi trực tiếp, hỏi online) về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối về chất lượng CTĐT; khảo sát ý kiến của sinh viên mới tốt nghiệp (6-12 tháng) về tình hình việc làm và CTĐT; khảo sát cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT; khảo sát ý kiến NH về

CSVC và hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo... Ngoài các hình thức khảo sát trên, KT&BDCL xây dựng hệ thống khảo sát online qua phần mềm khảo sát E-survey, ngoài ra còn tiếp nhận thông tin phản hồi qua nhiều kênh khác như email, facebook... [H10.10.06.03], [H10.10.06.04], [H10.10.06.05], [H10.10.06.06].

Để cải tiến CLĐT, theo quy định của Nhà trường, sau khi tiếp nhận kết quả khảo sát, Khoa và các đơn vị có liên quan phải tổ chức họp thảo luận về các ý kiến phản hồi trong đơn vị nhằm đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm học tiếp theo và báo cáo cho Nhà trường. So với giai đoạn trước 2015, Nhà trường đã có nhiều cải tiến trong việc lấy ý kiến phản hồi như: nội dung lấy ý kiến bao phủ hơn bao gồm lấy ý kiến về chất lượng CTĐT, dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất, hoạt động dạy và học, hỗ trợ của đội ngũ viên chức [H10.10.06.07], [H10.10.06.08], [H10.10.06.09]. Đồng thời, các hoạt động khảo sát đều được thực hiện theo quy củ đảm bảo đúng theo quy trình PDCA (xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá kết quả hoạt động và tổ chức cải tiến), có biểu mẫu và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến sau khi có kết quả phản hồi [H10.10.06.10]. Hình thức khảo sát ý kiến được cải tiến từ phiếu hỏi sang phần mềm khảo sát online, từ phần mềm khảo sát online ở mức cơ bản sang phần mềm khảo sát E-Survey chuyên dụng, tích hợp với phần mềm quản lý đào tạo nên đảm được tính khách quan và hiệu quả hơn trong quá trình thu nhận ý kiến từ SV, GV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác định được cơ quan chuyên trách thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan là Phòng KT&BDCL. Nhà Trường đã ban hành được các quy định bằng văn bản giúp hướng dẫn cụ thể về cơ chế thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên.

Hệ thống phần mềm hỗ trợ việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống và khoa học. Nội dung các Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV và CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và có sự điều chỉnh, cải tiến.

3. Điểm tồn tại

SV tham gia khảo sát của Nhà trường còn chưa tập trung và giành đủ thời gian để đọc và trả lời chính xác nội dung câu hỏi dẫn đến kết quả khảo sát về hoạt động giảng dạy và CTĐT chưa đạt được hiệu quả như mong đợi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Khoa sẽ phối hợp với nhà trường thực hiện các biện pháp nhằm phát huy thế mạnh, đồng thời khắc phục những tồn tại. Cụ thể:

Trong các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp cần nhấn mạnh vai trò của việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đối với chất lượng giảng dạy của GV và CTĐT, chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích... để SV chú tâm hơn vào việc thực hiện khảo sát.

Tiếp tục cải tiến phương pháp thu thập và nâng cấp phần mềm E-survey để đạt được hiệu quả cao hơn trong công tác thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Trong chu kỳ từ 2015 – 2020, Khoa GDTH&MN dưới sự chỉ đạo sát sao của trường ĐHQN, đã rất chú trọng trong việc nâng cao CLĐT ngành GDMN. Cụ thể, việc thiết kế CTDH được tuân thủ theo đúng quy trình: (i) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với chương trình của các trường đại học trong nước có thế mạnh về nghiên cứu và giảng dạy; (ii) lấy thông tin phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên làm cơ sở để điều chỉnh chương trình; (iii) hàng năm có cập nhật các nghiên cứu mới, các học phần mới về nội dung và phương pháp dạy học; (iv) thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH của các cán bộ GV, sinh viên trong Khoa vào nội dung các học phần trong CTDH.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng học phần theo CĐR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của NH, đảm bảo cho việc học tập của sinh viên. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 10:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 10		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.1					x			4.80	6	100
Tiêu chí 10.2					x					
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4				x						
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6					x					

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**Mở đầu**

Đối với một CSGD đại học, kết quả đầu ra là cơ sở quan trọng phản ánh chất lượng đào tạo. Vì vậy, những nội dung liên quan đến kết quả đầu ra như tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ việc làm sau khi tốt nghiệp, hoạt động NCKH của SV được trường ĐHQN cũng như Khoa GDTH&MN tổ chức đánh giá, giám sát, đối sánh. Ngoài ra, việc khảo sát sự hài lòng của các bên có liên quan cũng được Nhà trường và Khoa GDTH&MN chú trọng. Kết quả khảo sát này là cơ sở để tổng hợp, đối sánh và cải tiến CTĐT định kỳ nhằm nâng cao chất lượng đầu ra.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được quản lý bởi Phòng ĐTDH theo quy chế tổ chức hoạt động Trường ĐHQN [H11.11.01.01]. Đơn vị này phối hợp với các Khoa quản lý việc đào tạo nói chung và KQHT của SV nói riêng thông qua phần mềm quản

lý đào tạo với số liệu chính xác và đầy đủ [H11.11.01.02]. Sau khi hoàn thành CTĐT, KQHT của SV được trích xuất và được Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét thông qua để Hiệu trưởng ra quyết định tốt nghiệp cho SV [H11.11.01.03]. Trong quá trình quản lý hoạt động học tập của SV, việc cảnh báo KQHT SV cũng được Nhà trường tiến hành định kỳ hằng năm, và ra các quyết định kịp thời [H11.11.01.04].

Hằng năm, Khoa tiến hành đánh giá, phân tích tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV thông qua báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H11.11.01.05]. Cụ thể thông tin về số lượng SV tốt nghiệp và số lượng SV bỏ học của ngành GDMN, Khoa GDTH&MN trong 5 khóa gần đây (khóa 2011-2015 đến khóa 2015-2019) được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1.1. Bảng thống kê số lượng SV ngành GDMN tốt nghiệp từ khóa (2011-2015) đến khóa (2015-2019)

Khóa học	Tổng SV của khóa	Số lượng tốt nghiệp	Tỷ lệ (%)
2011-2015	161	157	97.51
2012-2016	131	126	96.18
2013-2017	78	78	100
2014-2018	89	88	98.87
2015-2019 (đợt 1)	79	74	93.67

Bảng 11.1.2. Bảng thống kê số lượng SV thôi học từ khóa (2011-2015) đến khóa (2015-2019)

Khóa học	Số lượng SV Tuyển sinh	Số lượng SV thôi học					Tỉ lệ %
		Năm 01	Năm 02	Năm 03	> Năm 03	Tổng	
2011-2015	161	0	0	1	2	3	1.86
2012-2016	131	2	0	3	0	5	3.81
2013-2017	78	0	0	0	0	0	0
2014-2018	89	0	1	0	0	1	1.12
2015-2019	79	2	0	1	0	3	3.78

Bảng 11.1.1 và bảng 11.1.2 cho thấy đa số sinh viên của Khoa hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Một số ít SV tốt nghiệp trễ hạn chủ yếu là do chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định của CTĐT. Tỷ lệ SV bị buộc thôi học ngành GDMN của Khoa hằng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số SV của khóa học, một số khóa học chỉ có 1 hoặc 2 SV thôi học.

Cùng với Phòng ĐTDH, Khoa GDTH&MN, CVHT luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV. CVHT tổ chức họp lớp định kỳ theo qui định để tìm hiểu các nguyên nhân thôi học hay chậm tốt nghiệp của SV. Bên cạnh đó, qua sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân thôi học của CVHT, Khoa đã xác định nguyên nhân chính do SV gặp một số hoàn cảnh liên quan đến bản thân và gia đình. Từ đó đề xuất các biện pháp hỗ trợ kịp thời giúp người học cải thiện tình hình học tập của bản thân [H11.11.01.06], [H11.11.01.07].

Khoa tiến hành đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành GDMN với tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành GDTH. Kết quả đối sánh thể hiện qua bảng 11.1.3

Bảng 11.11.3. Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành GDMN và ngành GDTH của Khoa GDTH&MN giai đoạn 2015-2019 (%)

Khóa học	Ngành GDMN	Ngành GDTH
2011-2015	97.51	99.50
2012-2016	96.18	98.86
2013-2017	100	98.54
2014-2018	98.87	98.00
2015-2019 (đợt 1)	93.67	93.64

Kết quả bảng 11.11.3 cho thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành GDMN và ngành GDTH của Khoa GDTH&MN đều rất cao và tương đối ngang bằng nhau qua các năm khảo sát.

Ngoài ra, Khoa cũng tiến hành đối sánh tỷ lệ thôi học của SV ngành GDMN với tỷ lệ thôi học của SV ngành GDTH. Kết quả đối sánh thể hiện qua bảng 11.1.4

Bảng 11.1.4 Tỷ lệ SV thôi học ngành GDMN và ngành GDTH của Khoa GDTH&MN giai đoạn 2015-2019 (%)

Khóa học	Ngành GDMN	Ngành GDTH
2011-2015	1.86	0.48
2012-2016	3.81	0.57
2013-2017	0	0.73
2014-2018	1.12	2.00
2015-2019	3.78	6.36

Kết quả bảng 11.11.4 cho thấy tỷ lệ SV thôi học ngành GDMN trong 3 năm từ 2015-2017 đều cao hơn tỷ lệ này ở ngành GDTH. Tuy nhiên trong những năm từ 2017-2019, xu hướng ngược lại khi tỷ lệ thôi học ngành GDMN thấp hơn gần 50% so

với tỷ lệ này ở ngành GDTH. Điều này chứng tỏ số lượng SV thôi học giảm dần qua các năm.

Qua các số liệu từ kết quả thống kê số lượng SV thôi học và tạm ngưng tiến độ học tập, Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến chất lượng. Cụ thể là, đội ngũ CVHT luôn quan tâm, động viên, nhắc nhở SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng [H11.11.01.08]. Khoa kết hợp Đoàn thanh niên, Hội SV xây dựng quỹ học bổng dành cho các SV có hoàn cảnh khó khăn, có tinh thần vượt khó, đạt thành tích tốt trong quá trình học tập [H11.11.01.09]. Trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT [H11.11.01.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi KQHT và chủ động trong kế hoạch học tập [H11.11.01.11].

2. Điểm mạnh

Các CVHT, Trợ lý đào tạo, Đoàn Thanh niên, Hội SV của Khoa và Ban chủ nhiệm Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác và có những hướng giải quyết phù hợp. Với những SV thôi học, CVHT có sự trao đổi để hiểu được những khó khăn vướng mắc và có những tư vấn, định hướng kịp thời cho các trường hợp này về nghề nghiệp tương lai sau khi rời trường đại học.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa có hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả: thôi học vì không hứng thú, vì có định hướng học trường khác, ngành khác..., trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh.

Với những SV tốt nghiệp trên 4 năm do chưa hoàn thành các điều kiện CDR như ngoại ngữ, kỹ năng mềm, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, nguyên nhân là do tâm lý chủ quan từ phía SV, vì đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi SV phải chủ động với kế hoạch học tập.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021:

Trợ lý đào tạo của Khoa, CVHT và cán bộ lớp, cán bộ Đoàn – Hội phối hợp chặt chẽ hơn nữa để giám sát tình hình học tập của SV. Kịp thời nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Nhà trường, Khoa thống kê danh sách và lý do SV thôi học một cách có hệ thống

dựa vào sổ tay theo dõi của các CVHT để có những biện pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp cho SV.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Thời gian tốt nghiệp là thời gian của một khóa đào tạo, là thời gian cần thiết để SV hoàn thành CTĐT và được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được theo dõi bởi phòng ĐTDH và Khoa theo quy chế tổ chức hoạt động Trường ĐHQN [H11.11.02.01]. Từ năm 2010, Trường và Khoa bắt đầu thực hiện quy định đào tạo theo hệ thống TC. Thời gian đào tạo ngành GDMN trong trường đại học kéo dài 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H11.11.02.02], [H11.11.02.03].

Nhà trường đã thực hiện việc giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hằng năm [H11.11.02.04]. Số lượng thống kê và tỷ lệ người học hoàn thành CTĐT cử nhân GDMN trong 5 năm học gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11.2.1. Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ SV ngành GDMN tốt nghiệp giai đoạn (2011-2015) đến (2015-2019)

Khóa học	Số lượng SV Tuyển sinh	Số lượng SV Tốt nghiệp				
		< 4 năm	4 năm	> 4 năm	Tổng	Tỉ lệ %
2011-2015	161	0	149	8	157	97.51
2012-2016	131	0	122	4	126	96.18
2013-2017	78	0	78	0	78	100
2014-2018	89	0	86	2	88	98.87
2015-2019 (đợt 1)	79	0	72	2	74	93.67

Dữ liệu ở bảng 11.2.1. cho thấy, tỉ lệ SV ngành GDMN Khoa GDTH&MN hoàn thành CTĐT đúng thời hạn đều đạt mức cao, trên 96%. Riêng tỉ lệ tốt nghiệp của SV (Khóa 2015- 2019) là 93,67% vì số liệu thống kê này chỉ lấy đến thời điểm xét tốt nghiệp đợt 1. Tỷ lệ SV chưa đạt tốt nghiệp đúng thời hạn chiếm dưới 2%, đều nằm trong diện thôi học hoặc chưa hoàn thành các yêu cầu CDR như: CTĐT, chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất [H11.11.02.04]. Chưa có SV nào của ngành có thời gian tốt nghiệp trước thời hạn.

Khoa tiến hành đối sánh tỷ lệ về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành GDMN và ngành GDTH, Khoa GDTH&MN, Trường Đại học Quy Nhơn. Kết quả đối sánh thể hiện qua bảng 11.2.2

Bảng 11.2.2 Tỷ lệ về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành GDMN và ngành GDTH của Khoa GDTH&MN (%)

Khóa học	Ngành GDMN			Ngành GDTH		
	< 4 năm	4 năm	> 4 năm	< 4 năm	4 năm	> 4 năm
2011-2015	0	92.55	4.97	0	98.09	1.44
2012-2016	0	93.13	3.05	0	98.86	0
2013-2017	0	100.0	0	0	98.54	0
2014-2018	0	96.63	2.25	0	98.00	0
2015-2019 (đợt 1)	0	91.14	2.53	0	91.82	1.82

Kết quả bảng 11.2.2 cho thấy tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT đúng thời hạn của GDMN thấp hơn so với tỷ lệ này ở ngành GDTH. Cả hai ngành đều không có SV nào hoàn thành CTĐT trước thời hạn.

Việc tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học chậm tốt nghiệp luôn được các Phòng chức năng và Khoa coi trọng nhằm đề xuất các biện pháp hỗ trợ người học giảm tối đa thời lượng học tập. Cụ thể là Khoa đã phối hợp chỉ đạo các CVHT tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV và đề nghị Nhà trường đề ra một số giải pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng hạn, như tạo điều kiện cho SV đăng ký học phần trong học kỳ phụ để cải thiện điểm và mở các lớp ôn tập để SV các lớp có sĩ số ít có thể đăng ký [H11.11.02.05], [H11.11.02.06], [H11.11.02.07]. Thông qua các buổi họp lớp định kỳ, CVHT được giao nhiệm vụ tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất các biện pháp để giúp người học rút ngắn thời gian học tập. Một số nguyên nhân khiến người chưa hoàn thành khóa học đúng thời hạn quy định là do chưa đạt các yêu cầu CĐR về ngoại ngữ, tin học hay kỹ năng mềm. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng đã cung cấp cho người học đầy đủ các văn bản liên quan đến quy chế đào tạo để người học chủ động hơn việc học của mình [H11.11.02.08].

Hàng năm, Khoa tổ chức đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp thông qua việc khảo sát SV năm cuối về mức độ hài lòng với chất lượng CTĐT. Báo cáo kết quả khảo sát cho thấy đa số người học hài lòng với chất lượng đào tạo. Điều này cho thấy rằng biện pháp hỗ trợ người học của Trường và

Khoa đã thực sự có hiệu quả [**H11.11.02.09**].

2. Điểm mạnh

Phần lớn SV ngành GDMN đều có ý thức với tiến độ học tập của mình. Thông qua Trợ lý đào tạo, CVHT, lãnh đạo Khoa thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT.

Về phía Nhà trường, Phòng ĐTDH kịp thời thông báo tới những SV bị chậm tiến độ học tập, nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... thông tin về thời gian và các yêu cầu về việc đăng kí lại tín chỉ một cách phù hợp, giúp SV hoàn thành chương trình học đúng thời gian quy định.

3. Điểm tồn tại

Một số SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CDR, dẫn đến tình trạng vẫn còn một số ít SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ chung của Nhà trường.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành GDMN (ít hơn 4 năm) là tương đối khó.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021:

Phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa Trợ lý đào tạo, CVHT và cán bộ lớp, cán bộ Đoàn – Hội để giám tình hình học tập của SV. Kịp thời nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Các Trung tâm, các Viện, tổ chức Đoàn, Hội có kế hoạch cụ thể tư vấn, hỗ trợ cho SV chưa hoàn thành CDR các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học...

Tiến hành các khảo sát thống kê những khó khăn của SV trong quá trình đăng ký học vượt.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Năm 2010, nhà trường thành lập Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp [H11.11.03.01]. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm

Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp. Trung tâm được giao nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ và theo dõi tình hình việc làm của SV [H11.11.03.02], [11.11.03.03]. Hằng năm, Trung tâm phối hợp với khoa triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp để nắm bắt tình hình, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân và đơn vị công tác của SV sau một năm tốt nghiệp [H11.11.03.04].

Từ nguồn dữ liệu khảo sát, Trung tâm thực hiện việc xử lý, thống kê, báo cáo tỷ lệ việc làm của SV và công khai trên website của trường [H11.11.03.05]. Toàn bộ dữ liệu về khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp hằng năm được lưu trữ tại Khoa và Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp [H11.11.03.06].

Khoa đã tiến hành đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp của SV ngành GDMN và ngành GDTH của trường, kết quả thể hiện qua bảng 11.3.1

Bảng 11.3.1. Bảng đối sánh tỉ lệ SV ngành GDMN và ngành GDTH có việc làm sau tốt nghiệp (%)

Năm	Ngành GDMN	Ngành GDTH
2015	90.8	87.8
2017	100	84.9

Kết quả bảng 11.3.1 cho thấy tỷ lệ SV có việc làm ngành GDMN rất cao và đều cao hơn tỷ lệ này ở ngành GDTH qua các năm khảo sát. Điều này phản đúng nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường cho ngành GDMN luôn cao hơn ngành GDTH. Bên cạnh đó, cơ sở GDMN tư thực, nhóm trẻ rất nhiều nên SV có nhiều cơ hội để tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp.

Năm 2017, Khoa tiến hành đối sánh về môi trường làm việc sau tốt nghiệp của SV ngành GDMN và SV ngành GDTH, Trường Đại học Quy Nhơn, kết quả thể hiện qua bảng 11.3.2

Bảng 11.3.2. Bảng đối sánh môi trường làm việc của SV ngành GDMN và ngành GDTH sau tốt nghiệp

Năm	Ngành GDMN	Ngành GDTH
Cơ quan nhà nước	10	37
Cơ quan tư nhân	33	10
Liên doanh nước ngoài	06	09
Tự tạo việc làm	14	17

Kết quả đối sánh cho thấy rõ SV ngành GDMN chủ yếu làm việc trong các cơ sở

tư nhân như trường Mầm non Tư thực, nhóm trẻ gia đình. Trong khi đó, SV ngành GDTH có xu hướng chính công tác ở các trường Tiểu học nhà nước.

Không những giám sát tỷ lệ SV ra trường có việc làm, Khoa và Nhà trường kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp của trường để tiếp nhận phản hồi, nhận xét, đánh giá nguyên nhân chưa có việc làm [H11.11.03.07], [H11.11.03.08], [H11.11.03.09].

Từ đó Nhà trường thực hiện nhiều giải pháp về đổi mới CTĐT, tăng cường ký thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức ngày hội tuyển dụng việc làm hằng năm, tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ sinh viên sớm có việc làm [H11.11.03.10], [H11.11.03.11]. Chủ động phối hợp với các đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động, đăng tải và cung cấp thông tin tuyển dụng việc làm thường xuyên cho sinh viên qua nhiều kênh truyền thông [H11.11.03.12].

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành GDMN, đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; các cơ sở tuyển dụng đều có những phản hồi tích cực về SV ngành GDMN của trường ĐHQN.

Nhà trường có đơn vị chuyên trách thực hiện công tác hỗ trợ việc làm cho sinh viên. Công tác khảo sát tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp được thực hiện có hiệu quả, nguồn dữ liệu tin cậy và chính xác.

Có nhiều doanh nghiệp hợp tác hỗ trợ nhà trường về việc làm cho sinh viên

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một tỷ lệ nhất định SV ngành GDMN làm trái nghề sau khi tốt nghiệp vì chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng.

Việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên. Dữ liệu khảo sát, thu thập, phân tích nguyên nhân người học chưa có việc làm còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Hằng năm, Khoa thực hiện tốt việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp của SV ngành GDMN của trường với ngành GDMN ở các trường khác trong cả nước.

Thường xuyên kết nối, khảo sát các bên liên quan để thu thập, phân tích nguyên nhân người học chưa có việc làm từ đó đề xuất các giải pháp hỗ trợ kịp thời.

Tăng cường thời lượng thực hành thực tế; phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội

SV tổ chức các hoạt động, rèn luyện cho SV kỹ năng và môi trường nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Bên cạnh các hoạt động NCKH của GV, hoạt động NCKH của SV cũng là một yếu tố quan trọng trong công tác giảng dạy của Nhà trường. Dựa trên các quy định của Trường mà hằng năm số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và cải tiến chất lượng.

SV tham gia hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức khác nhau như: viết báo cáo thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp, hoặc tham gia đề tài NCKH SV ở các cấp như thực hiện đề tài NCKH cấp Trường, cấp Bộ,...Ngoài ra, SV còn tham gia nghiên cứu độc lập như viết tiểu luận tham gia cuộc thi của Hội Văn nghệ dân gian; có ý tưởng sáng tạo tham gia cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp.

Ngay khi có kế hoạch triển khai của Nhà trường, các GV trong Khoa đã khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học tham gia hoạt động NCKH ngay từ năm thứ nhất [H11.11.04.01].

Tình hình NCKH của SV ngành GDMN được thể hiện qua các bảng thống kê sau:

Bảng 11.4.1. Số lượng đề tài NCKH SV hàng năm trong giai đoạn (2015-2019)

Năm học	Số lượng đề tài	KẾT QUẢ		
		Xuất sắc	Tốt	Khá
2015-2016	0	0	0	0
2016-2017	2	0	2	0
2017-2018	1	0	1	0
2018-2019	2	1	1	0
2019-2020	0	0	0	0

Bảng 11.4.2. Số lượng đề tài NCKH SV đạt giải các cấp giai đoạn (2015-2019)

Năm học	CẤP TRƯỜNG			CẤP BỘ			
	Nhất	Nhì	Ba	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
2015-2016							
2016-2017							
2017-2018			1				
2018-2019	1						

Bảng 11.4.3. Số lượng SV và tỷ lệ (%) SV tham gia NCKH

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Năm học				
		2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
1	Số lượng SV tham gia	0	08	02	06	0
2	Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	0	2.2	0.6	1.6	0

Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị triển khai và giám sát tình hình thực hiện đề tài NCKH SV hằng năm [H11.11.04.02].

Vào cuối mỗi năm học, trước khi Nhà trường đưa thông báo về đăng kí đề tài NCKH SV, Khoa phối hợp với LCD sẽ tổ chức buổi phát động phong trào NCKH trong SV. Thông qua buổi phát động các GV sẽ hướng dẫn cho SV về phương pháp NCKH như: Cách lựa chọn đề tài, lập kế hoạch thực hiện, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu [H11.11.04.03]. Bên cạnh đó, Trường ĐHQN ban hành một quy trình quản lý hoạt động NCKH SV với các hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể [H11.11.04.04], và Nhà trường cũng hỗ trợ kinh phí để tạo điều kiện cho SV thực hiện đề tài [H11.11.04.05].

Khoa theo định kỳ hằng năm tổ chức các buổi bảo vệ đề tài NCKH cấp Khoa để chọn ra những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị NCKH SV cấp Trường [H11.11.04.06]. Nhiều công trình NCKH SV được đăng trên Kỷ yếu hội nghị NCKH SV của Trường ĐHQN [H11.11.04.07].

Các hoạt động nghiên cứu của người học được tổng kết, đánh giá hàng năm thông qua Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV của Trường. Qua đó, Nhà trường khuyến khích và khen thưởng các SV đạt thành tích cao, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH SV [H11.11.04.08], [H11.11.04.09].

Ngoài ra, người học còn phải hoàn thành các NCKH khác như viết báo cáo thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp, viết tiểu luận cho các tạp chí, hội văn nghệ dân gian... dưới sự hướng dẫn chuyên môn của các GV chuyên trách theo chương trình học. Khoa cũng có nhóm SV tham gia các ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp và đạt giải thưởng [H11.11.04.10].

Khoa tiến hành đối sánh tình hình nghiên cứu khoa học của SV ở 2 ngành GDMN với ngành GDMN thuộc Khoa GDTH&MN, Trường Đại học Quy Nhơn. Kết quả thể hiện ở bảng 11.4.4.

Bảng 11.4.4. Đối sánh số lượng đề tài và số lượng SV tham gia NCKH ở 2 ngành GDTH với ngành GDMN

Năm học	Số lượng đề tài		Số lượng người học tham gia NCKH	
	GDTH	GDMN	GDTH	GDMN
2015-2016	6	0	16	0
2016-2017	3	2	11	08
2017-2018	3	1	06	02
2018-2019	2	2	06	06
2019-2020	1	0	02	0

Kết quả bảng 11.4.4 cho thấy việc NCKH của sinh viên ngành GDMN có tỷ lệ SV tham gia NCKH và số lượng đề tài NCKH thấp hơn so với tỷ lệ này ở ngành GDTH. Điều này phản ánh đúng tình hình thực tế vì SV ngành GDMN đa phần có năng khiếu về nghệ thuật và thích tham gia các hoạt động phong trào bề nổi hơn việc tập trung vào NCKH.

Để khuyến khích tinh thần NCKH của người học, Khoa luôn có những chính sách như: đưa ra quy định về cộng điểm rèn luyện cho SV tham NCKH, những lớp có SV tham gia NCKH sẽ được ưu tiên hơn trong xét thi đua, khen thưởng [H11.11.04.11]. Trong các hoạt động của SV thì “Phong trào SV năm tốt” là một trong những hoạt động cốt lõi nhất. Trong các tiêu chí của SV 5 tốt các cấp (cấp trường, cấp tỉnh và cấp trung ương), SV có tham gia NCKH là một tiêu chí rất quan trọng. Vì vậy, hằng năm Hội sinh viên Trường phối hợp với các LCH Khoa hỗ trợ kinh phí cho các nhóm SV tham gia NCKH và các đề tài đạt giải thưởng [H11.11.04.12].

2. Điểm mạnh

Một số GV trong Khoa có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy với nhiều công trình khoa học được đăng trên các Tạp chí khoa học uy tín. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi cho việc hướng dẫn SV trong NCKH.

SV, GV trong Khoa tham gia nhiệt tình hoạt động NCKH. Các kết quả nghiên cứu về nhiều vấn đề liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ, tuy đạt ở những kết quả khác nhau đều được lưu trữ tại Khoa, là nguồn tư liệu kế thừa giúp SV các khóa sau dễ dàng tiếp cận, nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận không nhỏ SV chưa hiểu rõ vai trò của NCKH nên chưa hào hứng với hoạt động này.

Chất lượng các đề tài NCKH chưa cao, SV chưa lựa chọn đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTH&MN đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia, đồng thời khuyến khích SV tham gia NCKH trên tinh thần tự chủ, tự nguyện không cần hỗ trợ tài chính từ Khoa và Trường. Mặt khác, Khoa phối hợp với tổ chức Đoàn - Hội, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV. Đặc biệt, trong các hoạt động seminar tại Khoa, sẽ có kế hoạch thông báo mời SV đến tham dự và đóng góp ý kiến.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Phòng KT&BDCL được Nhà trường giao nhiệm vụ tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan trong và ngoài Trường thông qua các hoạt động khảo sát, đo lường, giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn lấy kiến phản hồi các bên liên quan [H11.11.05.01], [H11.11.05.02]. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường đều ban hành các kế hoạch cho hoạt động lấy ý kiến phản hồi: Kế hoạch tổ chức cuộc điều tra khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng và cựu SV khối ngành Sư phạm Trường ĐHQN [H11.11.05.03], kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của SV về HDGD của GV, kế hoạch lấy ý kiến SV năm cuối về CTĐT [H11.11.05.04]; Nhà trường cũng đã cho triển khai 01 đề tài NCKH cấp trường: “Khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp khối ngành SP Trường ĐH Quy Nhơn và nhu cầu bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo thuộc các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên” [H11.11.05.05].

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được triển khai trên cơ sở quy định của Nhà trường cùng việc sử dụng phần mềm E-survey tích hợp với phần

mềm quản lý đào tạo nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan có hệ thống, khách quan, khoa học và tin cậy. Mỗi người học được cấp một tài khoản cá nhân để đăng nhập và trả lời khảo sát. Hoạt động khảo sát được thực hiện với nhiều nội dung và hình thức khác nhau: khảo sát GV về mức độ hài lòng về CSVC, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, NCKH; khảo sát người học đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát SV năm cuối về mức độ hài lòng về CTĐT; khảo sát nhà tuyển dụng lao động về mức độ hài lòng SV tốt nghiệp, CTĐT; khảo sát sự hài lòng của SV và GV về hoạt động hỗ trợ của viên chức các khoa, phòng, viện, trung tâm... với việc sử dụng các hình thức khảo sát: phiếu khảo sát trực tiếp, online, hội nghị, hội thảo..., [H11.11.05.06], [H11.11.05.07], [H11.11.05.08], [H11.11.05.09].

Sau khi kết thúc các đợt khảo sát, Phòng KT&BDCL tiến hành tổng hợp, xử lý số liệu, phân tích, đánh giá và báo cáo kết quả đánh giá cho Nhà trường, gửi kết quả về các đơn vị liên quan trong toàn Trường. Căn cứ ý kiến phản hồi các bên liên quan Nhà trường và các Khoa chuyên môn, trong đó có Khoa GDTH&MN đề xuất các giải pháp để khắc phục những điểm hạn chế, phát huy những điểm mạnh, đặc biệt đưa ra những giải pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường [H11.11.05.10]. Theo ý kiến của nhà tuyển dụng (lãnh đạo các trường Mầm non) và cựu SV ngành GDMN thì CTĐT ngành GDMN cần điều chỉnh thay đổi theo định hướng năng lực. Trong phiên bản CTĐT và đề cương học phần năm 2020 đã có những điều chỉnh, bổ sung quan trọng: các học phần giáo dục đại cương và cơ sở ngành không thay đổi nhiều (chủ yếu thay đổi số lượng tín chỉ, trong đó số lượng tiết học cho tiếng Anh vẫn tiếp tục duy trì 4 tín chỉ), khối kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm được thay đổi khá nhiều, nhiều học phần mới được bổ sung để phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới cũng như đáp ứng nhu cầu thị trường lao động [H11.11.05.08], [H11.11.05.09], [H11.11.05.11].

Trường ĐHQN nói chung và Khoa GDTH&MN thường xuyên thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ của GV, NH, CSVC.... Phòng KT&BDCL có chức năng khảo sát, đo lường và giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT [H11.11.05.01].

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quy định của Trường, và được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau như: thông qua tài khoản cá nhân hoặc phiếu khảo sát trực tiếp [H11.11.05.02] [H11.11.05.12], [H11.11.05.13],

[H11.11.05.14].

Việc khảo sát, thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được triển khai đến các đối tượng cụ thể sau: *Đối với GV*: GV và chuyên viên của Khoa được mời dự các Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của các cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng các CTĐT, tạo thế phát triển vững chắc. Năm 2016, Nhà trường đã tiến hành thu thập mức độ hài lòng của GV về CSVC, từ đó có kế hoạch nâng cấp trang thiết bị dạy và học, tạo môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất cho SV và GV **[H11.11.05.15]**. *Đối với NH*: Việc khảo sát được thực hiện dựa trên quy định của Nhà trường về việc NH tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV **[H11.11.05.13]**. Hàng năm, Nhà trường cũng đề ra các kế hoạch về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy **[H11.11.05.15]**. SV năm cuối của ngành đào tạo cũng được khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, chất lượng ngành học **[H11.11.05.16]**. *Đối với cựu SV*: Nhà trường và Khoa chủ động lập kế hoạch và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT **[H11.11.05.03]**. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số cựu SV ngành GDMN đều hài lòng về kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ được đào tạo tại Khoa GDTH&MN. *Đối với thị trường lao động*: Việc thu thập thông tin phản hồi từ thị trường lao động là các trường mầm non, các cơ sở giáo dục ngoài công lập như các trường Quốc tế đã được thực hiện theo các quy định của Nhà trường **[H11.11.05.03]** **[H11.11.05.17]**. Từ các số liệu khảo sát về tình hình việc làm của cựu SV, Khoa đã gửi bảng hỏi đến các đơn vị đã, đang và sẽ sử dụng sản phẩm đào tạo của Khoa để lấy ý kiến đóng góp xây dựng CDR CTĐT GDĐH ngành GDMN **[H11.11.05.07]**, **[H11.11.05.18]**.

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa đã tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT hệ chính quy. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng lập kế hoạch về việc tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CDR và cử cán bộ GV tham gia khóa tập huấn **[H11.11.05.19]**, **[H11.11.05.20]**, **[H11.11.05.21]**. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi KQHT và chủ động trong kế hoạch học tập **[H11.11.05.22]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của cá

bên liên quan về hoạt động đào tạo, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất.

Các kết quả khảo sát mức độ hài lòng đã được sử dụng để làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa được tiến hành đối sánh thường xuyên để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục duy trì việc lấy YKPH của SV đối với động giảng dạy của GV, đối với CTĐT; thiết lập được thông tin 2 chiều giữa lãnh đạo Nhà trường với các GV; thường xuyên nâng cao chất lượng và hình thức lấy YKPH nhất là đối với SV.

Nhà trường và Khoa sẽ thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn, thường xuyên hơn giữa GV - SV - nhà sử dụng lao động để đảm bảo sự tương tác, phản hồi thường xuyên, tin cậy và chất lượng.

5. Tự đánh giá

Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra, Nhà trường đã xây dựng, đầu tư CSVC, hệ thống thiết bị quản lý quá trình học tập của người học và thông tin người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm một cách có hiệu quả. Từ các dữ liệu lưu trữ được, Khoa đã đối chiếu để tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện pháp khắc phục cũng như có những hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho SV. Trong quá trình đào tạo, Khoa cũng đẩy mạnh các hoạt động NCKH của người học và hoạt động này được quan tâm thường xuyên, coi đây là một nhiệm vụ rất cơ bản trong CTĐT. Đồng thời, YKPH của GV, SV, cựu SV và nhà sử dụng lao động từ hệ thống các trường mầm non luôn được xác lập, giám sát và đối sánh làm cơ sở cải tiến chất lượng của CTĐT.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa GDTH&MN sẽ đẩy mạnh hơn phong trào NCKH trong SV toàn Khoa, lồng ghép phát triển với các Câu lạc bộ chuyên môn, đào tạo kỹ năng mềm của các tổ chức Đoàn – Hội SV, ... nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp các em đáp ứng tốt các yêu cầu công việc sau tốt nghiệp.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo Tiêu chuẩn 11		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 11.1						x		5,60	5	100
Tiêu chí 11.2						x				
Tiêu chí 11.3						x				
Tiêu chí 11.4					x					
Tiêu chí 11.5					x					

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc đánh giá CTĐT ngành GDMN là một việc làm hết sức cần thiết nhằm không ngừng cải tiến CLĐT trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho NH; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì. Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân ngành GDMN theo hướng tiếp cận năng lực đã đạt được những kết quả, thành công quan trọng.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDMN.

3.1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành GDMN

3.1.1. Mục tiêu và CDR của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH và mục tiêu đào tạo của Khoa. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CDR của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng thực hành, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe đối với người học khi tốt nghiệp; được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và các buổi gặp mặt tân SV, tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa...

3.1.2. Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN được Khoa xây dựng đúng quy trình, quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất có liên quan; thể hiện rõ ma trận CDR và được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại; được thiết kế một cách có hệ thống, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng; có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới; có sự tham gia góp ý của GV, SV, cựu SV, người sử dụng lao động, các chuyên gia có liên quan trong lĩnh vực giáo dục và chuyên môn.

ĐCCTHP thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, cụ thể hóa CĐR và liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành GDMN.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai rộng rãi trên các kênh truyền thông, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đặc biệt để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3.1.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH ngành GDMN được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo và bám sát CĐR, có cấu trúc theo hệ thống logic từ kiến thức giáo dục đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành hẹp Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và có sự tích hợp giữa kiến thức lý thuyết với thực tập, thực tế. Các học phần thường xuyên được cập nhật, bổ sung nhằm đạt được kết quả theo CĐR. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng mềm. Nội dung chi tiết của mỗi học phần đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện tiên quyết và mục tiêu cần đạt được theo CĐR rõ ràng.

CTDH ngành GDMN có cấu trúc, trình tự logic hợp lý, chặt chẽ; có cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành GDMN, các học phần có tính tích hợp nội môn và liên môn và gắn với thực tế. Sau khi hoàn thành chương trình, SV ra trường có thể đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng thực hành đối với nguồn nhân lực ngành GDMN.

3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc phổ biến triết lý giáo dục của Trường ĐHQN nói chung và mục tiêu đào tạo của Khoa GDTH&MN nói riêng đến đội ngũ GV và người học luôn được chú trọng. Nhìn chung đội ngũ GV và người học đều nắm được triết lý giáo dục cũng như tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường và Khoa. Việc cập nhật, sửa đổi thường xuyên CTĐT cũng như ĐCCTHP thể hiện tinh thần cầu thị, mong muốn đạt được triết lý giáo dục và nâng cao CLĐT của đội ngũ lãnh đạo và GV của Khoa.

Các hoạt động dạy và học tại Khoa GDTH&MN được thiết kế đa dạng, phù hợp với các CĐR. Người học được GV của Khoa phổ biến và hướng dẫn các phương pháp học tập và tiếp cận kiến thức hợp lý, có khoa học. Đa phần GV hài lòng vì được chủ

động điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Người học có phản hồi rất tốt về phương pháp giảng dạy của các GV tại Khoa GDTH&MN.

Tất cả các ĐCCTHP mô tả rõ việc sử dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy và học tập được GV nghiêm túc thực hiện nhằm hoàn thiện các kỹ năng mềm, kỹ năng thiết yếu của người học, đồng thời thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời cho người học. Khoa GDTH&MN có thế mạnh về đội ngũ nhân lực, nhờ đó các phương pháp giảng dạy mới, tiên tiến luôn được đội ngũ GV chú trọng. SV của Khoa nói chung và ngành GDMN nói riêng có nhiều cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho công việc tương lai trong suốt thời gian học tập.

3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trên cơ sở CDR và các hướng dẫn của Trường ĐHQN, việc đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế một cách phù hợp nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch của quy trình. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học.

Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng (kiểm tra viết, vấn đáp, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình, thực hành ...); đề thi được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng nên đảm bảo độ tin cậy, khách quan. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được công khai và dễ dàng tiếp cận, giải quyết thỏa đáng những vướng mắc của SV liên quan đến kết quả học tập.

3.1.6. Đội ngũ GV

Đội ngũ GV của Khoa để thực hiện CTĐT ngành GDMN được quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát thường xuyên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV của Khoa và ngành GDMN được triển khai theo đúng kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định của Nhà trường đã ban hành. Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá một cách chính xác, khách quan.

Đội ngũ GV được phân công công việc phù hợp đảm bảo khối lượng giờ dạy và

thời gian NCKH. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV ngành GDMN đã được xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai để đáp ứng; đồng thời Khoa và Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ cả về thời gian và lẫn kinh phí. Công tác bổ nhiệm, điều chuyển GV được Khoa thực hiện công khai, dân chủ, đúng tiêu chuẩn, quy định của Nhà trường. Hàng năm, kết quả công việc và năng lực của đội ngũ GV đều được công khai đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; trong đó chú trọng kết quả NCKH.

3.1.7. *Đội ngũ nhân viên*

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thực hành và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng nhân viên được Nhà trường quy định cụ thể và được công bố công khai. Trường ĐHQN và Khoa GDTH&MN có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa GDTH&MN hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Trường.

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và đơn vị xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

3.1.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công khai, cập nhật hàng năm và luôn thực hiện theo đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; các tiêu chí và phương thức tuyển chọn mang tính lượng hóa, giúp cho Nhà trường và Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp.

Trong quá trình học tập tại Trường, NH luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH đã được xây dựng và áp dụng nhằm theo dõi sự tiến bộ trong kết quả học tập và rèn luyện từng học kỳ của NH. Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho NH về ngành học, CTĐT, hoạt động NCKH, ngoại khóa..., cũng như luôn theo dõi kết quả,

sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, từ đó tạo ra tâm thế học tập tích cực ở NH ngay từ năm thứ nhất.

Bên cạnh đó, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV và các câu lạc bộ của Trường, của Khoa đã giúp NH có động cơ đúng đắn trong học tập và tích lũy những kỹ năng mềm cho bản thân. Ngoài ra, môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Trường luôn xanh, sạch, đẹp đã phát huy sự sáng tạo và tạo sự thoải mái trong tâm trí của NH.

3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao... với các trang thiết bị được lắp đặt phù hợp, hiện đại, hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và luyện tập, vui chơi, giải trí. Các trang thiết bị trang bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, nâng cấp để đạt hiệu quả sử dụng tốt nhất.

Trung tâm tư liệu của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú và được cập nhật thường xuyên; Ngoài ra, thư viện của Nhà trường có hệ thống phòng đọc, phòng tự học cho SV, học viên. Nhà trường đã đầu tư và đưa vào hoạt động các phòng học thông minh, các phòng làm việc cho GV và đầu tư phòng thực hành nghiệp vụ cho Khoa GDTH&MN.

Hạ tầng CNTT phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo với hệ thống máy chủ, mạng internet, wifi, máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng... đảm bảo hoạt động liên tục, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và NCKH.

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và khám sức khỏe định kỳ cho GV, NH được thực hiện đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định.

3.1.10. Nâng cao chất lượng

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả với hình thức đa dạng. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao, làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. CTDH ngành GDMN được rà soát, đánh giá và cải tiến theo định kỳ 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất trong toàn trường, dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước.

Quy trình dạy và học được kiểm tra và đánh giá thường xuyên, chặt chẽ, nghiêm túc và được tiến hành định kỳ hàng năm. Quá trình đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát, đánh giá thường xuyên thông qua các hình thức kiểm tra, đánh giá tính đa dạng, linh hoạt, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng. Các kết quả NCKH được áp dụng vào việc thiết kế các nội dung giảng dạy hoặc làm tài liệu phục vụ các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực tập, thực hành của SV.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ hoạt động dạy và học, NCKH và các tiện ích khác đã được đánh giá khi kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và hiện đang triển khai cải tiến theo kế hoạch hành động đã đặt ra. Phòng KT&BDCL của Trường luôn chú trọng đến việc rà soát, đánh giá và cải tiến phương thức và cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm tạo được hiệu quả và độ tin cậy cao.

3.1.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường đã có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách NH, NH thôi học, NH tốt nghiệp được kịp thời và chính xác. Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của NH thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để nhắc nhở kịp thời tình hình, kế hoạch học tập của NH; thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỷ lệ NH thôi học, bỏ học và tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn, từ đó có biện pháp hạn chế số NH bị buộc thôi học hoặc tốt nghiệp không đúng thời hạn. Đa số SV tốt nghiệp ngành GDMN đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực GDMN cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Khoa có kế hoạch phát triển, triển khai hướng dẫn và theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của NH, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao. Ngoài ra, Nhà trường cũng thường xuyên triển khai khảo sát trực tiếp và online ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng từ các bên liên quan, qua đó định kỳ thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh nhằm cải tiến CTĐT cũng như chất lượng giảng dạy, phục vụ đào tạo ngành GDMN.

3.2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành GDMN

3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT chỉ được góp ý thông qua GV khi họp bộ môn, thông qua hội đồng Khoa, lấy ý kiến của cựu SV và SV năm cuối, người sử dụng lao động nhưng chủ yếu bằng phiếu khảo sát, chưa tổ chức được hội thảo các bên liên quan để lấy ý kiến; Chưa có quy trình chặt chẽ để thực hiện việc đo lường, đánh giá CĐR của CTĐT.

3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT chưa nêu được tiêu chí tuyển sinh riêng cho CTĐT, các yêu cầu đầu vào của CTĐT mà chỉ nêu tiêu chí tuyển sinh chung trong đề án tuyển sinh của Trường.

Một số ĐCCTHP có ít tài liệu tham khảo và chưa cập nhật nhiều nội dung mới. Các tài liệu tham khảo như bài giảng, giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành còn chưa nhiều khiến cho cả GV và NH đều gặp khó khăn trong việc tiếp cận các tài liệu hiện đại.

CTĐT chỉ mới công bố trên các tài liệu in ấn chính thức được lưu giữ tại văn phòng Khoa và Sở tay năm học phát cho SV năm nhất; các kênh khác chỉ dừng ở danh sách tên học phần chứ chưa công khai các nội dung còn lại trong CTĐT và ĐCCTHP.

3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CSVC cho quá trình dạy học chưa đầy đủ, thiếu hụt các phòng thực hành... nên một số phương pháp, nội dung trong CTDH chưa thể thực hiện tốt như mục tiêu đề ra.

Khi xây dựng CĐR của CTĐT ngành GDMN đã lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan qua các năm 2015, 2018 chỉ sửa chữa nhỏ trong một số ĐCCTHP khi đổi mới chương trình. CĐR của CTĐT năm 2020 chỉ mới lấy ý kiến của GV, đại diện nhà tuyển dụng, ý kiến phản hồi của cựu SV và SV năm cuối dưới hình thức phiếu khảo sát chứ chưa tổ chức hội thảo để lấy ý kiến.

Thời lượng dành cho các học phần thực tập so với các học phần lý thuyết chưa nhiều. Thời gian bố trí cho thực hành trong các học phần cũng hạn chế. Tồn tại này mang tính khách quan, do hạn chế về CSVC của Nhà trường.

3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mức độ hiểu biết và thực hiện triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giảng dạy của các bên liên quan chưa được đánh giá thực tế. Một số môn học quá nặng về lý thuyết và thuyết giảng, làm ảnh hưởng đến khả năng tự học của người học. Hệ thống CSVC

tuy có cải thiện nhưng còn nhiều hạn chế, làm cản trở việc thực hiện kết hợp đa dạng nhiều phương pháp giảng dạy của GV. Mặt khác, NH chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là NH năm thứ nhất. Số lượng NH trong một lớp học còn đông nên nhiều học phần chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của NH trong quá trình tương tác với GV.

3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa thực hiện thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của NH một cách chính xác. Việc cập nhật thông tin các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH còn hạn chế. Khoa chưa có ngân hàng đề thi được xây dựng theo ma trận với các mức độ khác nhau. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH hiện nay vẫn chưa thật sự thúc đẩy theo chiều hướng tích cực việc học tập của NH, việc giảng dạy của GV và việc tổ chức quản lý, đảm bảo chất lượng của CTĐT. Bên cạnh đó, một số GV còn chậm trễ trong công tác chấm thi kết thúc học phần nên việc công bố điểm thi học phần cho NH đôi khi vượt ra khỏi ngưỡng thời gian quy định làm ảnh hưởng đến việc đăng ký các học phần nói chung và các học phần cải thiện nói riêng trong học kỳ tiếp theo. Quy trình thủ tục khiếu nại chưa phân định rõ ràng giữa đơn vị Phòng Đào tạo đại học, Phòng KT&BDCL, khoa quản lý NH và khoa quản lý học phần trong việc tiếp nhận và giải quyết đơn của NH.

3.2.6. Đội ngũ GV

Mặc dù GV giảng dạy ngành GDMN đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo nhưng chính sách ưu đãi, thu hút người tài, người có trình độ ngoại ngữ tốt và chuyên môn vững vàng chưa được quan tâm đúng mức. Chưa định hướng rõ ràng trong việc đào tạo GV của Khoa phù hợp với từng chuyên ngành, nhằm phát huy hết năng lực của từng GV.

Tỷ lệ GV/NH quy đổi của ngành GDMN thấp so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV còn thiên về bằng cấp, chưa đánh giá đúng năng lực và trình độ chuyên môn. Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV chưa được phân tích đầy đủ toàn diện.

Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học ngoại ngữ, học tập nâng cao chuyên môn, tham dự các hội nghị hội thảo, NCKH... còn hạn chế do nguồn thu của Nhà trường không nhiều, ảnh hưởng tới việc đầu tư cho hoạt động đào tạo, phát triển. Việc bố trí

thời gian tổ chức một số khóa đào tạo, khóa học ngoại ngữ chưa phù hợp. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu của GV đưa ra còn chưa được triển khai.

Số lượng chỉ tiêu thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường hằng năm có sự giới hạn nên không thể khen thưởng hết các GV nếu trong năm cùng lúc có nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu còn chưa nhiều. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú.

3.2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự dựa trên việc phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên.

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Việc bổ nhiệm nhân viên giữ chức vụ lãnh đạo ở các đơn vị còn ít, chưa được quan tâm.

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên chưa được tổ chức thường xuyên.

3.2.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Chính sách tuyển sinh dù có nhận được sự góp ý của các bên liên quan, tuy nhiên hoạt động góp ý của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh của Trường, Khoa thực hiện không liên tục. Hình ảnh và thông tin về chương trình học, ngành học, về đơn vị đào tạo chưa thật sự hấp dẫn và chi tiết. Việc rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển sinh hằng năm chưa dựa trên sự góp ý của các bên liên quan như phụ huynh, học sinh và giáo viên các trường THPT.

Hầu hết các CVHT đều làm công tác kiêm nhiệm, vừa giảng dạy, vừa NCKH đáp ứng các chuẩn theo quy định, vừa phải tham gia các công việc khác do bộ môn và Khoa phân công nên không có nhiều thời gian cho công tác CVHT. Số lượng NH phân bổ cho mỗi CVHT khá đông nên còn chưa sâu sát đến những khó khăn trong cuộc sống của NH.

Hoạt động liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác nhà sử dụng lao động, tăng cường kỹ năng mềm cho SV vẫn còn hạn chế.

Chưa có không gian làm việc riêng của từng GV, chỉ có văn phòng Khoa, dẫn

đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ NH cũng như các sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn cũng không được thoải mái.

3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc quản lý và khai thác các phòng làm việc, phòng chức năng chưa thực sự hiệu quả, việc quản lý các phòng học ở các khu giảng đường còn mang nặng tính thủ công. Trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh trong một số phòng học do tần suất sử dụng nhiều và ý thức bảo quản kém nên dễ nhanh hư hỏng và sửa chữa không kịp thời. Có hệ thống giảng dạy, đào tạo theo hình thức trực tuyến nhưng chưa phổ biến. Điều này làm gián đoạn hoạt động đào tạo khi có những biến cố xảy ra như đại dịch Covid vừa qua.

Việc sử dụng phòng internet tại thư viện vẫn còn nhiều bất cập, nhiều tài liệu ở dạng điện tử còn gây khó khăn cho việc tiếp cận và sử dụng của NH. CSVC tại các phòng đọc, phòng học vẫn chưa thể đáp ứng hết nhu cầu hoạt động đào tạo và NCKH của GV, NH.

Các máy tính tại các phòng thực hành đã sử dụng nhiều năm, cấu hình cũ nên tốc độ xử lý chậm. Chưa có nhiều phòng thực hành đáp ứng nhu cầu đào tạo chuyên sâu của ngành GDMN.

Hạ tầng mạng internet và wifi của Nhà trường hoạt động chưa được ổn định, thường xuyên xảy ra sự cố nghẽn mạng, mất tín hiệu truy cập. Nhà trường chưa cấp tài khoản cho mỗi cán bộ, GV để cập nhật thông tin cá nhân.

Chính sách quan tâm đến người khuyết tật còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở sự bố trí vào ký túc xá tầng 1.

3.2.10. Nâng cao chất lượng

Việc thu thập và phân tích các thông tin phản hồi từ cựu SV và nhà sử dụng lao động để điều chỉnh CTDH, cải tiến nâng cao CLĐT còn chưa thường xuyên. Việc phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được chính xác mức độ phù hợp của đề thi. Nhà trường chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần.

Trong các đề tài NCKH do GV ngành GDMN thực hiện chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành GDMN. Thiếu các cơ sở dữ liệu chuyên ngành GDMN để phục vụ hoạt động nghiên cứu của cả GV và NH.

3.2.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường chưa có sự đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp và tỷ lệ SV thôi học hàng năm với các trường khác, chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm ngành GDMN với các cơ sở giáo dục khác ở trong và ngoài nước. Các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp đã được Nhà trường và Khoa thực hiện chưa được đánh giá, đo lường mức độ hiệu quả của các biện pháp này. Vì thiếu sự đánh giá nên Nhà trường và Khoa chỉ thực hiện một số biện pháp trong thời gian dài mà không có sự đổi mới, bổ sung giải pháp hỗ trợ người học.

Nhà trường và Khoa chưa xây dựng kế hoạch/chiến lược NCKH để xác lập các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH ngành GDMN tương thích với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và CĐR của CTĐT. Chưa thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH với các cơ sở giáo dục khác trong nước và quốc tế.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa GDTH&MN và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2021 - 2022 trở đi như sau:

3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan đến mục tiêu của CTĐT; tiếp tục xây dựng mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và với mục tiêu GDĐH theo Luật giáo dục, đặc biệt là phù hợp với yêu cầu mới của thị trường lao động.

Xây dựng quy trình và bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của NH với CĐR (thang đo RUBRIC). Tiếp tục xây dựng CĐR của CTĐT một cách khoa học, chú trọng thay đổi CĐR theo chuẩn mới.

Thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR trên hệ thống website, fanpage của Khoa một cách đều đặn và thường xuyên hơn. Công bố CĐR của CTĐT ngành GDMN đến trực tiếp các nhà tuyển dụng. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CĐR định kỳ trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN. Tăng cường công khai CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn.

3.3.2. Bản mô tả CTĐT

Xác định các tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT. Tiếp tục điều chỉnh và cập nhật các xu hướng đào tạo hiện đại phù hợp với thị trường lao động.

Rà soát, điều chỉnh về tài liệu tham khảo và cập nhật nội dung mới đối với một số học phần chưa cập nhật. Thực hiện bổ sung, cập nhật ĐCCTHP theo quy định. Bám

sát kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật ĐCCTHP của Nhà trường.

Tiếp tục mở rộng nội dung công bố công khai, đặc biệt là ĐCCTHP trên các kênh. Khai thác thêm các phương tiện công bố công khai khác như công khai trên fanpage của Khoa cho phù hợp với nhu cầu tra cứu của NH.

3.3.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, thẩm định và cập nhật CTDH. Trang bị các phòng, mô hình thực hành, cải thiện CSVC để NH có điều kiện tiếp cận thực tế. Tiếp tục đa dạng hóa, nâng cao chất lượng cách thức đánh giá kết quả học tập của NH, như cải thiện cách ra đề tự luận và trắc nghiệm, làm bài trực tiếp trên hệ thống máy tính...

Tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần. Tiếp tục tiến hành cập nhật và điều chỉnh nội dung của các học phần dựa trên ý kiến của các bên liên quan nhằm làm rõ ràng hơn đóng góp của các học phần trong việc đạt được CDR.

Rà soát, điều chỉnh CTDH theo hướng tăng thời lượng giảng dạy các học phần thực hành, thực tế; tăng thời gian thực hành trong một học phần. Xây dựng CTĐT và CTDH chặt chẽ, logic. Tham khảo ý kiến các bên liên quan, các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để nâng cao CLĐT ngành GDMN trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Nhà trường.

3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiến hành khảo sát các bên liên quan về mức độ hiểu biết triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu đào tạo của ngành GDMN để có cơ sở đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động phổ biến này. Tiếp tục sử dụng hiệu quả các kênh thông tin truyền thống và triển khai thêm nhiều kênh thông tin khác thông qua: buổi khai giảng năm học, khóa học; các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa, các trang mạng xã hội... để nhà sử dụng lao động và cộng đồng xã hội hiểu rõ hơn về Triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu của CTĐT ngành GDMN.

Tăng cường áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, hoàn thiện hệ thống kỹ năng sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động. Cải thiện CSVC, thay mới những máy móc bị hỏng hóc, cải thiện hệ thống âm thanh, máy chiếu. Căn cứ đề xuất của GV, tiến hành xây dựng các phòng thực hành chức năng đồng thời mua sắm thêm các phần mềm hỗ trợ giảng dạy trong lĩnh vực GDMN nhằm tạo điều kiện cho NH tiếp cận thực tế

nhiều hơn.

Cần bố trí phòng học phù hợp với những học phần đòi hỏi có hoạt động nhóm, áp dụng phương pháp giải quyết tình huống hoặc đóng vai. Sắp xếp lớp học phân với sĩ số phù hợp để việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới phát huy tối đa hiệu quả.

3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Xây dựng ngân hàng đề thi, đáp án và thang điểm có độ phân hóa phù hợp. Mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào ứng với CĐR của học phần, CĐR của CTĐT. Việc tổ chức biên soạn ngân hàng đề thi phải có sự giám sát về mặt chuyên môn của Trưởng bộ môn.

Chú trọng hơn nữa công tác thông tin, phổ biến cho NH (đặc biệt là NH năm nhất) về cách thức kiểm tra, đánh giá, hình thức tra cứu kết quả học tập.

Điều chỉnh tỷ lệ các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH theo hướng tăng tỷ trọng điểm quá trình nhằm thúc đẩy sự phát triển năng lực của NH và đảm bảo được CLĐT theo CĐR của CTĐT. Tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả điểm thi nhằm đánh giá mức độ phù hợp của đề thi, phân hóa năng lực của NH.

Công bố điểm đánh giá quá trình và điểm thi cho NH đúng thời gian quy định. Công khai đáp án của từng đề thi. Cải tiến quy trình tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại về kết quả học tập và ghi rõ trong sổ tay SV.

3.3.6. Đội ngũ GV

Cần rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các quy định về tuyển dụng, đánh giá viên chức, quy định về thi đua, khen thưởng và quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng phù hợp hơn để thu hút được người giỏi và tạo động lực làm việc hơn cho GV. Cần có quy định linh hoạt hơn về số lượng các chỉ tiêu thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường hàng năm.

Cần định hướng rõ ràng hơn trong việc đào tạo và bồi dưỡng GV đáp ứng yêu cầu phát triển. Thực hiện khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc được giao để GV có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là học ở nước ngoài. Thay đổi hình thức tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của một số GV về thời gian giảng dạy.

Nhà trường cần căn cứ vào quy hoạch dài hạn cho từng vị trí việc làm để xác định các tiêu chí bổ nhiệm, điều chuyển GV đảm bảo về năng lực và trình độ chuyên môn.

Cần có kế hoạch tăng chỉ tiêu tuyển sinh ngành GDMN dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo tỷ lệ GV/NH tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Tăng cường kết nối, hợp tác NCKH với các đối tác nước ngoài. Ưu tiên đề xuất với Nhà trường những công trình nghiên cứu có tính liên ngành và ứng dụng.

3.3.7. Đội ngũ nhân viên

Rà soát lại đề án vị trí việc làm và phân tích nhu cầu để có cơ sở thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hợp lý hơn. Thường xuyên phân tích nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên.

Cần có quy định rõ ràng hơn về kế hoạch, khối lượng công việc, tiến độ hoàn thành để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của nhân viên. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của GV và NH đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên để góp phần nâng cao CLĐT theo hướng toàn diện.

Cần tổ chức phong phú hơn các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Thường xuyên đăng tải các bài viết, hình ảnh hoạt động của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các CLB học thuật trên trang web của khoa, trang mạng xã hội của khoa để quảng bá hình ảnh của Khoa đến với NH. Khoa sẽ kết hợp với Nhà trường tiến hành đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, qua nhiều kênh thông tin khác nhau, xác định mục tiêu ưu tiên là các đối tượng học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận; đưa ra các hình thức thu hút học sinh có điểm đầu vào cao nhập học như tặng học bổng, có chính sách ưu tiên phù hợp cho đối tượng này, cam kết về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Dự báo nhu cầu nhân lực của ngành GDMN và tổ chức các buổi Hội thảo để nhận góp ý của các bên liên quan về CTĐT và tuyển sinh của Khoa. Tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng trên địa bàn tỉnh và vùng lân cận để đem lại cơ hội thực tập, thực tế và tuyển dụng cho SV.

Có chính sách hỗ trợ hợp lý cho đội ngũ CVHT kiêm nhiệm và quản lý số

lượng đông người học, từ đó góp phần nâng cao trách nhiệm cũng như quyền lợi của CVHT.

Bố trí, điều chỉnh phòng và vị trí làm việc của từng bộ môn để có không gian làm việc riêng của từng GV, tạo điều kiện thuận lợi trong việc gặp gỡ người học cũng như các sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn của GV.

3.3.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Cần áp dụng biện pháp quản lý và khai thác hiệu quả các phòng làm việc, phòng chức năng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, GV và NH. Nâng cấp các phòng học chưa đủ tiêu chuẩn, bố trí linh hoạt các phòng tự học cho NH tại các giảng đường, tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu.

Xây dựng hệ thống thư viện điện tử và phủ sóng wifi toàn Trường nhằm giúp cho NH dễ dàng trong việc truy cập, tìm kiếm tài liệu và tạo ra không khí học tập, nghiên cứu sôi nổi trong Nhà trường. Thường xuyên nâng cấp và bổ sung kho dữ liệu dưới dạng sách, tạp chí. Có hướng dẫn cụ thể và rõ ràng hơn về cách sử dụng máy tính ở phòng tra cứu. Xây dựng phòng học, phòng đọc có quy mô và chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu.

Nâng cấp hệ thống máy tính tại các phòng thực hành để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của NH. Đầu tư thêm hệ thống máy tính cho các phòng làm việc dành riêng cho GV để phục vụ cho hoạt động NCKH. Nhanh chóng đầu tư và vận hành hệ thống đào tạo theo hình thức trực tuyến.

Cần thiết nâng cấp hệ thống wifi an toàn, ổn định bao phủ ở các khu vực cần thiết như khu vực giảng đường các tòa nhà 4 Tầng, nhà 15 Tầng... Cần rà soát và đầu tư thay mới các máy tính có cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm ở các phòng máy thực hành tin học và tại các phòng làm việc của các khoa và phòng ban chức năng. Cấp tài khoản cho mỗi cán bộ, GV để cập nhật thông tin cá nhân, quá trình công tác, các công trình nghiên cứu và các thành tích nổi bật.

3.3.10. Nâng cao chất lượng

Thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan thông qua các phiếu điều tra khảo sát một cách thường xuyên hơn. Trong các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi sinh hoạt lớp cần nhấn mạnh vai trò của việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH đối với chất lượng giảng dạy của GV và CTĐT, chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích... để NH chú tâm hơn vào việc thực hiện khảo sát. Cần thường xuyên tổ chức

các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị để kết nối với cựu SV, chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động để thu thập được nhiều thông tin phản hồi cần thiết.

Tăng cường thực hiện các đề tài NCKH về việc cải tiến phương pháp dạy học trong ngành GDMN. Cần tiến hành rà soát và sửa chữa hoặc mua mới máy chiếu cùng với việc nâng cao chất lượng mạng Wifi phủ sóng toàn trường. Đầu tư mua tài khoản các cơ sở dữ liệu quốc tế để phục vụ tốt hơn việc NCKH ngành GDMN.

3.3.11. Kết quả đầu ra

Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình học tập của NH. Điều tra, theo dõi các biện pháp đã thực hiện để đo lường mức độ hiệu quả. Đồng thời nghiên cứu, tham khảo để cải thiện hiệu quả.

Phân công nhiệm vụ cho một bộ phận cụ thể thực hiện thường niên các công việc xây dựng mục tiêu, khảo sát, phân tích tình hình có việc làm của cựu SV. Mở rộng điều tra khảo sát các nhà tuyển dụng lao động.

Xây dựng kế hoạch NCKH để xác lập các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH ngành GDMN tương thích với mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và CDR của CTĐT.

Thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của người học với các cơ sở giáo dục khác trong nước và quốc tế (tập trung đối sánh với các cơ sở giáo dục có CTĐT được Khoa sử dụng để đối sánh, tham khảo khi xây dựng, rà soát CTĐT của mình). Thực hiện việc đối sánh mức độ hài lòng của các bên có liên quan về CLĐT của Nhà trường với các đơn vị đào tạo khác để làm cơ sở cải tiến CLĐT.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy 50 tiêu chí đạt và 0 tiêu chí chưa đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục Mầm non

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Quy Nhơn

Mã trường: DQN

Tên CTĐT: Giáo dục Mầm non

Mã CTĐT: 7140201

Bảng 4.1. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,33	3	100
Tiêu chí 1.1						6				
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5			5	3	100
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5			4,67	3	100
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5			5,00	3	100
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5			4,80	5	100
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5			4,57	7	100
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 7								5,00	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5,80	6	100
Tiêu chí 8.1						6				
Tiêu chí 8.2						6				
Tiêu chí 8.3						6				
Tiêu chí 8.4						6				
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5,80	5	100
Tiêu chí 9.1						6				
Tiêu chí 9.2						6				
Tiêu chí 9.3						6				
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5						6				
Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								5,60	5	100
Tiêu chí 11.1						6				
Tiêu chí 11.2						6				
Tiêu chí 11.3						6				
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5,15	50	100

Bình Định, ngày 29 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

PHẦN IV. PHỤ LỤC**Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 15/7/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Tiếng Anh: QUYNHON UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHQN

Tiếng Anh: QNU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GD&ĐT

5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0256.3846156 Số fax: 02563846089

7. E-mail: dqn@moet.edu.vn Website: www.qnu.edu.vn

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1982

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC VÀ MẦM NON

Tiếng Anh: DEPARTMENT OF PRIMARY AND PRESCHOOL EDUCATION

Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KGDTH-MN

Tiếng Anh: DOPAPE

13. Tên trước đây (nếu có): BAN GIÁO DỤC TIỂU HỌC

14. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Giáo dục Mầm non

- Tiếng Anh: Preschool Education

15. Mã CTĐT: 7140201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
18. Số điện thoại liên hệ: 02563846866 Số fax:
19. E-mail: kgdth@qnu.edu.vn Website: kgdth.qnu.edu.vn
20. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1990
21. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2004
22. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2008

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

23. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non nguyên là Ban Giáo dục Tiểu học được thành lập năm 1990. Ban Giáo dục Tiểu học đã phát triển một cách nhanh chóng theo đà phát triển chung của Nhà trường và theo yêu cầu đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học trình độ cử nhân của xã hội. Năm 1994, Khoa Giáo dục Tiểu học được thành lập.

Năm 2003-2004, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phát triển ngành giáo dục và Trường Đại học Quy Nhơn, Khoa được giao thêm nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non có trình độ cử nhân. Cũng vì thế, đến tháng 9/2011 khoa Giáo dục Tiểu học được đổi tên thành Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non. So với một số đơn vị khác trong trường, Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non là một đơn vị tương đối trẻ nhưng tập thể cán bộ GV trong Khoa từ ngày thành lập đến nay đã không ngừng cố gắng, nỗ lực, phấn đấu vươn lên phát triển và trưởng thành để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể cán bộ, GV trong Khoa đã có những thành tích đáng khích lệ góp phần vào việc phát triển chung của Nhà trường.

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non là đơn vị đầu tiên trong cả nước đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ cử nhân, tuyển sinh trực tiếp từ nguồn học sinh tốt nghiệp THPT; và tiếp theo là đào tạo cử nhân GDMN. Khoa là cơ sở đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học và mầm non bậc đại học chính quy chủ yếu cho các tỉnh trong khu vực Trung bộ - Tây Nguyên và cả nước. Ngoài ra, Khoa còn thực hiện liên kết với các trung tâm GDTX, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trong khu vực đào tạo đại học không chính quy Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non theo hình thức liên thông 2 năm, 3 năm, vừa làm, vừa học 4 năm và bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu chuẩn hóa, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tiểu học và mầm non.

24. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành của Trường ĐHQN



- Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành của Khoa GDTH&MN



25. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TS	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Trưởng khoa	Trần Thị Giang	1970	TS	0983888195	tranthigiang@qnu.edu.vn
2.	Phó Trưởng khoa	Bùi Thị Thúy Hằng	1983	ThS.	0905190251	buiithuyhang@qnu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Chi bộ	Trần Thị Giang	1970	TS, Bí thư	0983888195	tranthigiang@qnu.edu.vn
2.	Công đoàn	Lê Công Hạnh	1970	ThS, Chủ tịch	0913421516	leconghanh@qnu.edu.vn
2.	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thị Tho	1991	ThS, Bí thư	0375198396	nguyenthitho@qnu.edu.vn
3.	Hội SV	Hà Thị Thanh Xuân	1991	ThS, LCHT	0369915256	hathithanhxuan@qnu.edu.vn
III. Các đơn vị chức năng và phục vụ đào tạo						
1.	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	GVC. TS Trưởng phòng	0914031785	Lexuanvinh@qnu.edu.vn
2.	Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiến	1962	GVC. ThS Trưởng phòng	0914060611	Nguyenhuutien@qnu.edu.vn
3.	Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	GVCC. PGS.TS Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn
4.	Phòng Công tác chính	Hồ Văn Phi	1967	GVC. TS	0905021688	hovanphi@qnu.edu.vn

	trị-Sinh viên			Trưởng phòng		
5.	Phòng Cơ sở vật chất	Đoàn Đức Tùng	1970	TS.Trưởng phòng	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
6.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7.	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1972	ThS. Trưởng phòng	0935603630	nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn
8	Phòng Tổ chức - Cán bộ	Hà Thanh Hải	1969	TS. Trưởng phòng	0983443902	Hathanhhai@qnu.edu.vn
9	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Mai Xuân Miên	1961	TS. Trưởng phòng	0905291966	maixuanmien@qnu.edu.vn
10	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang	1972	TS. Trưởng phòng	0905110372	hoxuanquang@qnu.edu.vn
11	Thư viện	Lê Thanh Hải	1983	ThS. Giám đốc	0983443902	lethanhhai@qnu.edu.vn
12	TT Hỗ trợ sinh viên - Quan hệ doanh nghiệp	Nguyễn Khắc Khanh	1982	Th.S Giám đốc	0985554050	nguyenkhackhanh@qnu.edu.vn
13	TT Công nghệ thông tin - Truyền thông	Nguyễn Thành Đạt	1978	TS. Giám đốc	0905139393	nguyenthanhdatt@qnu.edu.vn
13	Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TS Viện trưởng	0931906721	<u>nguyenphihung@qnu.edu.vn</u>

IV. Các tổ bộ môn						
1.	Khoa học xã hội	Châu Minh Hùng	1968	TS, TBM	0982036175	chauminhhung@qnu.edu.vn
2.	Khoa học tự nhiên	Tô Văn Dung	1963	ThS, TBM	0914174699	tovandung@qnu.edu.vn
3	Giáo dục nghệ thuật	Phạm Xuân Trường	1970	ThS, TBM	0905244772	phamxuantruong@qnu.edu.vn

26. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng ngành đào tạo đại học (chính quy): 02

Số lượng ngành đào tạo đại học (không chính quy): 02

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

27. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

28. Tổng số các ngành đào tạo: 02

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

29. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	8	16	24
I.1	Cán bộ trong biên chế	8	14	22
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn		02	02
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)			
	Tổng số			

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khóa học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

30. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	05	05	00	02	00	00
5	Thạc sĩ	17	17	02	03	00	00
6	Đại học	00	00				
	Tổng số	22	22	02	05	00	00

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 22 người

Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 91,7%

31. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (ví dụ đối với trường đại học, học viện).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							00
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							00
4	Tiến sĩ	2	05	05	00	02	00	00	11,2
5	Thạc sĩ	1	17	17	02	03	00	00	19,9
6	Đại học								0,00
	Tổng		22	22	02	05	00	00	31,1

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

32. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỉ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	5		02	03	0	00	02	03	00
5	Thạc sĩ	17		06	11	02	05	05	05	00
6	Đại học	00	0,0							
	Tổng	22		08	14	02	05	07	08	

32.1 Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 46,5 tuổi

32.2 Tỉ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 05/22 (22,7%)

32.3 Tỉ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17/22 (77,3%)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỉ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	18.2
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	18.1	59.1
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	36.4	18.2
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	45.5	4.5
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

34. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và NCS.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỉ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	432	79	5,47	79	20	21	
2016-2017	541	125	4,33	117	19.5	19.5	01
2017-2018	809	81	9,99	74	21.25	22.2	
2018-2019	685	119	5,76	108	18.5	20	
2019-2020	587	76	7,72	68	18	20	

35. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. SV đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	371	361	352	370	367
Hệ không chính quy	846	1037	904	689	1214

36. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)			01		
Tỉ lệ (%) trên tổng số người học			0,3%		

37. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	356	358	329	334	328
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	51	53	55	62	54
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	2,7m ² /người	4m ² /người	4m ² /người	4m ² /người	4m ² /người

38. Số lượng (người) và tỉ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng(người)	0	08	02	06	0
Tỉ lệ (%) trên tổng số SV	0%	2,2%	0,6%	1,6%	0%

39. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. SV tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	149	130	82	86	72
Hệ không chính quy	603	477	323	111	330

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

40. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	149	130	82	86	72
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	93,1%	94,2%	93,2%	95,6%	91,1%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					94,4%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					9,6%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	90,83	100	75,68		78,4%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	0	0		1,4%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người	5,4	5,7	6,1		4,5

học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					55,6%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					33,3%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					11,1%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

41. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN							
2	Đề tài cấp Bộ*							
3	Đề tài cấp trường	0,5	02	01	02	02	01	4
4	Tổng		02	01	02	02	01	4

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư

Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 4

Tỉ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 4/22

42. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây: Không có.

43. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			06	
Từ 4 đến 6 đề tài			0	
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia			06	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

44. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5						
3	Sách tham khảo	1,0	01	01			01	03
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng		01	01			01	03

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 03

Tỉ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 03/ 22

45. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách			03	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia			03	

46. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						
			2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	01	0	0	
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	07	05	06	00	02	02	15
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	02	03	04	01	04	01	6,5
	Tổng		09	08	10	01	06	03	21,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 21,5

Tỉ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 21,5/22

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	01	04	07
Từ 6 đến 10 bài báo		01	
Từ 11 đến 15 bài báo		01	
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	01	06	07

48. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0			02			2
2	Hội thảo trong nước	0,5	02	02	04	01	01	5
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng		02	02	06	01	01	7

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 07

Tỉ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $07/22 = 0,3$

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	02	03	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	02	03	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

50. NCKH của người học

50.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây: Không.

50.2. Thành tích NCKH của SV:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	01	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố				01	

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

51. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): **241.298 m²**

52. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): **131.796 m²**

53. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: **11.018 m²** Nơi học: **26.076 m²** Nơi vui chơi giải trí: **12.354 m²**

54. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: **15.442 m²**

- Tỉ số diện tích phòng học trên người học chính quy: **2,1 m²/người**

55. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện

56. Thư viện: **157** (đầu sách ngành Giáo dục Mầm non)

57. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: **05**

- Dùng cho người học học tập: **500**

Tỉ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: $500/367 = 1,4$

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): **22**

Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): $22/24 = 91,7\%$

Tỉ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $05/22 = 22,7\%$

Tỉ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $17/22 = 77,3\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): **367**

Tỉ số người học chính quy trên giảng viên: $367/22 = 16,7$

Tỉ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): **93,7%**

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỉ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): **90,4%**

Tỉ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): **9,6%**

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): **78,4%**

Tỉ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): **1,4%**

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): **4.000.000 đ**

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỉ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): **55,6%**

Tỉ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): **33,3%**

Tỉ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%): **11,1%**

6. NCKH và chuyên giao công nghệ:

Tỉ số đề tài NCKH và chuyên giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **4/22**

Tỉ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **03/22**

Tỉ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **21,5/22**

Tỉ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **07/22**

7. Cơ sở vật chất:

Tỉ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: $580/376=1,4$

Tỉ số diện tích phòng học trên người học chính quy: **2.1 m²/người**

Tỉ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: **4 m²/người**

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: *48* /QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 11 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và Trưởng khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non, các Trưởng đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công bố website Trường;
- Lưu: VT, K.GDTH&MN, P. KTBĐCL.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ		PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Đình Hiền		PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà Trần Thị Giang		TS, Trưởng khoa K. GDTH & MN	Phó Chủ tịch
4	Bà Bùi Thị Thúy Hằng		ThS, PTK. K. GDTH & MN	Thư ký
5	Ông Nguyễn Hữu Tiến		ThS, TP. KT&BDCL	Thành viên
6	Ông Trương Minh Tấn		TS, PTP. Đào tạo đại học	Thành viên
7	Ông Châu Minh Hùng		TS, TBM Khoa GDTH & MN	Thành viên
8	Ông Tô Văn Dung		ThS, TBM Khoa GDTH & MN	Thành viên
9	Ông Phạm Xuân Trường		ThS, Phó TBM Khoa GDTH & MN	Thành viên
10	Ông Lê Nhật Ký		TS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Tường Loan		TS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
12	Ông Lê Công Hạnh		ThS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
13	Bà Phạm Thị Thu Hà		ThS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
14	Ông Nguyễn Khắc Khanh		ThS, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ sinh viên & QHDN	Thành viên
15	Bà Võ Thị Bích Hòa		SV GDMN, K.40, Khoa GDTH & MN	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người). *HL*

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Bùi Thị Thúy Hằng	ThS, Phó Trưởng khoa GDTH & MN	Trưởng Ban thư ký
2	Ông Nguyễn Thành Chiến	ThS, Chuyên viên P. KT&BĐCL	Thành viên hỗ trợ
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	ThS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	ThS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
5	Bà Lê Thị Ngọc Hiền	ThS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Tho	ThS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người). *th*



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 948/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1			
1.	Ông Châu Minh Hùng	TS, TBM Khoa GDTH & MN	Trưởng nhóm
2.	Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thư ký
3.	Ông Nguyễn Nhật Quang Dũng	ThS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
4.	Ông Võ Văn Hiệp	ThS, GV Khoa GDTH & MN	Thành viên
Nhóm 2			
1.	Bà Nguyễn Thị Tường Loan	TS, GV Khoa GDTH&MN	Trưởng nhóm
2.	Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thư ký
3.	Ông Phạm Hồng Thủy	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thành viên
4.	Bà Đào Ngọc Hân	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thành viên
5.	Ông Phạm Xuân Trường	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thành viên
Nhóm 3			
1.	Ông Lê Nhật Ký	TS, GV Khoa GDTH&MN	Trưởng nhóm
2.	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thư ký
3.	Bà Võ Thị Tuyết Mai	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thành viên
4.	Bà Hà Thị Thanh Xuân	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thành viên
Nhóm 4			
1.	Bà Phạm Thị Thu Hà	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Trưởng nhóm
2.	Bà Lê Thị Ngọc Hiền	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thư ký
3.	Bà Phan Thị Lệ Thủy	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thành viên
4.	Bà Huỳnh Thị Anh Thư	ThS, CV Khoa GDTH&MN	Thành viên
Nhóm 5			
1.	Ông Tô Văn Dung	ThS, TBM Khoa GDTH&MN	Trưởng nhóm
2.	Bà Nguyễn Thị Tho	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thư ký
3.	Ông Lê Công Hạnh	ThS, GV Khoa GDTH&MN	Thành viên
4.	Bà Lê Thị Trí Hoa	CV Khoa GDTH&MN	Thành viên

(Danh sách gồm có 21 người).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *FAO*/KH-ĐHQN

Bình Định, ngày *03* tháng *6* năm 2020

KẾ HOẠCH

Về việc triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Ngôn ngữ Anh, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Quản lý Nhà nước và Giáo dục Thể chất

Căn cứ Thông tư số 38 /2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 2057/KH-ĐHQN ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về Bảo đảm chất lượng giáo dục năm 2019-2020;

Căn cứ Kết luận của Hiệu trưởng tại cuộc họp triển khai công tác bảo đảm chất lượng giáo dục ngày 27/5/2020;

Nhà trường triển khai Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) của các ngành Ngôn ngữ Anh, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Quản lý Nhà nước và Giáo dục Thể chất theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Giúp Nhà trường và các khoa thực hiện CTĐT tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động cụ thể nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT, điều chỉnh mục tiêu theo hướng cao hơn cho giai đoạn tiếp theo.

- Từng bước tiếp cận các tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á (AUN-QA).

- Là điều kiện cần thiết để Trường đăng ký với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tiến tới đánh giá ngoài và đề nghị công nhận CTĐT đạt tiêu chuẩn chất lượng.

- Thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

1.2. Yêu cầu

- Trong quá trình tự đánh giá CTĐT, các khoa cần nghiên cứu kỹ nội hàm của

các tiêu chuẩn, tiêu chí, từ đó mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT; phân tích và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại và đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

- Cần có sự tham gia, phối hợp của toàn thể viên chức trong đơn vị thực hiện CTĐT và các đơn vị khác trong Trường.

- Hoạt động tự đánh giá CTĐT được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo tính khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các nhận định đưa ra trong quá trình tự đánh giá dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy.

2. Phạm vi

Triển khai tự đánh giá 05 CTĐT của các ngành Ngôn ngữ Anh, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Quản lý Nhà nước và Giáo dục Thể chất theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Công cụ

- Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Công văn số 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và KĐCLGD về việc hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT (*Kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng*).

4. Quy trình tự đánh giá CTĐT

Thực hiện theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 và công văn số 1075 /KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016, quy trình tự đánh giá CTĐT gồm các bước chính sau:

- a) Thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT, Ban thư ký và các nhóm công tác.
- b) Lập kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
- c) Phân tích các tiêu chí và thu thập thông tin, minh chứng.
- d) Xử lý các thông tin, minh chứng thu thập được, viết báo cáo các tiêu chí.
- e) Viết dự thảo Báo cáo tự đánh giá và lấy ý kiến hoàn thiện.
- f) Công bố Báo cáo tự đánh giá.
- g) Lưu trữ và sử dụng Báo cáo tự đánh giá.
- h) Triển khai thực hiện các kế hoạch hành động trong báo cáo tự đánh giá.

5. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác

5.1. Hội đồng tự đánh giá của mỗi CTĐT có số lượng thành viên là số lẻ, từ 09 đến 25 thành viên, do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

5.2. Các khoa lập danh sách thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT, Ban thư ký và các nhóm công tác (theo mẫu kèm theo) với thành phần như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá CTĐT là Hiệu trưởng.
- b) 02 Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG, trong đó 01 Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng phụ trách CTĐT, 01 Phó Chủ tịch là Trưởng khoa có CTĐT được đánh giá.
- c) Các thành viên Hội đồng TĐG bao gồm: đại diện Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Trưởng phòng Đào tạo đại học; Trưởng phòng KT&BĐCL; một số trưởng đơn vị trong trường; tổ bộ môn; đại diện giảng viên có uy tín tham gia các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học liên quan đến CTĐT được đánh giá; đại diện sinh viên của CTĐT.
- d) Giúp việc cho Hội đồng TĐG là Ban thư ký bao gồm: Trưởng Ban thư ký là Thư ký Hội đồng TĐG, 01 thành viên hỗ trợ là viên chức Phòng KT&BĐCL và các thành viên khác là thư ký của các nhóm công tác chuyên trách. Mỗi thành viên của Ban Thư ký không tham gia quá 02 nhóm công tác chuyên trách.
- e) Các công việc cụ thể của Hội đồng tự đánh giá được phân công cho các nhóm công tác chuyên trách. Mỗi nhóm có 4-5 người, phụ trách 2-3 tiêu chuẩn và do một thành viên của Hội đồng TĐG làm trưởng nhóm. Thành viên của các nhóm công tác cần có hiểu biết nhất định về các công tác của Trường, Khoa và CTĐT được đánh giá.

5.3. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá (TĐG)

- Thực hiện theo Điều 8 của Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013.

- Các đơn vị liên quan trong Trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ các nhóm công tác của các Hội đồng để triển khai tự đánh giá.

6. Thời gian biểu thực hiện tự đánh giá CTĐT

Stt	Nội dung thực hiện	Thời gian	Người/Đơn vị chủ trì	Người/Đơn vị thực hiện
1	Thành lập các Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác.	Tháng 6/2020	Hiệu trưởng	Các khoa, Phòng KT&BDCL
2	Thảo luận, phân công nhiệm vụ cho thành viên Hội đồng TĐG; Ban thư ký và các nhóm chuyên trách.	Tháng 6/2020	Chủ tịch Hội đồng TĐG	Các thành viên Hội đồng tự đánh giá
	Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.		Phó chủ tịch Hội đồng TĐG (Trưởng khoa)	Thư ký Hội đồng TĐG
3	Tập huấn về quy trình và các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.	Tháng 6/2020	Phòng KT&BDCL	Các thành viên Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác
4	<ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể GV, NV và SV tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến công tác tự đánh giá CTĐT. - Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua: <ul style="list-style-type: none"> + Kế hoạch TĐG CTĐT. + Dự thảo đề cương báo cáo TĐG. - Trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch TĐG. 	Tháng 6/2020	Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG (Trưởng khoa)	Các thành viên Hội đồng TĐG
5	Phân tích nội hàm các tiêu chí và thu thập thông tin, minh chứng	Tháng 7-9/2020	Các trưởng nhóm công tác	Các nhóm công tác
6	Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được			
7	Viết Dự thảo báo cáo theo tiêu chuẩn, tiêu chí.			
			Các Trưởng nhóm công tác	Thành viên nhóm công tác

8	Dự thảo Báo cáo TĐG và lấy ý kiến hoàn thiện Báo cáo.	Tháng 9/2020	Trưởng Ban Thư ký	Thành viên Ban thư ký
9	- Công bố Báo cáo TĐG trong nội bộ, tiếp nhận ý kiến, bổ sung, chỉnh sửa; - Hoàn thiện Báo cáo TĐG	Tháng 10/2020	Chủ tịch Hội đồng TĐG	Thành viên Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký
	Họp Hội đồng thông qua Báo cáo TĐG lần cuối.			
10	- Gửi công văn báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hoàn thành Báo cáo TĐG các CTĐT.	Tháng 11/2020	Chủ tịch Hội đồng TĐG	Phòng KT&BDCL
	- Scan toàn bộ minh chứng kèm theo Báo cáo TĐG, lưu trữ vào hệ thống BDCL của Trường. - Chuẩn bị Báo cáo TĐG và các thông tin, minh chứng chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài.		Phó Chủ tịch Hội đồng TĐG (Trưởng khoa)	Ban thư ký

7. Về tài chính

Phòng Kế hoạch - Tài chính chuẩn bị kinh phí để triển khai thực hiện hoạt động tự đánh giá các CTĐT trên theo quy định.

Các khoa gửi về Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng các văn bản và file mềm qua email pkt@qnu.edu.vn để Phòng tổng hợp, trình Hiệu trưởng phê duyệt:

a) Danh sách Hội đồng tự đánh giá CTĐT, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (theo mẫu kèm theo) trước ngày **11/06/2020**.

b) Kế hoạch tự đánh giá CTĐT trước ngày **23/06/2020**.

Nhà trường đề nghị các đơn vị có liên quan triển khai nghiêm túc, đầy đủ Kế hoạch này./.

Nơi nhận: 

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các Trường khoa: Ngoại ngữ, GDTH&MN, LLCT-Luật&QLNN; GDTC-QP;
- Phòng ĐTDH và các đơn vị liên quan.
- Lưu: VT, KTBĐCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền